

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
NGÀNH KẾ TOÁN

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ
TẠI CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ DU LỊCH
KẾT NỐI TOÀN CẦU

GVHD: ThS. NGUYỄN THỊ LAN ANH
SVTH: NGUYỄN THỊ THÙY VÂN
MSSV: 16125085



Tp. Hồ Chí Minh, tháng 01/2021

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT TP HỒ CHÍ MINH
KHOA ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO**



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ TẠI CÔNG
TY TNHH ĐẦU TƯ DU LỊCH KẾT NỐI TOÀN CẦU**

Sinh viên thực hiện: NGUYỄN THỊ THÙY VÂN

Mã số sinh viên: 16125085

Khóa 16

Ngành: KẾ TOÁN

Giáo viên hướng dẫn: TS. NGUYỄN THỊ LAN ANH

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 1 năm 2021

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Việc quản lý tốt các nguồn doanh thu chi phí song song với nhau để hướng tới hiệu quả kinh doanh với mục đích cuối cùng là lợi nhuận đã được các nhà quản trị đặt ra từ rất lâu. Tuy nhiên, làm thế nào để hệ thống hoá cơ sở dữ liệu và tạo môi trường kiểm soát một cách hợp lý vẫn chưa được các nhà kinh tế học chú trọng. Có thể nói, do tính chất, mô hình kinh doanh của các công ty trên thị trường hiện nay đa dạng, khiến cho việc quản lý các nguồn chi phí cũng trở nên vô cùng phong phú khiến cho việc đưa ra giải pháp hệ thống hoá chung nhất cũng trở nên khó khăn, buộc kế toán viên phải biết co dãn trong công tác.

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp tất yếu phải phát sinh các loại chi phí, chúng rất đa dạng và phức tạp, ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động của doanh nghiệp. Để quản lý được các chi phí thì việc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là hết sức cần thiết và quan trọng.

Bài báo “Kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp” trên tạp chí Tài chính xuất bản ngày 01/05/2019 của hai đồng tác giả là Hoàng Thị Nguyệt và Hà Thị Thanh Nga đã trình bày được các nhược điểm còn tồn tại của chế độ và chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như những bất cập về mô hình kế toán chi phí vẫn còn chưa được coi trọng: vẫn còn mang tính chất khuôn mẫu, tổ chức hoạt động kế toán bị chi phối bởi nhiều hệ thống chính sách kế toán khác nhau; mô hình kế toán chi phí hiện nay của các doanh nghiệp vẫn còn tập trung nhiều vào các mục tiêu tài chính mà chưa đáp ứng được nhu cầu sâu xa của các nhà quản trị.

Bên cạnh đó, bài nghiên cứu “Xây dựng mô hình kế toán quản trị chi phí trong doanh nghiệp khởi nghiệp” của ThS. Đinh Thị Thùy Liên - Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công Nghiệp (phát hành ngày 04/02/2019) đã nhận định tầm quan trọng của chi phí đối với một doanh nghiệp: “Hoạt động khởi nghiệp tại Việt Nam đứng trước nhiều cơ hội phát triển, tuy nhiên, các doanh nghiệp khởi nghiệp muốn tồn tại, phát triển bền vững và nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường, các nhà quản trị cần nhận thức về vai trò quan trọng của kế toán quản trị trong điều hành doanh nghiệp. Đặc biệt, để hoạch định chiến lược phát triển, kiểm soát chi phí hiệu quả nhất, việc xây dựng mô hình kế toán quản trị chi phí là một yêu cầu cấp bách, nhằm tăng cường hiệu quả quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, làm tăng khả năng tồn tại và phát triển của doanh nghiệp khởi nghiệp trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng quyết liệt.

Trong hoạt động của doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp khởi nghiệp nói riêng, kế toán quản trị chi phí có mối quan hệ hữu cơ với chức năng quản lý. Theo đó, để đạt được mục tiêu

điều hành và quản lý hoạt động kinh doanh, nhà quản trị doanh nghiệp cần lập kế hoạch và dự toán chi phí trên cơ sở mục tiêu đã đề ra, tổ chức điều hành thực hiện kế hoạch và kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch, cụ thể hoá các thông tin chỉ đạo điều hành của nhà quản trị. Bên cạnh đó, kế toán quản trị chi phí cũng có chức năng quan trọng trong việc phân bổ nguồn lực bởi có thể giúp cho các nhà quản trị tính toán, lựa chọn để đưa ra quyết định tối ưu nhất cho việc phân bổ các nguồn lực sẵn có một cách hiệu quả hơn. Chẳng hạn, khi thông qua kế toán quản trị chi phí được cung cấp trung thực về tình hình chi phí, thu nhập và kết quả lợi nhuận thu được của từng lĩnh vực, các rủi ro hiện hữu (rủi ro lãi suất, rủi ro thanh khoản, rủi ro tỷ giá...), các nhà quản trị có thể có đủ thông tin để đưa ra các quyết định điều hành theo hướng có lợi cho doanh nghiệp...”.

Tuy nhiên, vẫn còn thấy rõ tình trạng công tác kế toán về chi phí kinh doanh tại các doanh nghiệp tương đối bị coi nhẹ, trong khi các khoản chi này ảnh hưởng đến việc duy trì hoạt động của công ty, đến nguồn lợi nhuận, lãi, lỗ hàng kỳ. Khi tầm quan trọng của chi phí là không thể chối cãi, thế nhưng số lượng bài báo, luận văn nghiên cứu lại không nhiều, trình bày qua loa, quá chú trọng vào vai trò về chuyên môn và cá nhân của người làm kế toán, chưa nêu ra được nhiều về phương pháp làm thế nào để hệ thống hóa quản lý chi phí một cách hiệu quả.

Sau quá trình thực tập tại công ty TNHH Đầu Tư Lịch Kết Nối Toàn Cầu, bên cạnh việc được học tập trau dồi các kiến thức thực tế để nâng cao các kỹ năng mềm liên quan đến nghề nghiệp, em thực tập còn được chỉ dẫn tìm hiểu sâu hơn về cách thức người kế toán quản lý kinh doanh tại đơn vị.

Chính vì vậy, em xin trình bày về quá trình tìm hiểu kế toán chi phí sau thời gian được thực tập tại doanh nghiệp, từ đó đưa đến các giải pháp nhằm hoàn thiện những lỗ hỏng cần khắc phục trong quá trình quản lý chi phí kinh doanh tại công ty TNHH Du Lịch Đầu Tư Kết Nối Toàn Cầu với những đặc thù của mô hình kinh doanh còn tương đối mới lại với nhiều kế toán viên non trẻ hiện tại.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Dựa trên sự cấp thiết và tính thực tế có thực tại đơn vị thực tập đã nêu ở trên, em nhận thấy được một số chi phí hạch toán chưa hợp lý. Điều này dẫn đến kết quả là chi phí tăng cao làm cho các khoản lỗ của công ty vượt mức so với khoản lợi nhuận thu được.

Do đó, mục tiêu nghiên cứu của em là tìm ra những giải pháp hoàn thiện công tác kế toán chi phí thích hợp với chính sách kế toán, đưa ra các đề xuất của mình nhằm có thể được công

ty giải quyết các hạch toán giảm đi phần khó khăn nhưng vẫn đúng với luật Kế toán, Thông tư 133 và chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Hơn thế nữa, em cũng mong muốn có thể đem kết quả nghiên cứu này để đóng góp nhằm đưa ra những giải pháp hoàn thiện công tác kế toán chi phí tại những doanh nghiệp hoặc công ty khác gặp những vấn đề tương tự và có phương hướng giải quyết thích hợp.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- **Đối tượng nghiên cứu:**

Đề tài tập trung nghiên cứu công tác kế toán về chi phí kinh doanh của các doanh nghiệp thương mại tại Việt Nam hiện nay và cụ thể hóa với công tác kế toán tại công ty TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu để đưa ra các giải pháp hoàn thiện tương thích.

- **Phạm vi nghiên cứu**

- Phạm vi nghiên cứu về không gian: nghiên cứu tại công ty TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu
- Phạm vi nghiên cứu về thời gian: Nghiên cứu các số liệu kế toán phát sinh của chi phí trong năm 2019.

4. Phương pháp nghiên cứu

4.1 Phương pháp thu thập dữ liệu

- *Phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp*

Được thu thập từ sách, báo, tạp chí, Internet các báo cáo tổng hợp được thu thập từ tài liệu tại các phòng như phòng kế hoạch, phòng tài chính cũng như phòng kế toán tại công ty.

Tác giả đã sưu tầm, tìm kiếm các thông tin, tài liệu liên quan đến công tác kế toán nói chung và kế toán chi phí nói riêng.

- *Phương pháp thu thập dữ liệu sơ cấp*

Được thu thập từ các nguồn tài liệu sau: Thu thập thông tin từ phỏng vấn. Số liệu theo dõi quá trình ghi chép, phản ánh các thông tin từ bộ phận phòng kế toán của công ty. Đối tượng được phỏng vấn là kế toán trưởng hoặc các kế toán viên tại công ty TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu.

Tất cả các thông tin thu thập được thông qua các phương pháp nêu trên đều được chuyên qua khâu phân tích, xử lý dữ liệu.

4.2 Phương pháp xử lý, phân tích dữ liệu

- *Phương pháp thống kê*

- Phương pháp so sánh
- Phương pháp tham khảo ý kiến chuyên gia.

5. Câu hỏi nghiên cứu

Các câu hỏi được đặt ra trong quá trình nghiên cứu và thống kê:

- Thực trạng công tác kế toán chi phí tại doanh nghiệp như thế nào?
- Những bất cập trong công tác kế toán chi phí của doanh nghiệp là gì?
- Nguyên nhân dẫn đến những hạn chế trong công tác kế toán chi phí của doanh nghiệp là gì?
- Để hoàn thiện công tác kế toán chi phí của doanh nghiệp cần những giải pháp nào?
- Những giải pháp trên hoàn thiện được những đối tượng nào và giải quyết được những bất cập gì của doanh nghiệp?

6. Những đóng góp chủ yếu của đề tài

Đề tài khóa luận của em dùng để nghiên cứu và phân tích những ưu điểm và nhược điểm của hệ thống kế toán chi phí của công ty. Từ đó em nhận thấy rằng công tác kế toán chi phí có những chỗ thiếu sót, không đồng nhất với Thông tư 133 và đưa ra những phương án giúp cho công ty hoàn thiện hơn trong việc công tác kế toán chi phí.

Đầu tiên, em hi vọng có thể đưa ra những ý kiến khách quan và phù hợp để đóng góp vào hệ thống kế toán cho đơn vị thực tập là quý Công ty TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu và đưa ra các giải pháp hoàn thiện hệ thống kế toán chi phí, góp phần giúp cho công ty dễ dàng hơn trong việc quản lý và kiểm soát chi phí sao cho phù hợp với Thông tư, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Cuối cùng, với tư cách là sinh viên và là kế toán viên tương lai, em trinh bày mong muốn đề tài này có thể góp phần nào giúp cho các kế toán viên non trẻ còn lạ lẫm với mô hình công ty cung ứng các dịch vụ bên thứ ba nói riêng và các doanh nghiệp thương mại dịch vụ nói chung sẽ có thêm hiểu tự tin để ứng cử vào những vị trí kế toán trong công ty mà mình mong muốn.

7. Kết cấu đề tài

Bài luận có cấu trúc gồm 4 chương:

Chương 1: Giới thiệu tổng quan về Công ty TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu

Chương 2: Cơ sở lý luận về công tác kế toán chi phí tại doanh nghiệp thương mại

Chương 3: Thực trạng công tác kế toán chi phí tại Công ty TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu

Chương 4: Giải pháp hoàn thiện

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ DU LỊCH KẾT NỐI TOÀN CẦU	12
 1.1. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ DU LỊCH KẾT NỐI TOÀN CẦU ..	12
 1.1.1. Thông tin công ty.....	12
 1.1.2. Chức năng và lĩnh vực kinh doanh.....	13
1.1.2.1. Chức năng.....	13
1.1.2.2. Lĩnh vực kinh doanh	13
 1.1.3. Bộ máy quản lý	13
 1.1.4. Bộ máy kế toán	15
 1.1.5. Hình thức kế toán.....	16
 1.1.6. Niên độ và chế độ kế toán hiện hành	17
 1.1.7. Các chính sách kế toán áp dụng:	18
CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ TẠI DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI.....	22
 2.1. KHÁI QUÁT VỀ CHI PHÍ TẠI DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	22
 2.1.1. Giá vốn hàng bán.....	22
2.1.1.1. Chứng từ.....	22
2.1.1.2. Sổ kế toán	23
2.1.1.3. Tài khoản sử dụng	23
2.1.1.4. Phương pháp định khoản.....	24
2.1.1.5. Trình bày thông tin trên báo cáo tài chính:	26
 2.1.2. Chi phí bán hàng	27
2.1.2.1. Chứng từ.....	28
2.1.2.2. Sổ kế toán	29
2.1.2.3. Tài khoản sử dụng	29
2.1.2.4. Phương pháp định khoản.....	30

2.1.2.5. Trình bày thông tin trên báo cáo tài chính	34
2.1.3. Chi phí quản lý doanh nghiệp	36
2.1.3.1. Chứng từ.....	37
2.1.3.2. Sổ kế toán	37
2.1.3.3. Tài khoản sử dụng	38
2.1.3.4. Phương pháp định khoản.....	39
2.1.3.5. Trình thông tin trên báo cáo tài chính	42
2.2. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN CHI PHÍ VIỆT NAM VÀ THẾ GIỚI	44
CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ TẠI CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ DU LỊCH KẾT NỐI TOÀN CẦU	49
3.1. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU.....	ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.
3.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ TẠI ĐƠN VỊ	49
 3.2.1. Giá vốn hàng bán.....	49
3.2.1.1. Chứng từ.....	49
3.2.1.2. Sổ kế toán	49
3.2.1.3. Tài khoản sử dụng	49
3.2.1.4. Trích dẫn nghiệp vụ kinh tế phát sinh.....	49
3.2.1.5. Trình bày thông tin trên Báo cáo tài chính.....	52
 3.2.2. Chi phí bán hàng	54
3.2.2.1. Chứng từ.....	54
3.2.2.2. Sổ kế toán	55
3.2.2.3. Tài khoản sử dụng	55
3.2.2.4. Trích dẫn nghiệp vụ kinh tế phát sinh.....	55
3.2.2.5. Trình bày thông tin trên Báo cáo tài chính.....	58
 3.2.3. Chi phí quản lý doanh nghiệp	59
3.2.3.1. Chứng từ.....	59
3.2.3.2. Sổ kế toán	60

3.2.3.3. Tài khoản sử dụng	60
3.2.3.4. Trích dẫn nghiệp vụ kinh tế phát sinh	60
3.2.3.5. Trình bày thông tin trên Báo cáo tài chính.....	64
3.3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU	65
 3.3.1. Chứng từ sử dụng.....	65
3.3.1.1. Ưu điểm.....	65
3.3.1.2. Nhược điểm	66
 3.3.2. Sổ kế toán	70
3.3.2.1. Ưu điểm.....	70
3.3.2.2. Nhược điểm	71
 3.3.3. Tài khoản kế toán.....	72
3.3.3.1. Ưu điểm.....	72
3.3.3.2. Nhược điểm	73
 3.3.4. Phương pháp định khoản	74
3.3.4.1. Ưu điểm.....	74
3.3.4.2. Nhược điểm	75
 3.3.5. Trình bày trên báo cáo tài chính	76
3.3.5.1. Ưu điểm.....	76
3.3.5.2. Nhược điểm	77
3.4. NGUYÊN NHÂN DẪN ĐẾN HẠN CHẾ CỦA CÔNG TÁC KẾ TOÁN	78
CHƯƠNG 4: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN	1
4.1. CHỨNG TỪ SỬ DỤNG.....	1
4.2. SỔ KẾ TOÁN	4
4.3. TÀI KHOẢN SỬ DỤNG	6
4.4. PHƯƠNG PHÁP HẠCH TOÁN.....	8
4.5. TRÌNH BÀY THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	9

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1 Sơ đồ bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu

Sơ đồ 1.2 Sơ đồ bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu

Sơ đồ 1.3 Sơ đồ quy trình hình thức ghi sổ trên máy tính

Sơ đồ 1.4 Sơ đồ chữ T phương pháp hạch toán tài khoản giá vốn hàng bán

Sơ đồ 1.5 Sơ đồ chữ T phương pháp hạch toán tài khoản chi phí bán hàng

Sơ đồ 1.6 Sơ đồ chữ T phương pháp hạch toán tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp

Sơ đồ 1.7 Bảng tài khoản kế toán chi phí kinh doanh do em sinh viên thiết kế lại và đề xuất

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1: Tài khoản chi phí bán hàng theo Thông tư 133/2016/TT-BTC

Bảng 2.2: Tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp theo Thông tư 133/2016/TT-BTC

Bảng 2.3: Tài khoản kế toán chi phí bán hàng đơn vị thực tập sử dụng

Bảng 2.4: Tài khoản kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp đơn vị thực tập sử dụng

Bảng 2.5: Bảng tài khoản kế toán chi phí kinh doanh đơn vị thực tập đang sử dụng

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

CP	Cổ phần
QLDN	Quản lý doanh nghiệp
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
TNCN	Thuế thu nhập cá nhân
GTGT/ VAT	Giá trị gia tăng
TK	Tài khoản
ĐPCMĐ	Đoàn phí công đoàn
HĐKD	Hoạt động kinh doanh
HĐTC	Hoạt động tài chính
BHYT	Bảo hiểm y tế
BHXH	Bảo hiểm xã hội
KPCĐ	Kinh phí công đoàn
DTBH - DV	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
GVHB	Giá vốn hàng bán
LNGBH - DV	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ
LNTHKD	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh
LNKTTT	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế
LNSTTNDN	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ DU LỊCH KẾT NỐI TOÀN CẦU

1.1. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ DU LỊCH KẾT NỐI TOÀN CẦU

Công ty TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu hiện đang là đại lý của các hãng hàng không và là đối tác chính thức của các trang đặt phòng khách sạn trực tuyến trên toàn cầu cũng như đối tác về bảo hiểm, du lịch. Công ty cung cấp cho khách hàng các dịch vụ liên quan đến các dịch vụ lữ hành trực tuyến như vé máy bay, dịch vụ visa/passport, khách sạn, bảo hiểm du lịch.

Công ty được Chi cục thuế Quận Phú Nhuận cấp phép ngày 21/08/2015 và chính thức đi vào hoạt động.

1.1.1. Thông tin công ty

- Tên chính thức: Công ty TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu
- Tên giao dịch: GLOBAL LINK TRAVEL CO.LTD
- Mã doanh nghiệp: 0313410237
- Địa chỉ: 29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 01, Quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại: (+84) 028 399 00 567
- Website: Globalink.vn
- Người đại diện pháp luật: Đặng Việt Hùng
- Ngành nghề chính: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; chi tiết: Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay, vé tàu, vé xe (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động vận tải liên quan đến đường hàng không)
- Logo công ty:



1.1.2. Chức năng và lĩnh vực kinh doanh

1.1.2.1. Chức năng

Kết Nối Toàn Cầu là một trong những đối tác trung gian đáng tin cậy về lĩnh vực cung ứng dịch vụ du lịch nói chung và lĩnh vực hỗ trợ về lữ hành hàng không nói riêng, đây cũng là ngành nghề kinh doanh chính nhất cũng như là thế mạnh của công ty.

Công ty đã và đang hoạt động ngày càng mạnh mẽ nhằm đáp ứng nhu cầu trên của người tiêu dùng, công ty hướng tới các tiêu chí tương thích và tiết kiệm nhất, nhằm đưa ra những dịch vụ tốt và kịp thời nhất đến tay khách hàng, cũng như hỗ trợ một cách chu đáo nhất những vấn đề về lữ hành, tận tình giải đáp mọi nhu cầu thắc mắc của khách hàng về quy trình vận chuyển.

1.1.2.2. Lĩnh vực kinh doanh

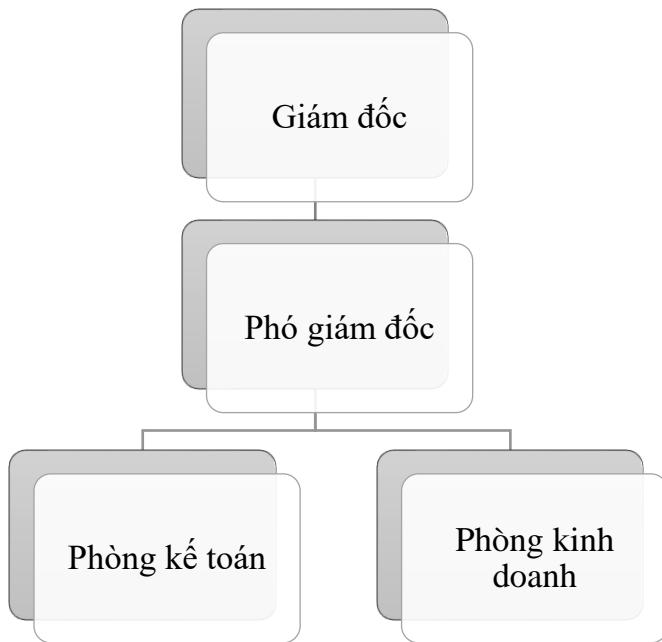
Sau hơn 4 năm hoạt động, Globalink Travel đã tạo cho mình uy tín với lĩnh vực kinh doanh: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, chi tiết là: Hoạt động của đại lý bán vé máy bay, vé tàu, vé xe (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động vận tải liên quan đến đường hàng không).

1.1.3. Bộ máy quản lý

Công ty TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu, với quy mô còn nhỏ, phân hệ không nhiều, số lượng nhân viên ít, bộ máy quản lý công ty cũng có cấu trúc tương đối đơn giản nhằm thể hiện những chức năng chính nhất của mình, đồng thời cũng tiết kiệm tối đa về chi phí nhân lực cho doanh nghiệp.

Bộ máy quản lý của doanh nghiệp được phân chia như sau:

Sơ đồ 3.1: Sơ đồ bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu:



Nguồn: Phòng Kế toán Công ty TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu.

Chức năng và nhiệm vụ các phòng ban:

- **Giám đốc:** Là người giữ vai trò quan trọng nhất trong công ty, là đại diện pháp nhân hợp pháp của công ty và cũng là người quản lý, điều hành mọi hoạt động kinh doanh của công ty, chịu trách nhiệm trước Nhà nước và công ty về mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Đồng thời giám đốc còn là người chủ trì việc xây dựng chiến lược phát triển kinh doanh, xây dựng kế hoạch dài hạn và trung hạn. Giám đốc còn ban hành các văn bản áp dụng trong tổ chức điều hành cũng như trong việc bổ nhiệm khen thưởng, kỷ luật cán bộ nhân viên trong công ty.
- **Phó giám đốc:** Là người giúp việc cho Giám đốc điều hành một số lĩnh vực theo phân công của Giám đốc, đồng thời chịu trách nhiệm trước pháp luật về nhiệm vụ được giám đốc phân công
- **Phòng kinh doanh:** Có nhiệm vụ tổ chức tiếp thị, lập các dự án kinh doanh, tham mưu cho giám đốc trong tổ chức thực hiện việc cung ứng các dịch vụ quản lý và điều hành có hiệu quả đảm bảo quá trình kinh doanh được nhanh chóng, hoàn thiện.
- **Phòng kế toán:** Có chức năng tham mưu cho giám đốc về công tác kế toán tài chính theo quy định của Nhà nước. Phòng kế toán còn có nhiệm vụ ghi chép, phản ánh chính xác, trung thực kịp thời về tình hình biến động của tài sản, hàng hóa, tiền lương, tiền vốn, công nợ của công ty. Bên cạnh đó phòng kế toán còn phản ánh đầy đủ chi phí và kết quả hoạt động sản

xuất kinh doanh, nghiên cứu các đề xuất, các phương án kinh doanh dựa vào kết quả kinh doanh của các kỳ. Đồng thời qua đó, phòng kế toán đưa ra các giải pháp kinh doanh có hiệu quả, lập và gửi báo cáo tài chính cho cơ quan chức năng, hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế đối với Nhà nước.

1.1.4. Bộ máy kế toán

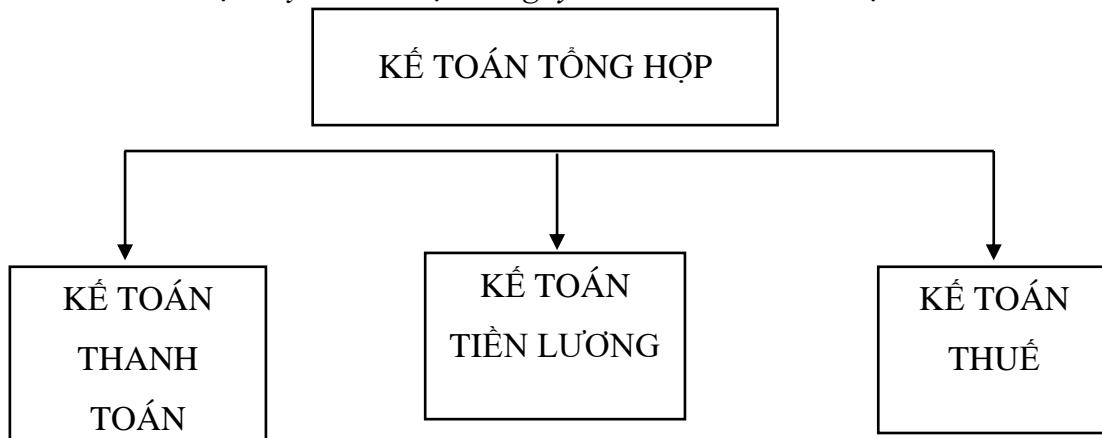
Phòng kế toán có vai trò không nhỏ trong việc duy trì hoạt động của công ty. Chính vì vậy, việc phân chia bộ máy kế toán phù hợp cũng ảnh hưởng không nhỏ đến việc duy trì và phát triển của doanh nghiệp.

Công ty TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu khởi đầu với phòng kế toán nhỏ và chỉ với duy nhất một kế toán viên. Sự phát triển dần theo thời gian cùng sự mở rộng về quy mô đối tác cũng như khách hàng yêu cầu công ty cần tăng thêm nhân sự cùng với tính phân hệ rõ ràng hơn về bộ máy kế toán nhằm phân chia nhiệm vụ, theo dõi sát sao tình hình kinh doanh của doanh nghiệp.

Bộ máy kế toán của đơn vị được tổ chức theo mô hình tập trung và tối giản hóa nhằm mục đích vừa đảm bảo nhu cầu nhân sự, vừa tiết kiệm các chi phí về nhân viên.

Phòng kế toán của công ty được phân chia theo sơ đồ dưới đây:

Sơ đồ 3.2: Sơ đồ bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu:



Nguồn: Phòng Kế toán Công ty TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu.

Chức năng và nhiệm vụ các chức vụ:

- *Kế toán tổng hợp:* cung cấp cho doanh nghiệp những thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh đang diễn ra cũng như theo dõi các diễn biến thị trường nhằm quản lý doanh nghiệp đạt hiệu suất tốt hơn; kế toán tổng hợp thực hiện các công việc tổng hợp, giám sát, kiểm tra nhằm bảo vệ tài sản của doanh nghiệp, phản ánh với giám đốc tình hình thực hiện kế toán tài chính cũng như phản ánh cho giám đốc việc chấp hành chính sách chế độ kế toán tài

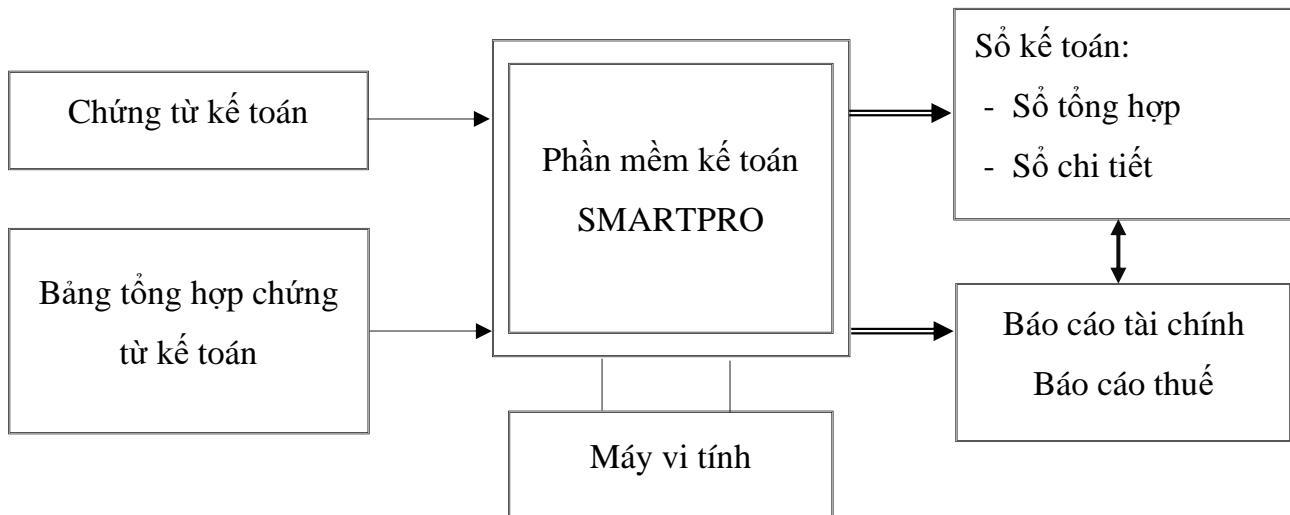
chính của nhà nước và phát hiện khả năng tiềm năng trong doanh nghiệp.

- **Kế toán thanh toán:** Quản lý các khoản thu chi tại đơn vị, kiểm soát hoạt động thu ngân, theo dõi tiền gửi ngân hàng, theo dõi các khoản công nợ, theo dõi và quản lý quỹ tiền mặt, trực tiếp thực hiện các nghiệp vụ chi trả nội bộ, thanh toán.
- **Kế toán thuế:** lập tờ khai thuế; tập hợp hóa đơn và các chứng từ phát sinh để theo dõi các khoản thuế để hạch toán; lập các loại báo cáo thuế theo quý và theo năm, lập báo cáo quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp.
- **Kế toán lương:** Chấm công và theo dõi cán bộ nhân viên; tính, hạch toán tiền lương và các khoản trích lương; quản lý kỳ lương chính và việc tạm ứng lương.

1.1.5. Hình thức kế toán

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ kế toán trên phần mềm máy tính. Dưới đây là sơ đồ thể hiện quy trình các bước xử lý dữ liệu của hình thức ghi sổ này:

Sơ đồ 3.3: Sơ đồ quy trình hình thức ghi sổ trên máy tính:



Ghi chú:

→: Ghi hằng ngày

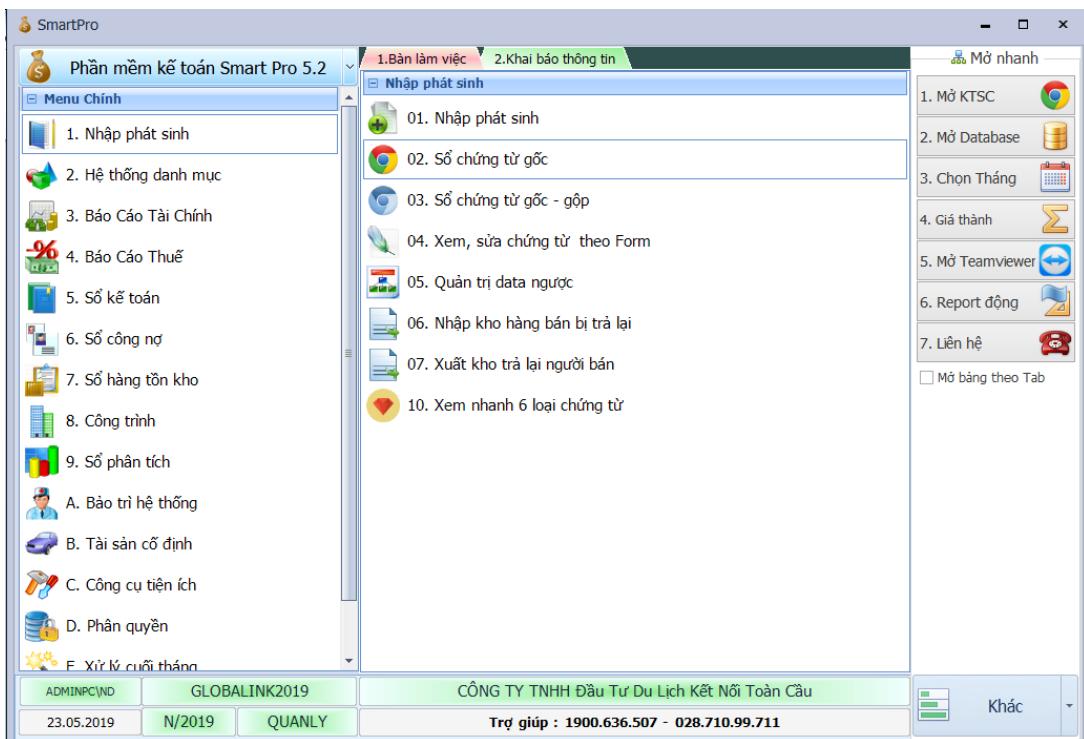
==>: Tổng hợp báo cáo cuối tháng, cuối năm

↔: Đôi chiều, kiểm tra

Nguồn: Phòng Kế toán Công ty TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu.

Cụ thể, công tác kế toán tại công ty được xử lý qua phần mềm kế toán Smart Pro phiên bản 5.2:

Hình 3.1: Giao diện của phần mềm SmartPro phiên bản 5.2:



Nguồn: Phòng Kế toán Công ty TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu.

❖ Quy trình kế toán theo hình thức máy vi tính tại công ty:

- Mỗi ngày, kế toán nhận được chứng từ (hoặc bảng tổng hợp chứng từ) về nghiệp vụ kế toán phát sinh, sau đó tiến hành “Nhập phát sinh” nhờ vào phần mềm kế toán tại công ty.
- Cuối mỗi quý, kế toán sẽ cho in ra các sổ tổng hợp (sổ nhật ký chung, sổ cái) và sổ chi tiết cản thiết cùng với bảng kê mua vào bán ra nhằm lập báo cáo thuế GTGT hàng quý. Kế toán thuế sẽ tiến hành rà soát lại sổ sách với báo cáo thuế để đảm bảo tính đúng đắn khi thực hiện nghĩa vụ nộp thuế.
- Cuối niên độ, kế toán cho chạy phần mềm đưa ra hệ thống sổ sách, chứng từ đầy đủ, các Báo cáo tài chính. Sau đó tiến hành kiểm tra, đối chiếu hàng loạt để đảm bảo tính chân thật của Báo cáo tài chính.

1.1.6. Niên độ và chế độ kế toán hiện hành

- Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.
- Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ tài chính về Hướng dẫn chế độ cho doanh nghiệp vừa và nhỏ áp dụng từ ngày 01/01/2017, thay thế cho Quyết định 48.
- Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

1.1.7. Các chính sách kế toán áp dụng:

Công việc kế toán tại công ty TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu được thực hiện theo các chính sách kế toán sau:

a) Tiền và các khoản tương đương tiền:

- Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển
- Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Khoản thầu chỉ ngân hàng được phản ánh tương tự như khoản vay ngân hàng.
- Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

b) Các khoản phải thu:

- Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.
- Phân loại theo dõi các khoản phải thu trong kỳ như sau: phải thu khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác.
- Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính như sau: các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn; các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

c) Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định:

- Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.
- Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.
- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình: ghi nhận theo giá trị hợp lý ban đầu (bao gồm giá mua cộng chi phí phát sinh để đưa tài sản đó vào sử dụng).
- Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình: tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

d) Chi phí trả trước dài hạn:

- Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ đã xuất dùng nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Các khoản chi phí này được tính và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán dựa vào phương pháp và tiêu thức phân bổ đã lựa chọn phù hợp với tính chất và mức độ của từng loại chi phí.

e) Các khoản phải trả:

- Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.
- Phân loại và theo dõi các khoản phải trả trong: phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác.
- Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính như sau: các khoản phải trả có thời hạn thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn; các khoản phải trả có thời hạn thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

f) Ghi nhận vốn góp chủ sở hữu và lợi nhuận chưa phân phối:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng hoặc trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi té thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi té sai sót trọng yếu của các năm trước.

g) Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác:

- Doanh thu bán hàng được chỉ nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
 - + Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyên giao cho người mua;
 - + Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
 - + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - + Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
 - + Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.
- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- + Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- + Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.
- Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty như: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật...

h) Ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Chiết khấu thương mại phải trả là khoản công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.
- Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.
- Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

i) Ghi nhận giá vốn hàng bán:

- Giá vốn hàng bán bao gồm toàn bộ trị giá của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ mua vào.

j) Ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp:

- Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

k) Ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại:

- Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

- Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:
 - + Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
 - + Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.
- đào thải khỏi nền kinh tế mới và đầy tiềm năng này.

CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ TẠI DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI

2.1. KHÁI QUÁT VỀ CHI PHÍ TẠI DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI

Trong từ điển kinh tế, chi phí kinh doanh được định nghĩa là “mọi sự tiêu phí tính bằng tiền của một doanh nghiệp” hay rõ ràng hơn: “Chi phí là một khái niệm của kết toán, có chi phí giới hạn trong doanh nghiệp gắn với các mục tiêu của doanh nghiệp và chi phí ngoài doanh nghiệp, có cơ sở ở các hoạt động khác hoặc nguyên nhân khác”.

Như thế, chi phí là một khái niệm có nội dung đa dạng. Trong từ điển kế toán chi phí được hiểu là “giá trị tiền tệ của khoản hao phí bỏ ra nhằm thu được các loại tài sản, hàng hoá hoặc dịch vụ.”

Với cấu trúc kinh doanh của các doanh nghiệp thương mại không trãi qua khâu sản xuất ra thành phẩm sử dụng chi phí ngoài sản xuất bao gồm: giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

2.1.1. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được hiểu đơn giản là toàn bộ chi phí để tạo ra một sản phẩm. Nó liên quan đến quá trình bán hàng bao gồm giá vốn hàng xuất kho, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp. Sự hình thành giá vốn hàng bán được phân biệt ở các giai đoạn khác nhau trong quá trình sản xuất như:

- Giá vốn hàng tại điểm mua hàng hóa hay còn gọi là giá trị mua thực tế.
- Đối với các công ty thương mại, giá vốn hàng bán là tổng các chi phí để hàng có mặt tại kho gồm giá mua từ nhà cung cấp, bảo hiểm, VAT, phí vận chuyển...
- Đối với các công ty sản xuất, tổng chi phí sẽ nhiều hơn vì đầu vào chỉ là nguyên liệu tạo thành phẩm.

Giá vốn hàng bán còn thay đổi phụ thuộc vào các quy định theo hợp đồng với bên cung cấp. Do một số nhà cung cấp sẽ cộng các khoản phí như vận chuyển, thuế, bảo hiểm, vào giá bán hàng.

2.1.1.1. Chứng từ

Để ghi nhận các chi bán hàng được hợp pháp hóa thì các loại chi phí này cần những chứng từ phù hợp và đúng theo Chế độ kế toán Việt Nam Thông tư 133/2016/TT-BTC.

- Hóa đơn GTGT hàng mua vào
- Phiếu chi
- Giấy báo có
- Uỷ nhiệm chi

- Hợp đồng kinh tế
- Sao kê ngân hàng
- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho
- Phiếu xuất kho hàng gửi đại lý
- Bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn
- Bảng phân bổ giá vốn

2.1.1.2. Sổ kế toán

❖ Sổ tổng hợp:

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 632

❖ Sổ chi tiết:

- Sổ chi tiết tài khoản 632

2.1.1.3. Tài khoản sử dụng

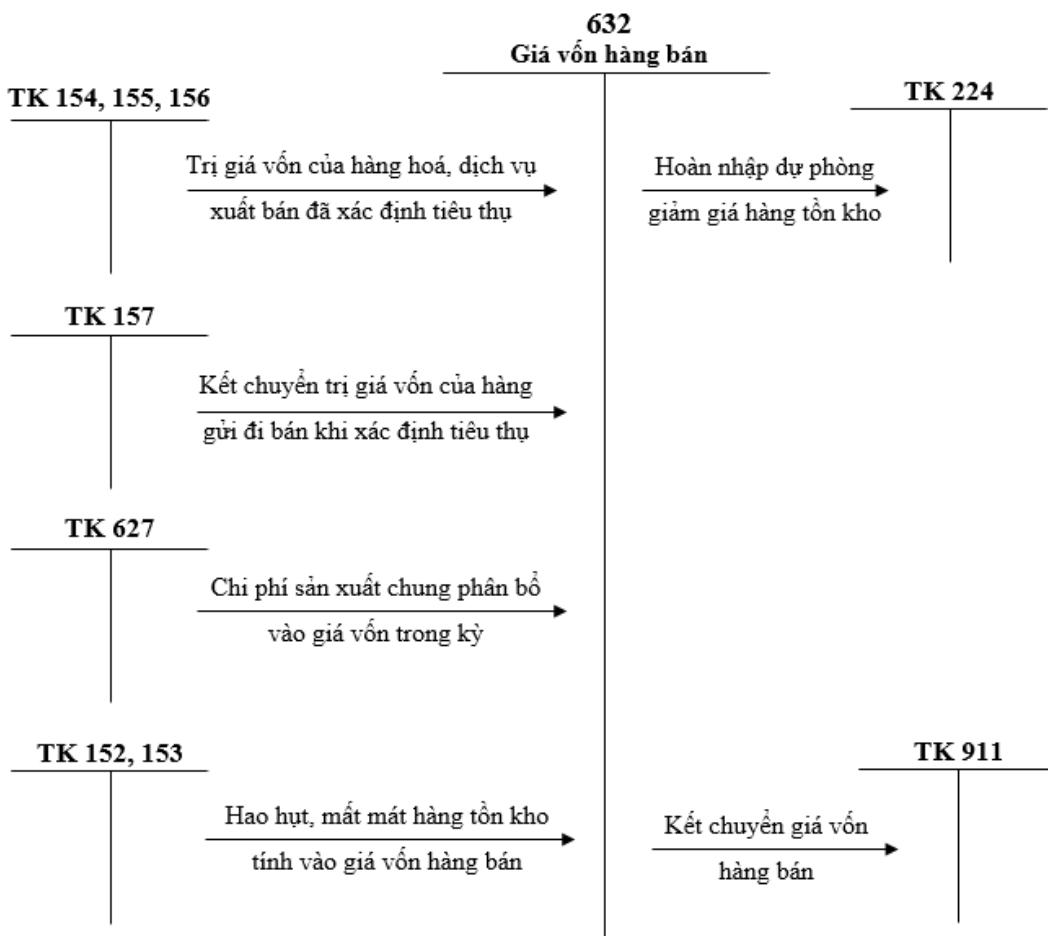
Đối với doanh nghiệp thực hiện chế độ kế toán theo Thông Tư 133/2016/TT-BTC sẽ sử dụng tài khoản giá vốn hàng bán 632 và không có tài khoản chi tiết cấp 2.

Trong kỳ, kế toán ghi nhận các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến giá vốn hàng bán ra lên tài khoản 632; đến cuối kỳ tiến hành kết chuyển toàn bộ số đã phát sinh vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.

⇒ Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

2.1.1.4. Phương pháp định khoản

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ chữ T phương pháp hạch toán tài khoản giá vốn hàng bán:



Các khoản chi phí được xác nhận là giá vốn hàng bán và phần hao hụt hay mất mát của hàng tồn kho, hàng bán bị trả lại nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn khi sẽ được ghi nhận vào Sổ chi tiết tài khoản 632.

Kế toán ghi nhận vào sổ nhật ký chung và sổ cái các tài khoản theo các bút toán:

- Khi xuất bán các sản phẩm, hàng hóa được xác định là đã bán trong kỳ, ghi:

Nợ TK 632 Giá vốn hàng bán của sản phẩm, hàng hóa

Có TK 154, 155, 156, 157...

- + Với trường hợp doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ, kế toán ghi

Nợ TK 154 Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của dịch vụ

Có TK 621 Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp dùng trong dịch vụ

Có TK 622 Chi phí nhân công trực tiếp của hoạt động dịch vụ

Có TK 627 Chi phí sản xuất chung dùng trong dịch vụ

- + Kết chuyển giá vốn dịch vụ hoàn thành đã cung cấp

Ng TK 632 Giá vốn hàng bán của dịch vụ

Có TK 154 Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của dịch vụ

- Phản ánh các khoản chi phí được hạch toán trực tiếp vào giá vốn hàng bán:
 - + Trường hợp mức sản phẩm thực tế sản xuất ra thấp hơn công suất bình thường thì kế toán phải tính và xác định chi phí sản xuất chung cố định phân bổ vào chi phí chê biến cho một đơn vị sản phẩm theo mức công suất bình thường. Khoản chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ, ghi:

Nợ TK 632

Có TK 154

Có TK 627

- + Phản ánh hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra, ghi:

Nợ TK 632

Có các TK 152, 153, 156, 1381...

- Hàng bán bị trả lại nhập kho, ghi:

Nợ TK 155, 156

Có TK 632

- Trường hợp khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá hàng bán nhận được sau khi mua hàng, kế toán phải căn cứ vào tình hình biến động của hàng tồn kho để phân bổ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán được hưởng dựa trên số hàng tồn kho chưa tiêu thụ hoặc đã xác định là tiêu thụ trong kỳ:

Nợ TK 111, 112, 331...

Có TK 155, 156 Giá trị khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán của số hàng tồn kho chưa tiêu thụ trong kỳ.

Có TK 632 Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán của hàng hóa đã tiêu thụ trong kỳ.

- Hạch toán khoản trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

- + Trường hợp số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập kỳ này lớn hơn số đã lập kỳ trước, kế toán trích lập bổ sung phần chênh lệch, ghi:

Nợ TK 632 Giá vốn hàng bán

Có TK 2294 Dự phòng tổn thất tài sản

- + Trường hợp số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập kỳ này nhỏ hơn số đã lập kỳ trước thì hạch toán ngược lại.

- Kết chuyển giá vốn hàng bán của các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được xác định là đã bán trong kỳ vào bên nợ tài khoản 911, ghi:

Nợ TK 911	Xác định kết quả kinh doanh
Có TK 632	Giá vốn hàng bán.

2.1.1.5. Trình bày thông tin trên báo cáo tài chính:

Chi phí này được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại chỉ tiêu *Giá vốn hàng bán* (Mã số 11)

Chỉ tiêu này phản ánh tổng giá vốn của hàng hóa, BĐSĐT, giá vốn của thánh phẩm đã bán, khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán hàng bán trong kỳ báo cáo.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này tại cột “Năm nay” là lũy kế số phát sinh bên có của tài khoản 632 trong kỳ báo cáo đối ứng bên nợ của tài khoản 911.

Hình 2.1: Phần trình bày giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo

Thông Tư 133/2016/TT-BTC:

TÊN CÔNG TY

TERZO

Dia chi-

Mã số thuế:

Mẫu số B02 - DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm ...

Đam mê tinh Việt Nam đồng

STT	Chi tiêu	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01			
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10			
4	Giá vốn hàng bán	11			
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20			
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21			
7	Chi phí tài chính	22			
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8	Chi phí quản lý kinh doanh	24			
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30			
10	Thu nhập khác	31			
11	Chi phí khác	32			
12	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40			
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50			
14	Chi phí thuế TNDN	51			
15	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60			

Ngày ... tháng ... năm ...

Người lập

Kế toán trưởng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

Bên cạnh Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán còn được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính tại mục “VI – Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh”, bảng 3 Giá vốn hàng bán”

Số liệu được ghi vào cột “Năm trước” là số trên Thuyết minh báo cáo tài chính của niên độ trước. Số trên cột năm nay được tổng hợp từ:

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm nay chỉ tiêu số 11;
- Sổ kế toán tổng hợp cho tài khoản 632;
- Sổ kế toán chi tiết hoặc Bảng tổng hợp chi tiết có liên quan.

Hình 2.2: Phần trình bày giá vốn hàng bán trên Thuyết minh báo cáo tài chính mẫu B09 – DNN theo Thông tư 133/2016/TT-BTC:

3. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán;
- Giá vốn của thành phẩm đã bán;
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp;
- Giá vốn khác;
- Các khoản chi phí khác được tính vào giá vốn;
- Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán.	(...)	(...)
Cộng

2.1.2. Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Trong đó bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp ...) chi phí bằng tiền khác...

- *Chi phí nhân viên:* Phản ánh các khoản phải trả cho nhân viên bán hàng, nhân viên đóng gói, vận chuyển, bảo quản sản phẩm, hàng hóa... bao gồm tiền lương, tiền ăn giữa ca, tiền công và các khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp...
- *Chi phí vật liệu, bao bì:* Phản ánh các chi phí vật liệu, bao bì xuất dùng cho việc bảo quản, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, như chi phí vật liệu đóng gói sản phẩm, hàng hóa, chi phí vật liệu, nhiên liệu dùng cho bảo quản, bốc vác, vận chuyển sản phẩm, hàng hóa trong quá trình tiêu thụ, vật liệu dùng cho sửa chữa, bảo quản tài sản cố định... dùng cho bộ phận bán hàng.

- *Chi phí dụng cụ, đồ dùng*: Phản ánh chi phí về công cụ, dụng cụ phục vụ cho quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa như dụng cụ đo lường, phương tiện tính toán, phương tiện làm việc...
- *Chi phí khấu hao tài sản cố định*: Phản ánh chi phí khấu hao tài sản cố định ở bộ phận bảo quản, bán hàng, như nhà kho, cửa hàng, bến bãi, phương tiện bốc dỡ, vận chuyển, phương tiện tính toán, đo lường, kiểm nghiệm chất lượng ...
- *Chi phí bảo hành*: Dùng để phản ánh khoản chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa. Riêng chi phí sửa chữa và bảo hành công trình xây lắp phản ánh ở tài khoản 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” mà không phản ánh ở tài khoản này.
- *Chi phí dịch vụ mua ngoài*: Phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho bán hàng như chi phí thuê ngoài sửa chữa tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho khâu bán hàng, tiền thuê kho, thuê bãi, tiền thuê bốc vác, vận chuyển sản phẩm, hàng hóa đi bán, tiền trả hoa hồng cho đại lý bán hàng, cho đơn vị nhận ủy thác xuất khẩu ...
- *Chi phí bằng tiền khác*: Phản ánh các chi phí bằng tiền khác phát sinh trong khâu bán hàng ngoài các chi phí nêu trên như chi phí tiếp khách ở bộ phận bán hàng, chi phí giới thiệu sản phẩm, hàng hóa, khuyến mại, quảng cáo, chào hàng, chi phí hội nghị khách hàng...

2.1.2.1. Chứng từ

Để ghi nhận các chi bán hàng được hợp pháp hóa thì các loại chi phí này cần những chứng từ phù hợp và đúng theo Chế độ kế toán Việt Nam Thông tư 133/2016/TT-BTC.

- Chi phí nhân viên cần những chứng từ sau:
 - + Bảng chấm công
 - + Bảng thanh toán tiền lương
 - + Bảng thanh toán tiền thưởng
 - + Bảng kê trích nộp các khoản lương
- Chi phí cho các hoạt động khác cần chứng từ sau:
 - + Hóa đơn GTGT
 - + Phiếu chi
 - + Giấy báo có
 - + Hợp đồng kinh tế
 - + Bảng kê hóa đơn mua vào
 - + Bảng phân bổ tài sản cố định
 - + Bảng phân bổ chi phí trả trước

- + Bảng phân bổ công cụ, dụng cụ
- + Bảng phân bổ khấu hao tài sản cố định

2.1.2.2. Sổ kê toán

❖ Sổ tổng hợp:

- Sổ nhật ký chung
 - Sổ cái tài khoản 642
- ❖ Sổ chi tiết:
- Sổ chi tiết tài khoản 6421

2.1.2.3. Tài khoản sử dụng

Bảng 2.1: Tài khoản chi phí bán hàng theo Thông tư 133/2016/TT-BTC

<i>Số hiệu tài khoản</i>		<i>Tên tài khoản</i>
<i>Cấp 1</i>	<i>Cấp 2</i>	
642		Chi phí quản lý kinh doanh
	6421	Chi phí bán hàng

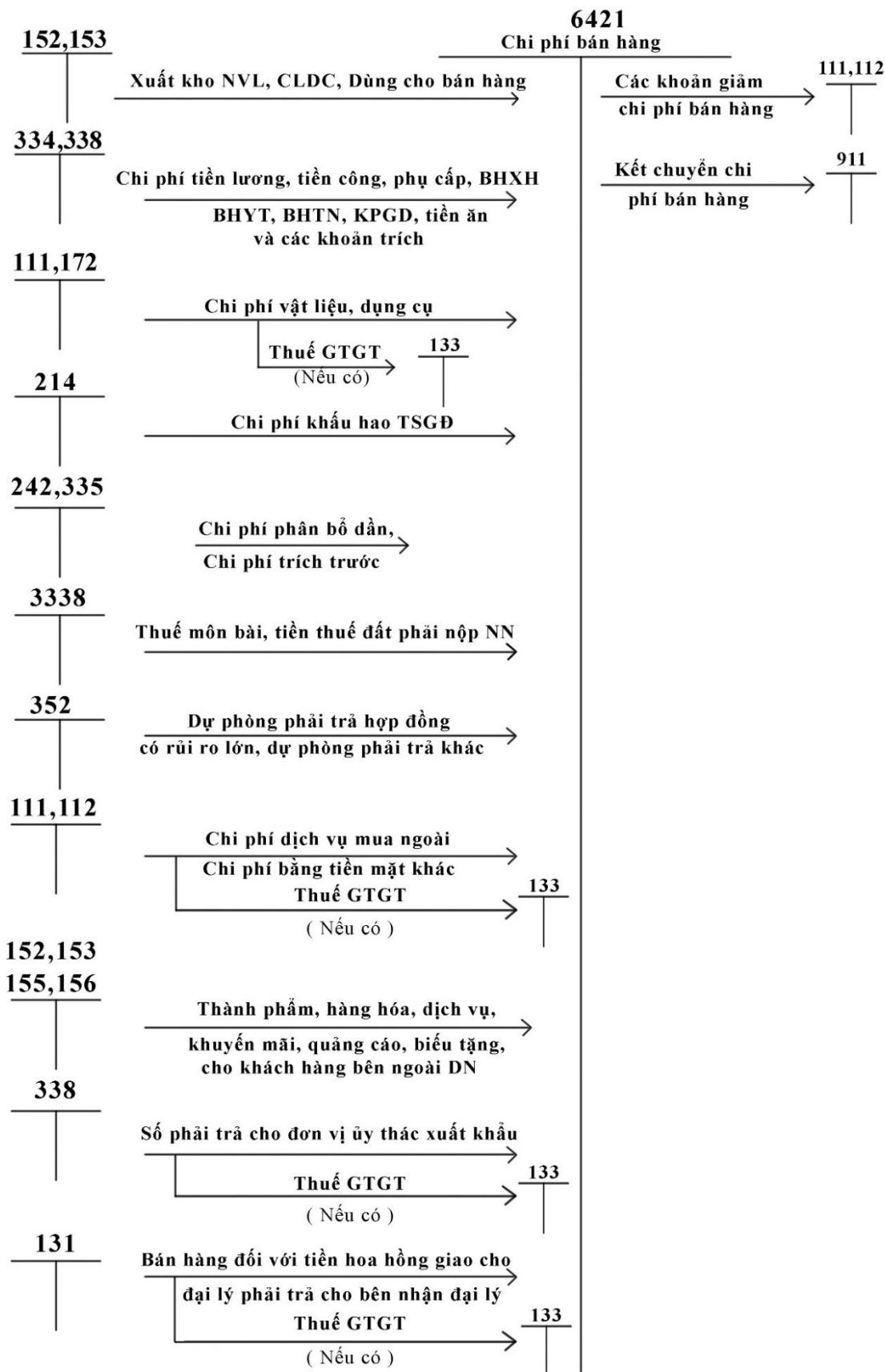
Đối với doanh nghiệp thực hiện Chế độ kế toán theo Thông tư 133/2016/TT-BTC sẽ sử dụng tài khoản 642 là chi phí quản lý kinh doanh. Trong đó chi phí quản lý kinh doanh được phân loại chi tiết là chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. Vì vậy, đối với chi phí bán hàng thì kế toán sẽ theo dõi trên tài khoản chi tiết là 6421.

Trong kỳ, kế toán ghi nhận các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến chi phí bán hàng lên tài khoản 6421, cuối kỳ tiến hành kết chuyển toàn bộ chi phí phát sinh vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.

⇒ Tài khoản 6421 không có số dư cuối kỳ.

2.1.2.4. Phương pháp định khoản

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ chiết xuất phương pháp hạch toán tài khoản chi phí bán hàng:



- Kế toán tính tiền lương, các khoản phụ cấp, trợ cấp, tiền ăn giữa ca và các khoản trích theo lương cho nhân viên bán hàng.

Nợ TK 6421	Chi phí bán hàng
Có TK 334	Trị giá khoản phải trả người lao động
Nợ TK 6421	Chi phí bán hàng
Nợ TK 334	Trị giá khoản phải trả người lao động
Có TK 3382	Kinh phí công đoàn
Có TK 3383	Bảo hiểm xã hội
Có TK 3384	Bảo hiểm y tế
Có TK 3386	Nhận ký quỹ, ký cược
Có TK 3388	Phải trả phải nộp khác.

- Chi phí nguyên vật liệu xuất kho dùng cho bán hàng

Nợ TK 6421	Chi phí bán hàng
Có TK 152	Trị giá nguyên vật liệu.

- Chi phí nguyên vật liệu mua vào sử dụng ngay cho bán hàng

Nợ TK 6421	Trị giá nguyên vật liệu chưa thuế GTGT dùng cho bộ phận bán hàng
Nợ TK 1331	Tiền thuế GTGT được khấu trừ
Có TK 111, 112, 242, 331...	Tổng trị giá phải trả.

- Xuất kho đồ dùng văn phòng dùng cho bộ phận bán hàng

- + Đồ dùng văn phòng được tính trực tiếp một lần vào chi phí quản lý doanh nghiệp, hạch toán:

Nợ TK 6421	Trị giá công cụ dụng cụ dùng cho bộ phận bán hàng
Có TK 153	Trị giá công cụ dụng cụ.

- + Đồ dùng văn phòng phải phân bổ nhiều lần, hạch toán:

Nợ TK 242	Trị giá công cụ dụng cụ
Có TK 153	Trị giá công cụ dụng cụ.
Nợ TK 6421	Trị giá công cụ dụng cụ dùng cho bộ phận bán hàng
Có TK 242	Chi phí trả trước.

- Mua không qua kho đồ dùng văn phòng dùng cho bộ phận bán hàng

- + Đồ dùng văn phòng được tính trực tiếp một lần vào chi phí quản lý doanh nghiệp, hạch toán:

Nợ TK 6421	Trị giá đồ dùng văn phòng chưa thuế GTGT
------------	--

- Nợ TK 1331 Tiền thuế GTGT được khấu trừ (nếu có)
 - Có TK 111, 112, 242, 331... Tổng trị giá phải trả.
- + Đò dùng văn phòng phải phân bổ nhiều lần, hạch toán:
 - Nợ TK 242 Chi phí trả trước (giá chưa có thuế GTGT)
 - Nợ TK 1331 Tiền thuế GTGT được khấu trừ (1331) (nếu có)
 - Có các TK 111, 112, 242, 331... Tổng trị giá phải trả.
- Trích khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận bán hàng
 - Nợ TK 6421 Trị giá khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận bán hàng
 - Có TK 214 Trị giá khấu hao TSCĐ.
- Thuế môn bài, tiền thuê đất... phải nộp Nhà nước.
 - Nợ TK 6421 Trị giá tiền thuế và các khoản phải nộp Nhà nước
 - Có TK 3338 Trị giá tiền thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.
- Các khoản lê phí phải nộp.
 - Nợ TK 6421 Trị giá các khoản lê phí phải nộp của bộ phận bán hàng
 - Có các TK 111, 112... Trị giá các khoản lê phí phải nộp.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài (như: tiền điện thoại, tiền điện, tiền nước, ...) có giá trị nhỏ:
 - Nợ TK 6421 Trị giá chi phí dịch vụ mua ngoài chưa có thuế GTGT
 - Nợ TK 133 Tiền thuế GTGT được khấu trừ
 - Có các TK 111, 112, 331, 335... Tổng trị giá phải trả.
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ phục vụ cho bộ phận bán hàng
 - + Trường hợp DN sử dụng phương pháp trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ.
 - Nợ TK 6421 Chi phí bán hàng
 - Có TK 335 Chi phí phải trả khi việc sửa chữa đã thực hiện trong kỳ nhưng chưa nghiệm thu hoặc chưa có hóa đơn
 - Có TK 352 Dự phòng phải trả khi đơn vị trích trước chi phí sửa chữa cho TSCĐ theo yêu cầu kỹ thuật phải bảo dưỡng, duy tu định kỳ.
 - Kế toán hạch toán khi phát sinh chi phí sửa chữa lớn TSCĐ:
 - Nợ TK 241 Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ
 - Nợ TK 1331 Tiền thuế GTGT được khấu trừ (nếu có)
 - Có các TK 331, 111, 112... Tổng trị giá phải trả.

- Kế toán kết chuyển chi phí sửa chữa lớn TSCĐ khi hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, hạch toán:

Nợ các TK 335, 352	Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ
Có 2413	Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ.

- + Trường hợp DN không sử dụng phương pháp trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ.

- Hạch toán khi phát sinh chi phí sửa chữa lớn TSCĐ:

Nợ TK 2413	Trị giá chi phí sửa chữa lớn TSCĐ
Nợ TK 1331	Tiền thuế GTGT được khấu trừ (nếu có)
Có các TK 331, 111, 112...	Tổng trị giá thanh toán.

- Kế toán tiền hành kết chuyển chi phí sửa chữa lớn TSCĐ khi hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, hạch toán:

Nợ TK 242	Trị giá chi phí sửa chữa lớn TSCĐ
Có TK 2413	Trị giá chi phí sửa chữa lớn TSCĐ.

- Định kỳ, kế toán phân bổ chi phí sửa chữa lớn TSCĐ vào chi phí sản xuất chung, hạch toán:

Nợ TK 6421	Trị giá chi phí sửa chữa lớn TSCĐ của bộ phận bán hàng
Có TK 242	Trị giá chi phí sửa chữa lớn TSCĐ.

- Chi phí bán hàng khi tập hợp chi phí bằng tiền khác.

Nợ TK 6421 Trị giá chi phí bằng tiền khác chưa bao gồm thuế GTGT
 Nợ TK 133 Tiền thuế GTGT được khấu trừ
 Có các TK 111, 112, 331... Tổng trị giá phải trả.

- Chi phí kinh doanh đối với sản phẩm, hàng hóa tiêu dùng nội bộ sử dụng cho mục đích bán hàng.

Nợ TK 6421	Chi phí quản lý kinh doanh của bộ phận bán hàng
Có các TK 155, 156	Chi phí sản xuất sản phẩm hoặc giá vốn hàng hoá.

- Phát sinh các khoản ghi giảm chi phí bán hàng.

Nợ các TK 111, 112... Chi phí quản lý kinh doanh
Có TK 6421 Chi phí quản lý kinh doanh của bộ phận bán hàng

- Chi phí bán hàng đối với sản phẩm, hàng hóa dùng để biếu tặng. Khi phát sinh chi phí liên quan đến sản phẩm, hàng hoá dùng để biếu, tặng cho khách hàng, hạch toán:

Nợ TK 6421 Trị giá sản phẩm, hàng hóa dùng để biếu, tặng cho khách hàng

Có các TK 152, 153, 155, 156 Trị giá sản phẩm, hàng hóa dùng để biếu, tặng cho khách hàng.

- Chi phí bán hàng đối với sản phẩm, hàng hóa dùng để khuyến mại, quảng cáo không thu tiền, không có điều kiện kèm theo.

Nợ TK 6421 Chi phí SX sản phẩm, giá vốn hàng hoá

Có các TK 155, 156 Chi phí SX sản phẩm, giá vốn hàng hoá.

- Chi phí bán hàng đối với số tiền phải trả cho đơn vị nhận uỷ thác xuất khẩu.

Nợ TK 6421 Chi phí bán hàng

Nº TK 133 Tiền thuê GTGT được khấu trừ (nếu có)

Có TK 3388 Tổng trị giá khoản phải trả, phải nộp.

- Chi phí bán hàng đối với tiền hoa hồng bán hàng bên giao đại lý phải trả cho bên nhận đại lý.

Nợ TK 6421 Chi phí quản lý kinh doanh

Nợ TK 133 Tiền thuê GTGT được khấu trừ

Có TK 131 Phải thu của khách hàng.

- Cuối kỳ kế toán, kê toán tiền hành kết chuyển chi phí bán hàng tính vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ, hạch toán:

Nº TK 911 Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 6421 Chi phí quản lý kinh doanh

2.1.2.5. Trình bày thông tin trên báo cáo tài chính

Chi phí bán hàng được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Cuối kỳ doanh nghiệp thực hiện bước kết chuyển chi phí sang tài khoản loại 9 và tổng hợp số liệu đưa lên báo cáo. Theo hệ thống báo cáo của Thông tư 133/2016/TT-BTC, chi phí bán hàng sẽ được cộng chung với chi phí quản lý doanh nghiệp và được thể hiện ở chỉ tiêu số 8 là chi phí quản lý kinh doanh.

Hình 2.3: Phần trình bày chi phí bán hàng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo Thông tư 133/2016/TT-BTC

TÊN CÔNG TY
Địa chỉ:
Mã số thuế:

Mẫu số B02 - DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm ...

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

STT	Chi tiêu	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01			
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10			
4	Giá vốn hàng bán	11			
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20			
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21			
7	Chi phí tài chính	22			
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8	Chi phí quản lý kinh doanh	24			
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30			
10	Thu nhập khác	31			
11	Chi phí khác	32			
12	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40			
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50			
14	Chi phí thuế TNDN	51			
15	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60			

Ngày ... tháng ... năm ...

Người lập
(Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

Bên cạnh Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, khoản chi phí bán hàng còn được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính mục “VI – Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh”, bảng “6. Chi phí quản lý kinh doanh” và ghi tại dòng “b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ”.

Số liệu được ghi vào cột “Năm trước” là số trên Thuyết minh báo cáo tài chính của niên độ trước. Số trên cột năm nay được tổng hợp từ:

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm nay chỉ tiêu số 24;
- Số kế toán tổng hợp cho tài khoản 642;
- Số kế toán chi tiết tài khoản 6421 hoặc Bảng tổng hợp chi tiết có liên quan.

Hình 2.4: Phần trình bày chi phí bán hàng trên Thuyết minh báo cáo tài chính mẫu B09 –

DNN theo Thông tư 133/2016/TT-BTC:

6. Chi phí quản lý kinh doanh	Năm nay	Năm trước
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ
c) Các khoản ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh
- Hoàn nhập các khoản dự phòng;
- Các khoản ghi giảm khác

2.1.3. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

- *Chi phí nhân viên quản lý:* Phản ánh các khoản phải trả cho cán bộ nhân viên quản lý doanh nghiệp, như tiền lương, các khoản phụ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của Ban Giám đốc, nhân viên quản lý ở các phòng, ban của doanh nghiệp.
- *Chi phí vật liệu quản lý:* Phản ánh chi phí vật liệu xuất dùng cho công tác quản lý doanh nghiệp như văn phòng phẩm... vật liệu sử dụng cho việc sửa chữa tài sản cố định, công cụ, dụng cụ... (giá có thuế hoặc chưa có thuế GTGT).
- *Chi phí đồ dùng văn phòng:* Phản ánh chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý (giá có thuế hoặc chưa có thuế GTGT).
- *Chi phí khấu hao tài sản cố định:* Phản ánh chi phí khấu hao tài sản cố định dùng chung cho doanh nghiệp như: Nhà cửa làm việc của các phòng ban, kho tàng, vật kiến trúc, phương tiện vận tải truyền dẫn, máy móc thiết bị quản lý dùng trên văn phòng...
- *Thuế, phí và lệ phí:* Phản ánh chi phí về thuế, phí và lệ phí như: thuế môn bài, tiền thuê đất... và các khoản phí, lệ phí khác.
- *Chi phí dự phòng:* Phản ánh các khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- *Chi phí dịch vụ mua ngoài:* Phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp; các khoản chi mua và sử dụng các tài liệu kỹ thuật, bằng sáng chế... (không đủ tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định) được tính theo phương pháp phân bổ dần vào chi phí quản lý doanh nghiệp; tiền thuê tài sản cố định, chi phí trả cho nhà thầu phụ.
- *Chi phí bằng tiền khác:* Phản ánh các chi phí khác thuộc quản lý chung của doanh nghiệp, ngoài các chi phí nêu trên, như: Chi phí hội nghị, tiếp khách, công tác phí, tàu xe, khoản chi cho lao động nữ...

2.1.3.1. Chứng từ

Để ghi nhận các chi phí quản lý doanh nghiệp được hợp pháp hóa thì các loại chi phí này cần những chứng từ phù hợp và đúng theo Chế độ kế toán Việt Nam Thông tư 233/2016/TT-BTC.

- Chi phí nhân viên cần những chứng từ sau:
 - + Bảng chấm công
 - + Bảng thanh toán tiền lương
 - + Bảng thanh toán tiền thưởng
 - + Bảng kê trích nộp các khoản lương
- Chi phí cho các hoạt động khác cần chứng từ sau:
 - + Hóa đơn GTGT
 - + Phiếu chi
 - + Giấy báo có
 - + Hợp đồng kinh tế
 - + Bảng kê hóa đơn mua vào
 - + Bảng phân bổ tài sản cố định
 - + Bảng phân bổ chi phí trả trước
 - + Bảng phân bổ công cụ, dụng cụ
 - + Bảng phân bổ khấu hao tài sản cố định

2.1.3.2. Sổ kế toán

❖ Sổ tổng hợp:

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 642

❖ Sổ chi tiết:

- Sổ chi tiết tài khoản 6422

2.1.3.3. Tài khoản sử dụng

Bảng 2.2: Tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp theo Thông tư 133/2016/TT-BTC

Số hiệu tài khoản		Tên tài khoản
Cấp 1	Cấp 2	
642		Chi phí quản lý kinh doanh
	6422	Chi phí quản lý doanh nghiệp

Đối với doanh nghiệp thực hiện Chế độ kế toán theo Thông tư 133/2016/TT-BTC, doanh nghiệp sẽ sử dụng tài khoản 642 là chi phí quản lý kinh doanh. Trong đó, chi phí quản lý kinh doanh được phân loại, đối với chi phí quản lý doanh nghiệp sẽ được theo dõi trên tài khoản chi tiết là 6422.

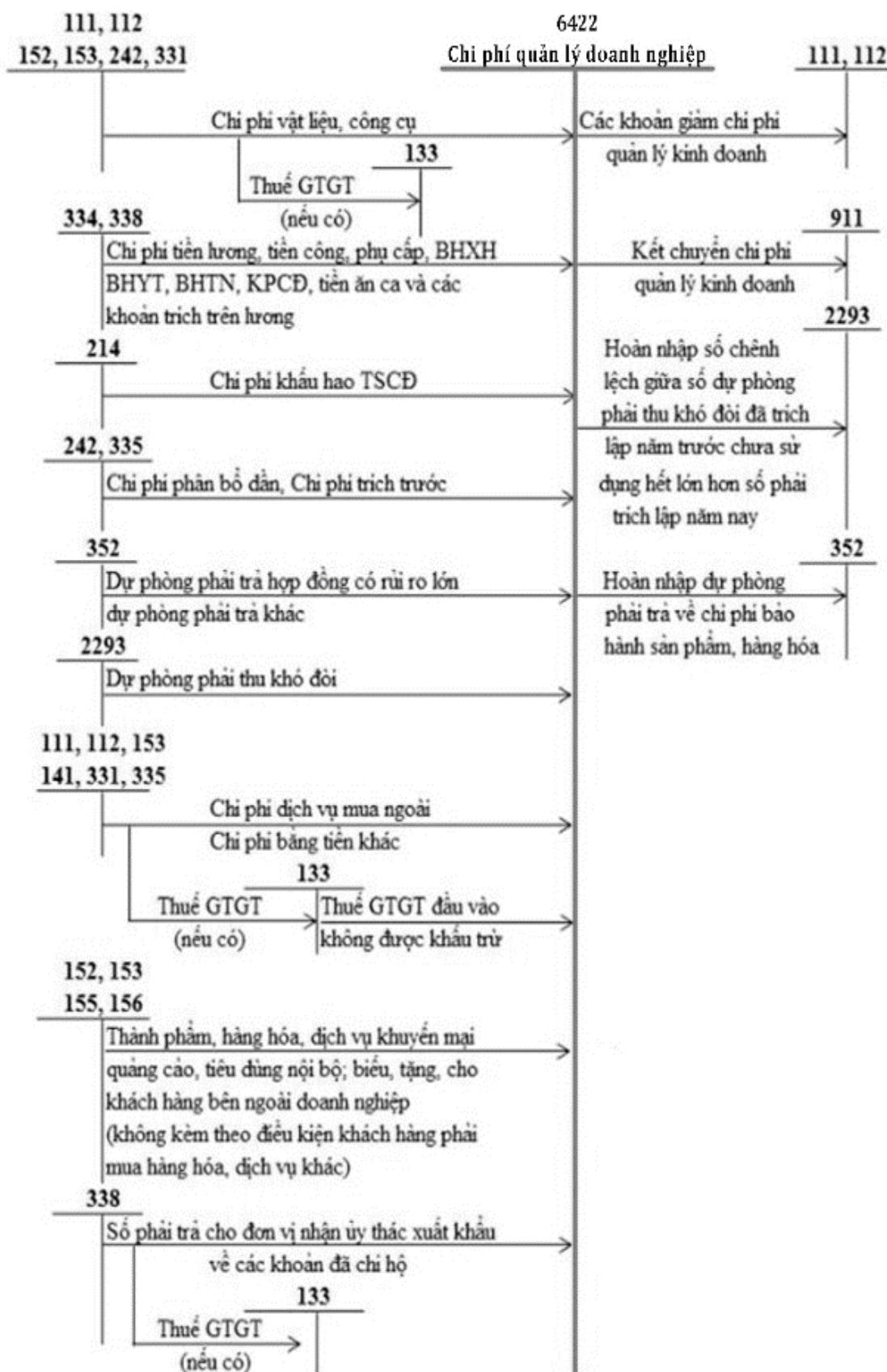
Khi doanh nghiệp phát sinh các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế trong quá trình hoạt động trong kỳ, kế toán sẽ ghi nhận vào tài khoản 6422 và cuối kỳ kết chuyển toàn bộ chi phí này vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 6422 có kết cấu như sau:

- Bên Nợ: Các chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ; số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).
 - Bên Có: Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp; cuối kỳ kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
- ⇒ Cũng tương tự các tài khoản đầu 6 khác, tài khoản 6422 không có số dư cuối kỳ.

2.1.3.4. Phương pháp định khoản

Sơ đồ 2.3: Sơ đồ chữ T phương pháp hạch toán tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp:



- Tiền lương, tiền công, phụ cấp và các khoản khác phải trả cho nhân viên

- Nợ TK 6422 Chi phí quản lý doanh nghiệp
 Có TK 334, 338.
- Giá trị vật liệu xuất dùng, hoặc mua vào sử dụng ngay
 - Nợ TK 6422 Chi phí quản lý doanh nghiệp
 - Nợ TK 133 Thuế GTGT được khấu trừ (nếu có)
 - Có TK 152 Nguyên liệu, vật liệu
 - Có TK 111, 112, 242, 331...
- Trị giá dụng cụ, đồ dùng văn phòng xuất dùng hoặc mua về sử dụng ngay
 - Nợ TK 6422 Chi phí quản lý doanh nghiệp
 - Nợ TK 133 Thuế GTGT được khấu trừ (nếu có)
 - Có TK 153 Công cụ dụng cụ
 - Có TK 111, 112, 331...
- Trích khấu hao TSCĐ
 - Nợ TK 6422 Chi phí quản lý doanh nghiệp
 - Có TK 214 Hao mòn TSCĐ.
- Thuế môn bài, tiền thuê đất ... phải nộp Nhà nước
 - Nợ TK 6422 Chi phí quản lý doanh nghiệp
 - Có TK 333 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.
- Lệ phí giao thông, lệ phí qua cầu, phà phải nộp
 - Nợ TK 6422 Chi phí quản lý doanh nghiệp
 - Có các TK 111, 112...
- Kế toán dự phòng các khoản phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính:
 - + Trường hợp số dự phòng phải thu khó đòi phải trích lập kỳ này lớn hơn số đã trích lập từ kỳ trước, kế toán trích lập bổ sung phần chênh lệch
 - Nợ TK 6422 Chi phí quản lý doanh nghiệp
 - Có TK 229 Dự phòng tổn thất tài sản (2293).
 - + Trường hợp số dự phòng phải thu khó đòi phải trích lập kỳ này nhỏ hơn số đã trích lập từ kỳ trước, kế toán hoàn nhập phần chênh lệch
 - Nợ TK 229 Dự phòng tổn thất tài sản (2293)
 - Có TK 6422 Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Khi trích lập dự phòng phải trả cần lập cho hợp đồng có rủi ro lớn và dự phòng phải trả khác (trừ dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây dựng)

Nợ TK 642 Chi phí quản lý kinh doanh

Có TK 352 Dự phòng phải trả.

Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở cuối kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở cuối kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được hoàn nhập ghi giảm chi phí

Nợ TK 352 Dự phòng phải trả

Có TK 642 Chi phí quản lý kinh doanh

- Tiền điện thoại, điện, nước mua ngoài phải trả, chi phí sửa chữa TSCĐ dùng cho quản lý kinh doanh một lần với giá trị nhỏ

Nợ TK 6422 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Nợ TK 133 Thuế GTGT được khấu trừ (nếu có)

Có các TK 111, 112, 331, 335...

- Đối với chi phí sửa chữa lớn TSCĐ phục vụ cho quản lý doanh nghiệp:

- + Trường hợp sử dụng phương pháp trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ:

Khi chi phí sửa chữa lớn TSCĐ thực tế phát sinh

Nợ TK 2413 Sửa chữa lớn TSCĐ

Nợ TK 133 Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331, 111, 112, 152...

- + Trường hợp sử dụng phương pháp trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ:

- + Khi trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ vào chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Nợ TK 6422 Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Có TK 335 Chi phí phải trả (nếu việc sửa chữa đã thực hiện trong kỳ nhưng chưa nghiệm thu hoặc chưa có hóa đơn).

Có TK 352 Dự phòng phải trả (Nếu đơn vị trích trước chi phí sửa chữa cho TSCĐ theo yêu cầu kỹ thuật phải bảo dưỡng, duy tu định kỳ)

- + Kết chuyển chi phí sửa chữa lớn TSCĐ khi hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, ghi:

Nợ TK 335, 352

Nợ TK 133 Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 2413 Sửa chữa lớn TSCĐ.

- + Trường hợp phân bổ dần chi phí sửa chữa lớn TSCĐ:

- Kết chuyển chi phí sửa chữa lớn TSCĐ khi hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, ghi:

- Nợ TK 242 Chi phí trả trước.
 - Có TK 2413 Sửa chữa lén TSCĐ.
 - Định kỳ, phân bổ chi phí sửa chữa lén TSCĐ vào chi phí quản lý doanh nghiệp, ghi:
 - Nợ TK 6422 Chi phí quản lý doanh nghiệp.
 - Có TK 242 Chi phí trả trước.
 - Chi phí phát sinh về hội nghị, tiếp khách, chi cho lao động nữ, chi cho nghiên cứu, đào tạo, chi nộp phí tham gia hiệp hội và chi phí quản lý khác
 - Nợ TK 6422 Chi phí quản lý doanh nghiệp
 - Nợ TK 133 Thuế GTGT được khấu trừ (nếu có)
 - Có TK 111, 112, 331...
 - Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ phải tính vào chi phí quản lý kinh doanh
 - Nợ TK 642 Chi phí quản lý kinh doanh
 - Có TK 133 Thuế GTGT được khấu trừ
 - Đối với sản phẩm, hàng hoá tiêu dùng nội bộ sử dụng cho mục đích quản lý doanh nghiệp
 - Nợ TK 6422 Chi phí quản lý doanh nghiệp
 - Có TK 155, 156 Chi phí sản xuất sản phẩm hoặc giá vốn hàng hoá).
 - Khi phát sinh các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp
 - Nợ TK 111, 112...
 - Có TK 6422 Chi phí quản lý doanh nghiệp
 - Trường hợp sản phẩm, hàng hoá dùng để biếu, tặng cho khách hàng bên ngoài doanh nghiệp được tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh:
 - Nợ TK 6422 Chi phí quản lý doanh nghiệp.
 - Có TK 155, 156.
- Nếu phải kê khai thuế GTGT đầu ra, ghi:
- Nợ TK 6422 Chi phí quản lý kinh doanh
 - Có TK 3331 Thuế GTGT phải nộp.
 - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ
 - Nợ TK 911 Xác định kết quả kinh doanh
 - Có TK 6422 Chi phí quản lý doanh nghiệp.

2.1.3.5. Trình thông tin trên báo cáo tài chính

Chi phí quản lý doanh nghiệp được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đến cuối kỳ doanh nghiệp thực hiện bước kết chuyển chi phí sang tài khoản loại 9 và tổng hợp số liệu đưa lên báo cáo kết quả hoạt động khi doanh. Tương tự như chi phí bán hàng, theo Thông tư 133 chi phí quản lý doanh nghiệp sẽ được cộng chung với chi phí quản lý doanh nghiệp và được thể hiện ở chỉ tiêu số 8 là chi phí quản lý kinh doanh.

Hình 2.5: Phần trình bày chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo Thông tư 133/2016/TT-BTC

TÊN CÔNG TY

Địa chỉ:

Mã số thuế:

Mẫu số B02 - DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm ...

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

STT	Chi tiêu	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01			
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10			
4	Giá vốn hàng bán	11			
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20			
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21			
7	Chi phí tài chính	22			
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8	Chi phí quản lý kinh doanh	24			
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30			
10	Thu nhập khác	31			
11	Chi phí khác	32			
12	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40			
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50			
14	Chi phí thuế TNDN	51			
15	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60			

Ngày ... tháng ... năm ...

Người lập
(Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

Bên cạnh Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, khoản chi phí bán hàng còn được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính tại mục “VI – Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh”, bảng “6. Chi phí quản lý kinh doanh” và được ghi trên dòng “a) Các chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ”.

Số liệu được ghi vào cột “Năm trước” là số trên Thuyết minh báo cáo tài chính của niên độ trước. Số trên cột năm nay được tổng hợp từ:

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm nay chỉ tiêu số 24;
- Sổ kế toán tổng hợp cho tài khoản 642;
- Sổ kế toán chi tiết tài khoản 6422 hoặc Bảng tổng hợp chi tiết có liên quan.

Hình 2.6: Phân trình bày chi phí quản lý doanh nghiệp trên Thuyết minh báo cáo tài chính mẫu B09 – DNN theo Thông tư 133/2016/TT-BTC:

6. Chi phí quản lý kinh doanh	Năm nay	Năm trước
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ
c) Các khoản ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh
- Hoàn nhập các khoản dự phòng;
- Các khoản ghi giảm khác

2.2. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN CHI PHÍ VIỆT NAM VÀ THẾ GIỚI

Hiện nay chuẩn mực kế toán tại Việt Nam và Thế giới chưa đưa ra chuẩn mực cụ thể cho các khoản mục chi phí kinh doanh.

Tại VAS 01 – Chuẩn mực chung định nghĩa chi phí là một trong những yếu tố liên quan trực tiếp đến việc xác định lợi nhuận, tiêu phản ánh tình hình kinh doanh của doanh nghiệp. Trích điều 31 của chuẩn mực: “*Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu*”.

Theo Thông tư 133/2016/TT-BTC, chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Việc ghi nhận chi phí ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn.

Trong khi đó theo Chuẩn mực kế toán quốc tế IAS 01 thì chi phí được định là một khoản làm giảm lợi ích kinh tế dưới dạng luồng chi hoặc giảm giá trị tài sản, hoặc phát sinh nợ dẫn tới giảm vốn chủ sở hữu (không phải các khoản giảm do phân chia cho các chủ sở hữu). Trích IAS 01 Framework mục 4.49:

“*Các chi phí được ghi nhận khi giảm lợi ích kinh tế trong tương lai liên quan đến việc giảm tài sản hoặc tăng trách nhiệm pháp lý có thể được đo lường một cách đáng tin cậy. Điều này có nghĩa là, trên thực tế, việc ghi nhận chi phí xảy ra đồng thời với việc ghi nhận tăng nợ hoặc*

giảm tài sản (ví dụ: tích lũy quyền lợi của nhân viên hoặc khấu hao thiết bị)" (Được dịch bởi em trình bày)

VAS 01 đã phân loại và định nghĩa các loại chi phí tồn tại trong doanh nghiệp như sau:

- (a) Chi phí bao gồm các chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp và các chi phí khác.
- (b) Chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, như: giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí lãi tiền vay, và những chi phí liên quan đến hoạt động cho các bên khác sử dụng tài sản sinh ra lợi tức, tiền bản quyền ... Những chi phí này phát sinh dưới dạng tiền và các khoản tương đương tiền, hàng tồn kho, khấu hao máy móc, thiết bị.
- (c) Chi phí khác bao gồm các chi phí ngoài các chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, như: chi phí về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, các khoản tiền bị khách hàng phạt do vi phạm hợp đồng ...

Các tài khoản phản ánh chi phí không có số dư, cuối kỳ kế toán phải kết chuyển tất cả các khoản chi phí phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.

Chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp được quy định tại Chuẩn mực chung: “*Việc ghi nhận doanh thu và chi phí phải phù hợp với nhau. Khi ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng với doanh thu gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó*”.

Chi phí tương ứng với doanh thu bao gồm:

- Chi phí của kỳ tạo ra doanh thu, có thể hiểu là các chi phí đã phát sinh thực tế trong kỳ và liên quan trực tiếp đến việc tạo ra khoản doanh thu của kỳ đó.
- Chi phí của các kỳ trước hoặc các khoản chi phí phải trả nhưng liên quan đến việc tạo ra khoản doanh thu của kỳ này.

Như vậy, chi phí tương ứng với doanh thu được hiểu là tất cả các khoản chi phí góp phần tạo ra doanh thu và thu nhập của kỳ, không phụ thuộc vào việc khoản chi phí đó phát sinh tại thời điểm nào.

Nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí nhằm xác định và đánh giá đúng kết quả kinh doanh của kỳ kế toán, giúp cho nhà quản trị doanh nghiệp dễ dàng theo dõi các khoản thu chi một cách chính xác để đưa ra những quyết định kinh doanh đúng đắn, hiệu quả.

Ví dụ: Khi doanh nghiệp tiến hành xuất kho bán hàng hoá, kết toán phải tiến hành hạch toán song song hai bút toán:

- Chi phí:

Nợ TK 156

Có TK 632

- Doanh thu:

Nợ TK 111, 112, 131...

Có TK 5111

Có TK 333 (Nếu doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)

Tuy nhiên trong một số trường hợp, nguyên tắc phù hợp có thể xung đột với nguyên tắc thận trọng trong kê toán. Với trường hợp đó kê toán phải căn cứ vào bản chất của giao dịch và mô hình của doanh nghiệp để phản ánh một cách trung thực, hợp lý

Chi phí cùng với doanh thu và thu nhập khác được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh “để cung cấp thông tin cho việc đánh giá năng lực của doanh nghiệp trong việc tạo ra các nguồn tiền và các khoản tương đương tiền trong tương lai” – trích theo Chuẩn mực chung VAS 01 – “Các yếu tố doanh thu, thu nhập khác và chi phí có thể trình bày theo nhiều cách trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh để trình bày tình hình kinh doanh của doanh nghiệp, như: Doanh thu, chi phí và lợi nhuận của hoạt động kinh doanh thông thường và hoạt động khác”. Như vậy, việc trình bày các khoản chi phí lên báo cáo của doanh nghiệp không bị quy định áp đặt một cách cứng nhắc, doanh nghiệp có thể tùy vào tình hình và bản chất kinh doanh mà ghi nhận các khoản chi phí phù hợp, phản ánh đúng nhất kết quả kinh doanh.

Việc ghi nhận các khoản chi phí lên Báo cáo cũng đã được Chuẩn mực quy định chung như sau:

Chi phí sản xuất, kinh doanh và chi phí khác được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi các khoản chi phí này làm giảm bớt lợi ích kinh tế trong tương lai có liên quan đến việc giảm bớt tài sản hoặc tăng nợ phải trả và chi phí này phải xác định được một cách đáng tin cậy.

Các chi phí được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phải tuân thủ nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Khi lợi ích kinh tế dự kiến thu được trong nhiều kỳ kế toán có liên quan đến doanh thu và thu nhập khác được xác định một cách gián tiếp thì các chi phí liên quan được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở phân bổ theo hệ thống hoặc theo tỷ lệ.

Một khoản chi phí được ghi nhận ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

So với chuẩn mực kế toán VAS, IAS không bị áp đặt về mặt hình thức như: hệ thống tài khoản (Chart of Account) biểu mẫu báo cáo (Accounting form), hình thức sổ kế toán (Ledgers). IAS/IFRS hầu hết không quy định về các biểu mẫu kế toán. Hơn nữa, doanh nghiệp sử dụng IAS/IFRS đều được tự do sử dụng hệ thống tài khoản cũng như các biểu mẫu kế toán phù hợp và thuận lợi với đặc thù của doanh nghiệp. Ví dụ như những doanh nghiệp áp dụng VAS thì tiền mặt sẽ phải có số tài khoản là 111, còn những doanh nghiệp áp dụng IAS/IFRS thì có thể tự do đặt tên, số cho tài khoản này.

Mặc dù chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) được soạn thảo dựa trên khung của chuẩn mực kế toán Quốc Tế (IAS/IFRS) nhưng VAS chỉ có 26 chuẩn mực. Trong khi có tới 41 chuẩn mực IAS và 16 chuẩn mực IFRS. Như vậy, VAS sẽ không có những chuẩn mực kế toán tương đương với IAS/ IFRS. Do đó, các khoản mục chi phí của Chuẩn mực quốc tế và Việt Nam cũng không được qui định tương đương với nhau. Có thể đưa ra những khác biệt sau về các quy định hướng dẫn đối với công tác kế toán chi phí kinh doanh giữa Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) và Chuẩn mực kế toán quốc tế (IAS):

- Theo IAS 38, chi phí đào tạo, nghiên cứu, quảng cáo, chuẩn bị, tái phân bổ được ghi nhận là chi phí trong kỳ. Còn theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam VAS 04 thì các loại chi phí này được coi là chi phí trả trước và được khấu hao trong thời gian 3 năm, nếu chi phí trên đem lại những lợi ích kinh tế tương lai.
- Theo IAS 21 - chi phí đi vay, có thể bao gồm chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các khoản vay bằng ngoại tệ trong trường hợp các chênh lệch này được coi như là một điều chỉnh chi phí lãi vay. Phần thặng dư giữa giá trị ghi sổ của tài sản dở dang và giá trị có thể thu hồi được khi giá trị hoặc chi phí ước tính sau cùng của tài sản lớn hơn giá trị có thể thu hồi của giá trị thuần có thể thực hiện được, giá trị còn lại được ghi giảm (xóa sổ) theo các yêu cầu của IAS khác. Tuy nhiên, chuẩn mực kế toán Việt Nam VAS 16 – chi phí đi vay thì không đề cập đê vấn đề này.
- Theo IAS 16, “máy móc, thiết bị, nhà xưởng”, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được hạch toán vào chi phí. Còn theo chuẩn mực kế toán Việt Nam VAS 03 “tài sản cố định hữu hình” thì chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định sẽ được hạch toán vào tài khoản trả trước dài hạn và phân bổ trong vài năm.

Do sự linh hoạt không bị áp đặt về mặt hình thức, Chuẩn mực kế toán quốc tế còn đưa ra một bộ khung có tính thống nhất cao về khái niệm giữa các chuẩn mực. IAS/IFRS đã trở thành ngôn ngữ kế toán chung phổ biến nhất trên toàn cầu. Theo Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán (Bộ Tài chính), cập nhật từ Ủy ban chuẩn mực kế toán quốc tế (IASB) cho thấy đã có 131/143 quốc gia và vùng lãnh thổ (chiếm tỷ lệ 93% các nước được IASB khảo sát) đã tuyên bố cho phép áp dụng IFRS dưới các hình thức khác nhau. Trong đó, có 119/143 (83,2%) quốc gia và vùng lãnh thổ đã yêu cầu bắt buộc sử dụng các chuẩn mực của IFRS đối với tất cả, hoặc hầu hết các đơn vị có lợi ích công chúng trong nước... Việc sử dụng ngôn ngữ kế toán toàn cầu giúp các giao dịch tài chính quốc tế giảm thiểu chi phí và tăng tính minh bạch.

Không giống như Chuẩn mực kế toán quốc tế, Chuẩn mực kế toán Việt Nam còn nhiều vấn đề chưa rõ ràng: Thiếu bộ khung về định nghĩa, không có tính thống nhất cao giữa các chuẩn mực kế toán. Tuy nhiên, VAS phù hợp với đặc điểm nền kinh tế và trình độ quản lý của các doanh nghiệp Việt Nam; hệ thống báo cáo tài chính đơn giản dễ hiểu, cung cấp thông tin một cách kịp thời và đáng tin cậy; thuận lợi cho các đối tượng sử dụng thông tin để hiểu rõ hơn về khả năng tạo ra các nguồn thu, các luồng tiền, về tình hình tài chính và khả năng thanh toán của doanh nghiệp.

CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ TẠI CÔNG TY TNHH ĐẦU TU DU LỊCH KẾT NỐI TOÀN CẦU

3.1. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ TẠI ĐƠN VỊ

3.1.1. Giá vốn hàng bán

3.1.1.1. Chứng từ

❖ Chứng từ gốc:

- Hóa đơn GTGT (Xem mẫu tại phụ lục ... trang ...)
- Sao kê ngân hàng (Xem phụ lục ... trang ...)
- Uỷ nhiệm chi (Xem phụ lục ... trang ...)

❖ Chứng từ ghi số:

- Phiếu chi (Xem mẫu tại phụ lục ... trang ...)

3.1.1.2. Sổ kế toán

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 632

3.1.1.3. Tài khoản sử dụng

Công ty sử dụng tài khoản Giá vốn hàng bán 632 áp dụng theo Thông tư 133/2016/TT-BTC.

3.1.1.4. Trích dẫn nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Nghiệp vụ 1:

Ngày 13 tháng 06 năm 2019, kế toán căn cứ theo hoá đơn GTGT số 0008157, ký hiệu AC/19E của Công Ty TNHH Hàng Không Tre Việt để ghi nhận giá vốn đầu vào của vé máy bay quốc nội. Kế toán tiến hành nhập liệu trên phần mềm tại mục Nhập phát sinh, chọn loại chứng từ Phiếu chi, số phiếu PC.0000234/01, định khoản bút toán:

Nợ TK 632	3.645.000
Nợ TK 1331	341.000
Có TK 1386	3.986.000

Tuy nhiên, doanh thu của hai số vé này đã được ghi nhận vào ngày 06 tháng 06 năm 2019 tại thời điểm lập hoá đơn GTGT số 0000228, ký hiệu TC/19E:

Nợ TK 131	15.707.273
Có TK 5111	1.498.727
Có TK 33311	17.206.000

❖ Chứng từ kèm theo:

- Hoá đơn GTGT số 0008157, ký hiệu AC/19E, ngày 13 tháng 06 năm 2019(Phụ lục 3 trang 3)
- Phiếu chi PC.0000234/01, ngày 13 tháng 06 năm 2019 (Phụ lục 12 trang 11)
 - ❖ Sổ kê toán sử dụng:
- Sổ tổng hợp:
 - + Sổ nhật ký chung (Phụ lục 23 trang 18,19)
 - + Sổ cái tài khoản 131 (Phụ lục 26 trang 21)
 - + Sổ cái tài khoản 133 (Phụ lục 27 trang 21)
 - + Sổ cái tài khoản 138 (Phụ lục 28 trang 22)
 - + Sổ cái tài khoản 511 (Phụ lục 33 trang 24)
 - + Sổ cái tài khoản 632 (Phụ lục 35 trang 25)
- Sổ chi tiết:
 - + Sổ chi tiết tài khoản 1331 (Phụ lục 42 trang 30)
 - + Sổ chi tiết tài khoản 1386 (Phụ lục 43 trang 30)
 - + Sổ chi tiết tài khoản 33311 (Phụ lục 46 trang 33)
 - + Sổ chi tiết tài khoản 5111 (Phụ lục 47 trang 33)
- ❖ Trích dẫn mẫu sổ kê toán:
- Trích dẫn mẫu sổ Nhật ký chung:

CÔNG TY TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu
 29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh
 Mã số thuế : 0313410237

Mẫu số: S03A-DNN
 (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
 ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
 Từ ngày 01/01/19 đến ngày 31/12/19

Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	Đã Ghi Số Cái	STT Dòng	Số hiệu TK ĐU'	Phát sinh trong kỳ (Vnd)	
	Số hiệu	Ngày					Nợ	Có
			- Sổ từ trang trước chuyển sang:	X	X	X		
13/06/2019	PC.0000234/01	13/06/19	Lệ phí sân bay, vé máy bay quốc nội				3,986,000	3,986,000
			Giá vốn hàng bán	X		632	3,645,000	
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	X		1331	341,000	
			Ký quỹ, ký cược dài hạn	X		1386		3,986,000
			- Cộng chuyển sang trang sau	X	X	X		
			TỔNG CỘNG	X	X	X	3,986,000	3,986,000

- Sổ này có ... trang, được đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ: 01/01/2019

- Trích dẫn mẫu sổ cái tài khoản 632:

SỔ CÁI

Năm: 2019

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK ĐU	Phát sinh trong kỳ (Vnd)	
	Số hiệu	Ngày		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			- Số dư đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ:					
13/06/2019	PC.0000234/01	13/06/19	Lệ phí sân bay, vé máy bay quốc nội	2	1	1386	3,645,000	
			- Cộng số phát sinh trong kỳ	X	X	X	X	X
			- Số dư cuối kỳ	X	X	X	X	X

Nghiệp vụ 2:

Căn cứ trên hoá đơn GTGT số 0001375, ký hiệu KA/19E ngày 03 tháng 07 năm 2019 của Công Ty TNHH Du Lịch Khanh, kê toán tiền hành ghi nhận số vé quốc tế mua vào lén phần mềm, tại mục Phiếu chi, số phiếu PC.0000270/01. Kê toán tiền hành định khoán:

Nợ TK 632 5.920.000

Có TK 331 5.920.000

Trước đó vào ngày 26 tháng 06 năm 2019, sau khi bán hàng cho Công ty TNHH Baiksan Việt Nam, kê toán đã tiến hành lập hoá đơn GTGT số 0000268 và ghi nhận doanh thu cho số vé này:

Nợ TK 131 6.505.200

Có TK 5111 6.505.200

❖ Số kê toán sử dụng:

- Số tổng hợp:

- + Số nhật ký chung (Phụ lục 23 trang 18,19)
- + Số cái tài khoản 131 (Phụ lục 26 trang 21)
- + Số cái tài khoản 331 (Phụ lục 30 trang 23)
- + Số cái tài khoản 511 (Phụ lục 33 trang 24)
- + Số cái tài khoản 632 (Phụ lục 35 trang 25)

- Số chi tiết:

- + Số chi tiết công nợ phải trả đối tác – Công ty Khanh (Phụ lục 45 trang 31)
- + Số chi tiết tài khoản 5111 (Phụ lục 47 trang 33)

❖ Trích dẫn mẫu số kê toán:

- Trích dẫn mẫu số Nhật ký chung:

CÔNG TY TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu
29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh
Mã số thuế : 0313410237

Mẫu số: S03A-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/19 đến ngày 31/12/19

Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	Đã Ghi Số Cái	STT Dòng	Số hiệu TK ĐU'	Phát sinh trong kỳ (Vnd)	
	Số hiệu	Ngày					Nợ	Có
			- Số từ trang trước chuyển sang:	X	X	X		
03/07/2019	PC.0000270/01	03/07/19	Vé máy bay quốc tế				5,920,000	5,920,000
			Giá vốn hàng bán			632	5,920,000	0
			Phải trả cho người bán			331	0	5,920,000
			- Cộng chuyển sang trang sau	X	X	X		
			TỔNG CỘNG	X	X	X	5,920,000	5,920,000

- Số này có ... trang, được đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ: 01/01/2019

- Trích dẫn mẫu số cái tài khoản 632:

CÔNG TY TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu
29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh
Mã số thuế : 0313410237

Mẫu số: S03A-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2019

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK ĐU'	Phát sinh trong kỳ (Vnd)	
	Số hiệu	Ngày		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			- Số dư đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ:					
03/07/2019	PC.0000270/01	03/07/19	Vé máy bay quốc tế			331	5,920,000	
			- Cộng số phát sinh trong kỳ	X	X	X	X	X
			- Số dư cuối kỳ	X	X	X	X	X

3.1.1.5. Trình bày thông tin trên Báo cáo tài chính

Giá vốn hàng bán được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

- ❖ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh niên độ 2018 của Công ty TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu (Phụ lục trang 41,42)

Hình 3.2: Phần trình bày chỉ tiêu giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của đơn vị thực tập:

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ DU LỊCH KẾT NỐI TOÀN CẦU
29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh
Mã số thuế : 0313410237

Mẫu số B02 – DNN
Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của bộ trưởng BTC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
1	2	3	4	5
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	8,920,523,288	6,049,588,756

Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu

Chỉ tiêu “Giá vốn hàng bán” (Mã số 11): Số liệu trên chỉ tiêu này được tổng hợp từ số dư bên có của tài khoản 632 đối ứng với tài khoản 911 của kỳ báo cáo. Sau khi tiến hành cho phần mềm chạy tự động, kế toán sẽ đối chiếu kết quả của Bảng cân đối số phát sinh tài khoản 632 với kết quả được in trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số được trình bày trên báo cáo năm 2018: 8.920.523.288.

- ❖ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ niên độ 2018 của Công ty TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu (Phụ lục trang ...)

Hình 3.3: Phần trình bày chỉ tiêu giá vốn hàng bán trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Công ty đơn vị thực tập:

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ DU LỊCH KẾT NỐI TOÀN CẦU
29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh
Mã số thuế : 0313410237

Mẫu số B 03 – DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO LUU CHUYEN TIEN TE

Từ ngày 01/01/18 đến ngày 31/12/18

Đơn vị tính : Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay □ Kỳ này	Năm trước □ Kỳ này
I. LUU CHUYEN TIEN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu bán hàng,cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		10.104.028.980	542.834.900
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(4.608.912.221)	(6.451.443.747)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(376.875.150)	(314.675.465)
4. Tiền lãi vay đã trả	04			
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05			
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		143.508.564	6.414.287.027
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(5.505.246.469)	(551.920.238)
LUU CHUYEN TIEN THUAN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	20		(243.496.296)	(360.917.523)

Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu

Do công ty ghi nhận tiền hàng chi trả trực tiếp lên tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán, toàn bộ số liệu phát sinh trong năm tài chính bên Nợ của tài khoản 632 đối ứng với tài khoản 111, 112 được ghi nhận tại mục “I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh”, chỉ tiêu 02 “Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ”. Số tiền mà công ty đã chi trả để mua hàng hoá năm 2018 là 4.608.912.22VNĐ.

- ❖ Thuyết minh Báo cáo tài chính niên độ 2018 của Công ty TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu (Phụ lục ... trang ...)

Hình 3.4: *Phân trình bày chỉ tiêu giá vốn hàng bán trên Thuyết minh báo cáo tài chính của Công ty Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu:*

3- Giá vốn hàng bán

Trong đó:	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	8.920.523.288	6.049.588.756
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	0	0
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	0	0
- Giá vốn khác	0	0
- Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư	0	0
- Giá trị hàng tồn kho mất mát trong kỳ	0	0
- Các khoản chi phí khác được tính vào giá vốn;	0	0
- Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán.	0	0
Cộng	8.920.523.288	6.049.588.756

Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu

Khoản giá vốn hàng bán được trình bày tại mục “VI – Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh”, bảng “3 Giá vốn hàng bán”. Toàn bộ số liệu của Giá vốn hàng bán phát sinh trong kỳ được ghi tại mục “Giá vốn của hàng hoá đã bán”. Số phát sinh trong năm 2018 là 8.920.523.288, khớp với kết quả tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.1.2. Chi phí bán hàng

3.1.2.1. Chứng từ

- ❖ Chứng từ gốc:

- Hoá đơn GTGT (Xem mẫu tại phụ lục ... trang ...)
- Sao kê tài khoản ngân hàng (Xem mẫu tại phụ lục ... trang ...)
- Bảng thanh toán tiền lương (Xem mẫu tại phụ lục ... trang ...)
- Bảng thanh toán bảo hiểm xã hội (Xem mẫu tại phụ lục ... trang ...)

- ❖ Chứng từ ghi sổ:

- Chứng từ ngân hàng (Xem mẫu tại phụ lục ... trang ...)
- Phiếu chi (Xem mẫu tại phụ lục ... trang ...)

3.1.2.2. Sổ kế toán

❖ Sổ tổng hợp:

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 642

❖ Sổ chi tiết:

- Sổ chi tiết tài khoản 6421

3.1.2.3. Tài khoản sử dụng

Bảng 3.1: Tài khoản kế toán chi phí bán hàng đơn vị thực tập sử dụng:

Số hiệu tài khoản			Tên tài khoản
Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	
642			Chi phí quản lý kinh doanh
	6421		Chi phí bán hàng
		64211	Chi phí lương nhân viên
		64213	Chi phí thuê mặt bằng
		64218	Chi phí bán hàng - khác

Nguồn: Phòng Kế toán Công ty TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu.

3.1.2.4. Trích dẫn nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Nghiệp vụ 1:

Ngày 07 tháng 06 năm 2019, kế toán dựa trên hoá đơn GTGT số 5231152, ký hiệu AA/19E của Trung tâm Kinh doanh VNPT thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Tổng công ty Dịch vụ Viễn thông để tiến hành ghi nhận chi phí cước viễn thông tháng 5. Tại mục Nhập phát sinh trên phần mềm, tại mục loại chứng từ chọn chứng từ Phiếu chi, số phiếu PC.0000232/01, kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 64218 60.218

Có TK 141 60.218

❖ Sổ kế toán sử dụng:

- Sổ tổng hợp:

- + Sổ nhật ký chung (Phụ lục 23 trang 18,19)
- + Sổ cái tài khoản 642 (Phụ lục 36 trang 26)
- + Sổ cái tài khoản 141 (Phụ lục 29 trang 22)

- Sổ chi tiết:

- + Sổ chi tiết tài khoản 6421 (Phụ lục 48 trang 34)

+ Sổ chi tiết tài khoản 141 (Phụ lục 44 trang 31)

❖ Trích dẫn mẫu sổ kế toán:

- Trích dẫn mẫu sổ Nhật ký chung:

CÔNG TY TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu
29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh
Mã số thuế : 0313410237

Mẫu số: S03A-DNN

(Ban hành theo TT số 133/2016/TB-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/19 đến ngày 31/12/19

Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	Đã Ghi Số Cái	STT Dòng	Số hiệu TK ĐU'	Phát sinh trong kỳ (Vnd)	
	Số hiệu	Ngày					Nợ	Có
			- Sổ từ trang trước chuyển sang:	X	X	X		
07/06/2019	PC.0000232/01	07/06/19	Cước viễn thông T05/2019				60,218	60,218
			Chi phí bán hàng - khác			64218	60,218	
			Tạm ứng			141		60,218
			- Cộng chuyển sang trang sau	X	X	X		
			TỔNG CỘNG	X	X	X	60,218	60,218

- Trích dẫn mẫu sổ cái tài khoản 642:

CÔNG TY TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu
29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh
Mã số thuế : 0313410237

Mẫu số: S03A-DNN

(Ban hành theo TT số 133/2016/TB-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2019

Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh
Số hiệu: 642

Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK ĐU'	Phát sinh trong kỳ (Vnd)	
	Số hiệu	Ngày		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			- Sổ dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ:					
07/06/2019	PC.0000232/01	07/06/19	Cước viễn thông T05/2019			141	60,218	
			- Cộng số phát sinh trong kỳ	X	X	X	X	X
			- Sổ dư cuối kỳ	X	X	X	X	X

- Trích dẫn mẫu sổ chi tiết tài khoản 6421:

CÔNG TY TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu
29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh
Mã số thuế : 0313410237

Mẫu số S19-DNN

(Ban hành theo TT số 133/2016/TB-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 6421 - Chi phí bán hàng

Năm: 2019

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Chứng từ			Diễn giải	Số hiệu TK ĐU'	Phát sinh		Số dư	
Loại	Số	Ngày			Nợ	Có	Nợ	Có
			<i>Số dư đầu kỳ</i>					
PC	PC.0000233/01	07/06/19	Cước viễn thông T05/2019	141	60,218		60,218	
			<i>Cộng phát sinh</i>		60,218			

Nghiệp vụ 2:

Ngày 25 tháng 06 năm 2019, kế toán ghi nhận chi phí tiền điện sử dụng tại văn phòng tháng 06 năm 2019 dựa trên hoá đơn GTGT số 3433170, ký hiệu AB/19E Công ty Điện Lực Gia Định. Kế toán nhập vào phần mềm tại mục Nhập phát sinh – Phiếu chi, số phiếu PC.0000264/01

❖ Sổ kế toán định khoản:

Nợ TK 64218	1.554.278
Nợ TK 1331	155.428
Có TK 331	1.709.706

❖ Sổ kế toán sử dụng:

- Sổ tổng hợp:

- + Sổ nhật ký chung (Phụ lục 23 trang 18,19)
- + Sổ cái tài khoản 133 (Phụ lục 27 trang 21)
- + Sổ cái tài khoản 331 (Phụ lục 30 trang 23)
- + Sổ cái tài khoản 642 (Phụ lục 26 trang 36)

- Sổ chi tiết:

- + Sổ chi tiết tài khoản 1331 (Phụ lục 42 trang 30)
- + Sổ chi tiết công nợ phải trả đối tác – Công ty Điện Lực (Phụ lục 45 trang 31,32)
- + Sổ chi tiết tài khoản 6421 (Phụ lục 48 trang 34)

❖ Trích dẫn mẫu sổ kế toán:

- Trích dẫn mẫu sổ Nhật ký chung:

CÔNG TY TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu
29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh
Mã số thuế : 0313410237

Mẫu số: S03A-DNN

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Từ ngày 01/01/19 đến ngày 31/12/19

Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	Đã Ghi Số Cái	STT Dòng	Số hiệu TK ĐU'	Phát sinh trong kỳ (Vnd)	
	Số hiệu	Ngày					Nợ	Có
			- Sổ từ trang trước chuyển sang:	X	X	X		
25/06/2019	PC.0000264/01	25/06/19	Phi tiền điện T06/2019				1,709,706	1,709,706
			Chi phí bán hàng - khác			64218	1,554,278	
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ			1331	155,428	
			Phải trả cho người bán			331		1,709,706
			TỔNG CỘNG	X	X	X	1,709,706	1,709,706

- Sổ này có ... trang, được đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ: 01/01/2019

- Trích dẫn mẫu sổ cái tài khoản 642:

CÔNG TY TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu
29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh
Mã số thuế : 0313410237

Mẫu số: S03A-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2019

Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh
Số hiệu: 642

Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK ĐU'	Phát sinh trong kỳ (Vnd)	
	Số hiệu	Ngày		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			- Số dư đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ:					
25/06/2019	PC.0000264/01	25/06/19	Phi tiền điện T06/2019			331	1,554,278	
			- Cộng số phát sinh trong kỳ	X	X	X	X	X
			- Số dư cuối kỳ	X	X	X	X	X

- Trích dẫn mẫu số chi tiết tài khoản 6421:

CÔNG TY TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu
29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh
Mã số thuế : 0313410237

Mẫu số S19-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 6421 - Chi phí bán hàng

Năm: 2019

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Chứng từ			Diễn giải	Số hiệu TK ĐU'	Phát sinh		Số dư	
Loại	Số	Ngày			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
PC	PC.0000264/01	25/06/19	Phi tiền điện T06/2019	331	1,554,278			1,554,278
			Cộng phát sinh		1,554,278			

3.1.2.5. Trình bày thông tin trên Báo cáo tài chính

Chi phí bán hàng được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

- ❖ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh niên độ 2018 của Công ty TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu (Phụ lục ... trang ...)

Chỉ tiêu “Chi phí bán hàng” (Mã số 24): thể hiện các khoản chi phí bán hàng trong kỳ. Nhưng do hạn chế về phần mềm đi kèm với bảng tài khoản kế toán sử dụng, toàn bộ số liệu phát sinh trong kỳ tài khoản 6421 đều được tổng hợp qua chỉ tiêu 25.

Hình 3.5: Phân trình bày chỉ tiêu chi phí bán hàng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của đơn vị thực tập:

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ DU LỊCH KẾT NỐI TOÀN CẦU
29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh
Mã số thuế : 0313410237

Mẫu số B02 – DNN
Ban hành theo TT số 133/2016/TB-BTC
Ngày 26/8/2016 của bộ trưởng BTC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
1	2	3	4	5
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		813,372,062	699,855,106

Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu

- ❖ Thuyết minh Báo cáo tài chính niên độ 2018 của Công ty TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu (Phụ lục ... trang ...)

Hình 3.6: Phân trình bày chỉ tiêu chi phí bán hàng trên Thuyết minh báo cáo tài chính của đơn vị thực tập:

6. Chi phí quản lý kinh doanh

Khoản mục	Năm nay	Năm trước
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	302.636.768	333.063.666
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	510.735.294	366.791.440
c) Các khoản ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh	0	0
- Hoàn nhập các khoản dự phòng;	0	0
- Các khoản ghi giảm khác	0	0

Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu

Chi phí bán hàng được trình bày tại mục “VI – Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh”, bảng “6 Chi phí quản lý kinh doanh”. Toàn bộ số liệu của Chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ được kế toán tổng hợp từ số liệu của tài khoản 6421 trên Bảng cân đối tài khoản (Phụ lục ... trang ...) và trình bày tại mục “b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ”. Số phát sinh trong năm 2018 là 510.735.294.

3.1.3. Chi phí quản lý doanh nghiệp

3.1.3.1. Chứng từ

- ❖ Chứng từ gốc:

- Hoá đơn GTGT (Xem mẫu tại phụ lục ... trang ...)
- Sao kê tài khoản ngân hàng (Xem mẫu tại phụ lục ... trang ...)

- Bảng thanh toán tiền lương (Xem mẫu tại phụ lục ... trang ...)
- Bảng thanh toán bảo hiểm xã hội (Xem mẫu tại phụ lục ... trang ...)
- ❖ **Chứng từ ghi sổ:**
- Chứng từ ngân hàng (Xem mẫu tại phụ lục ... trang ...)
- Phiếu chi (Xem mẫu tại phụ lục ... trang ...)

3.1.3.2. Sổ kế toán

❖ **Sổ tổng hợp:**

- Sổ nhật ký chung

- Sổ cái tài khoản 642

❖ **Sổ chi tiết:**

- Sổ chi tiết tài khoản 6422

3.1.3.3. Tài khoản sử dụng

Bảng 3.2: Tài khoản kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp đơn vị thực tập sử dụng:

Số hiệu tài khoản			Tên tài khoản
Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	
642			Chi phí quản lý kinh doanh
	6422		Chi phí quản lý doanh nghiệp
		64225	Thuế, phí và lệ phí
		64228	Chi phí quản lý - khác, công tác
	6427		Chi phí dịch vụ mua ngoài, quà biếu tặng
	6428		Chi phí tiếp khách

Nguồn: Phòng Kế toán Công ty TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu.

Có hai tài khoản cấp 2 được công ty tạo thêm là tài khoản 6427 – Chi phí dịch vụ mua ngoài, quà biếu tặng và tài khoản 6428 – Chi phí tiếp khách được kế toán tạo thêm, mang tính chất là chi phí quản lý doanh nghiệp, tuy nhiên, kế toán lại không liệt kê hai tài khoản này vào tài khoản con của 6422.

3.1.3.4. Trích dẫn nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Nghiệp vụ 1:

Ngày 21 tháng 06 năm 2019, căn cứ theo phiếu chi PC.0000237/01 và hóa đơn GTGT số 0800625, ký hiệu GD/19E của Công Ty Cổ Phần Cấp Nước Gia Định, kế toán tiến hành ghi nhận chi phí tiền nước sử dụng cho bộ phận văn phòng trên phần mềm Smart Pro, tai mục Nhập phát sinh kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 64228	257.000
Có TK 1111	257.000

❖ Chứng từ kèm theo:

- Hóa đơn GTGT số 0800625, ký hiệu GD/19E, ngày 21/06/2019 (Phụ lục 6 trang 6)

- Phiếu chi PC.0000237/01, ngày 21 tháng 06 năm 2019 (Phụ lục 14 trang 12)

❖ Sổ kê toán sử dụng:

- Sổ tổng hợp:

+ Sổ nhật ký chung (Phụ lục 23 trang 18,19)

+ Sổ cái tài khoản 642 (Phụ lục 36 trang 26)

+ Sổ cái tài khoản 111 (Phụ lục 24 trang 20)

- Sổ chi tiết:

+ Sổ chi tiết tài khoản 1111 (Phụ lục 39 trang 27)

+ Sổ chi tiết tài khoản 6422 (Phụ lục 49,50 trang 34,35)

❖ Trích dẫn mẫu sổ kê toán:

- Trích dẫn mẫu sổ Nhật ký chung:

CÔNG TY TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu
29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh
Mã số thuế : 0313410237

Mẫu số: S03A-DNN

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Từ ngày 01/01/19 đến ngày 31/12/19

Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	Đã Ghi	STT Dòng	Số hiệu TK ĐƯ	Phát sinh trong kỳ (Vnd)	
	Số hiệu	Ngày					Nợ	Có
			- Sổ từ trang trước chuyển sang:	X	X	X		
21/06/2019	PC.0000239/01	21/06/19	Tiền nước T06/2019				257,000	257,000
			Chi phí quản lý - khác, công tác	X		64228	257,000	
			Tiền Việt Nam	X		1111		257,000
			- Cộng chuyển sang trang sau	X	X	X		
			TỔNG CỘNG	X	X	X	257,000	257,000

- Sổ này có ... trang, được đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ: 01/01/2019

- Trích dẫn mẫu sổ cái tài khoản 642:

CÔNG TY TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu
29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh
Mã số thuế : 0313410237

Mẫu số: S03A-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2019

Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu: 642

Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK ĐU	Phát sinh trong kỳ (Vnd)	
	Số hiệu	Ngày		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			- Số dư đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ:					
21/06/2019	PC.0000239/01	21/06/19	Tiền nước T06/2019			1111	257,000	
			- Cộng số phát sinh trong kỳ	X	X	X	X	X
			- Số dư cuối kỳ	X	X	X	X	X

- Trích dẫn mẫu sổ chi tiết tài khoản 6422:

CÔNG TY TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu
29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh
Mã số thuế : 0313410237

Mẫu số S19-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Năm: 2019

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Chứng từ			Diễn giải	Số hiệu TK ĐU	Phát sinh		Số dư	
Loại	Số	Ngày			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
PC	PC.0000239/01	21/06/19	Tiền nước T06/2019	1111	257,000			257,000
			Cộng phát sinh		257,000			

Nghiệp vụ 2:

Căn cứ vào sao kê tài khoản ngân hàng Agribank tháng 06 được nhận vào ngày 01 tháng 07 năm 2019, kế toán tiến hành ghi nhận trên phần mềm chi phí quản lý tài khoản được trừ tự động trên tài khoản tiền gửi ngân hàng vào ngày 20 tháng 06 năm 2019 của Ngân hàng Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam - Chi Nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh. Kế toán vào mục Nhập phát sinh trên phần mềm, chọn loại chứng từ nhập là Chứng từ ngân hàng, số chứng từ CTNH.000238/01, chỉnh sửa lại ngày phát sinh cho khớp với ngày trên sao kê và định khoản:

Nợ TK 64225	10.000
Nợ TK 1331	1.000
Có TK 11212	11.000

❖ Chứng từ kèm theo:

- Chứng từ ngân hàng CTNH.000238/01, ngày 20 tháng 06 năm 2019 (Phụ lục 1 trang 14)
- Sao kê tài khoản ngân hàng Agribank tháng 06 năm 2019 (Phụ lục 1 trang 16)

❖ Sổ kê toán sử dụng:

- Sổ tổng hợp:
 - + Sổ nhật ký chung (Phụ lục 23 trang 18,19)
 - + Sổ cái tài khoản 642 (Phụ lục 36 trang 26)
 - + Sổ cái tài khoản 133 (Phụ lục 27 trang 21)
 - + Sổ cái tài khoản 112 (Phụ lục 25 trang 20)
- Sổ chi tiết:
 - + Sổ tiền gửi ngân hàng tài khoản 11212 ngân hàng Agribank (Phụ lục 40 trang 28)
 - + Sổ chi tiết tài khoản 1331 (Phụ lục 42 trang 30)
 - + Sổ chi tiết tài khoản 6422 (Phụ lục 49,50 trang 33,34)
- ❖ Trích dẫn mẫu sổ kế toán:
- Trích dẫn mẫu sổ Nhật ký chung:

CÔNG TY TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu
29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh
Mã số thuế : 0313410237

Mẫu số: S03A-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Từ ngày 01/01/19 đến ngày 31/12/19

Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	Đã Ghi Số Cái	STT Dòng	Số hiệu TK ĐƯ	Phát sinh trong kỳ (Vnd)	
	Số hiệu	Ngày					Nợ	Cô
			- Số từ trang trước chuyển sang:	X	X	X		
20/06/2019	CTNH.000238/01	20/06/19	Phí quản lý tài khoản ngân hàng Agribank				11,000	11,000
			Thuế, phí và lệ phí			64225	10,000	
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ			1331	1,000	
			Tiền gửi ngân hàng (Agribank)			11212		11,000
			TỔNG CỘNG	X	X	X	11,000	11,000

- Sổ này có ... trang, được đánh số từ trang 01 đến trang ...
- Ngày mở sổ: 01/01/2019

- Trích dẫn mẫu sổ cái tài khoản 642:

CÔNG TY TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu
29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh
Mã số thuế : 0313410237

Mẫu số: S03A-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
Năm: 2019
Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh
Số hiệu: 642

Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK ĐƯ	Phát sinh trong kỳ (Vnd)	
	Số hiệu	Ngày		Trang số	STT dòng		Nợ	Cô
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ:					
20/06/2019	CTNH.000238/01	20/06/19	Phí quản lý tài khoản ngân hàng Agribank			11212	10,000	
			- Cộng số phát sinh trong kỳ	X	X	X	X	X
			- Số dư cuối kỳ	X	X	X	X	X

- Trích dẫn mẫu số chi tiết tài khoản 6422:

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ DU LỊCH KẾT NỐI TOÀN CẦU
29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh
Mã số thuế : 0313410237

Mẫu số S19-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Tài khoản: 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp
Năm: 2019

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Chứng từ			Diễn giải	Số hiệu TK ĐU	Phát sinh		Số dư	
Loại	Số	Ngày			Nợ	Có	Nợ	Có
<i>Số dư đầu kỳ</i>								
CTNH	CTNH.000238/01	20/06/19	Phí quản lý tài khoản ngân hàng Agribank	11212	10,000		10,000	
			<i>Cộng phát sinh</i>		10,000			

3.1.3.5. Trình bày thông tin trên Báo cáo tài chính

Chi phí quản lý doanh nghiệp được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

- ❖ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh niên độ 2018 của Công ty TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu (Phụ lục 53 trang 41)

Chỉ tiêu “Chi phí quản lý doanh nghiệp” (Mã số 25): được tổng hợp từ số luỹ kế phát sinh trong kỳ bên có của tài khoản 642 đối ứng với tài khoản 911. Số liệu của kỳ báo cáo 2018: 813.372.062.

Hình 3.7: Phân trình bày chỉ tiêu chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của đơn vị thực tập:

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ LỊCH KẾT NỐI TOÀN CẦU
29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh
Mã số thuế : 0313410237

Mẫu số B02 – DNN
Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của bộ trưởng BTC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
1	2	3	4	5
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		813,372,062	699,855,106

Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu

Hình 3.8: Phần trình bày chi tiêu chi phí quản lý doanh nghiệp trên Thuyết minh báo cáo tài chính của đơn vị thực tập:

6. Chi phí quản lý kinh doanh

Khoản mục	Năm nay	Năm trước
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	302.636.768	333.063.666
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	510.735.294	366.791.440
c) Các khoản ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh	0	0
- Hoàn nhập các khoản dự phòng;	0	0
- Các khoản ghi giảm khác	0	0

Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu

Chi phí quản lý doanh nghiệp của công ty được trình bày tại mục “VI – Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh”, bảng “6 Chi phí quản lý kinh doanh”. Toàn bộ số liệu của Chi phi quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được kế toán tổng hợp từ số liệu của tài khoản 6422 trên Bảng cân đối tài khoản (Phụ lục 51 trang 36,37) và trình bày tại mục “a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ”. Số phát sinh trong năm 2018 là 302.636.768.

3.2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.2.1. Chứng từ sử dụng

Chứng từ kế toán là khởi điểm của tổ chức công tác kế toán và xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ, là căn cứ ghi sổ, là bằng chứng hợp pháp của các nghiệp vụ kinh tế pháp sinh. Vì vậy quy trình lưu trữ chứng từ kế toán đóng vai trò rất quan trọng đối với sự hoạt động của một doanh nghiệp. Em trình bày xin đưa ra những ưu nhược về việc luân chuyển, lưu trữ hồ sơ chứng từ tại công ty sau khi hoàn thành quá trình thực tập như sau:

3.2.1.1. Ưu điểm

Theo Điều 16 Mục I Chương 2 Luật kế toán 88/2015/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2015 quy định:

“1. Chứng từ kế toán phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên và số hiệu của chứng từ kế toán;
- b) Ngày, tháng, năm lập chứng từ kế toán;
- c) Tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc cá nhân lập chứng từ kế toán;
- d) Tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc cá nhân nhận chứng từ kế toán;
- đ) Nội dung nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh;
- e) Số lượng, đơn giá và số tiền của nghiệp vụ kinh tế, tài chính ghi bằng số; tổng số tiền của chứng từ kế toán dùng để thu, chi tiền ghi bằng số và bằng chữ;

g) Chữ ký, họ và tên của người lập, người duyệt và những người có liên quan đến chứng từ kê toán.

2. Ngoài những nội dung chủ yếu của chứng từ kê toán quy định tại khoản 1 Điều này, chứng từ kê toán có thể có thêm những nội dung khác theo từng loại chứng từ.”

Sau quá trình thực tập quan sát, em trinh bày nhận thấy các chứng từ được sử dụng tại đơn vị thực tập đã được thực hiện đúng theo quy định của Luật kê toán hiện hành:

- Các nội dung trong chứng từ đều đủ thông tin, đủ căn cứ để ghi nhận nghiệp vụ kinh tế thực tế phát sinh tại doanh nghiệp.
- Kế toán viên tại doanh nghiệp thực hiện đầy đủ các nội dung đối với chứng từ kê toán có đầy đủ cơ sở pháp lý.

3.2.1.2. Nhược điểm

Tại Điều 18 Mục I Chương 2 Luật kê toán 88/2015/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2015 quy định:

“1. Thông tin, số liệu trên chứng từ kê toán là căn cứ để ghi sổ kê toán.

2. Chứng từ kê toán phải được sắp xếp theo nội dung kinh tế, theo trình tự thời gian và bảo quản an toàn theo quy định của pháp luật.”

Trong quá trình thực tập tại doanh nghiệp, em trinh bày nhận thấy các khoản chi phí quản lý kinh doanh phát sinh tại doanh nghiệp chưa được theo dõi kịp thời. Cụ thể khi các khoản chi phí này phát sinh trực tiếp bằng tiền gửi hoặc liên quan đến việc chi trả bằng tài khoản ngân hàng của công ty, cùng với tiện ích của hệ thống chuyển tiền qua internet tại các ngân hàng đã tự động hóa quá trình này mang đến sự thuận lợi người làm kế toán đã dẫn đến thái độ chủ quan cho người làm kế toán tại đơn vị là ít quan tâm đến việc lập giấy Uỷ nhiệm chi đưa cho ngân hàng và đến ngân hàng lấy các Sổ phụ ngân hàng, Giấy báo nợ, Giấy báo có định kỳ mà lệ thuộc quá nhiều vào sao kê ngân hàng chỉ lấy một lần vào đầu tháng sau. Ví dụ thực tế như sau:

Hình 3.9: Trích mẫu sao kê tài khoản ngân hàng của đơn vị thực tập:



SAO KÊ TÀI KHOẢN

Ngày thực hiện: 01/07/2019

Chủ tài khoản:	CT TNHH ĐẦU TƯ DU LỊCH KẾT NỐI TOÀN CẦU
Số tài khoản:	721000575759
Địa chỉ:	29/38 DOANH THI DIỆM P1 Q.PHÚ NHUAN HCM
CIF:	10159606
Loại tiền:	VND
Từ:	01/06/2019 Đến: 30/06/2019

Số dư đầu kỳ	876,250,585.00	Số dư cuối kỳ	1,053,652,821.00	
Ngày giao dịch	Số tham chiếu	Số tiền ghi nợ	Số tiền ghi có	Mô tả
25/06/2019	DD4400 - 0066761	22,000.00		Thu phí quản lý tài khoản/Account Management Service charge

Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu

Theo như trên sao kê tài khoản trên, vào ngày 25 tháng 6 năm 2019 phát sinh nghiệp vụ ngân hàng Vietcombank thu tiền quản lý tài khoản. Tuy nhiên, tại thời điểm đó kế toán không nhận Giấy báo có của ngân hàng cho nên đến ngày 1 tháng 7 khi in sao kê cho tháng vừa rồi, kế toán viên mới tiến hành hạch toán ngược lại trên phần mềm và chỉnh sửa ngày phát sinh chứng từ cho khớp với ngày phát sinh được in trên sao kê:

Nợ TK 64225	22.000
Có TK 11211	22.000

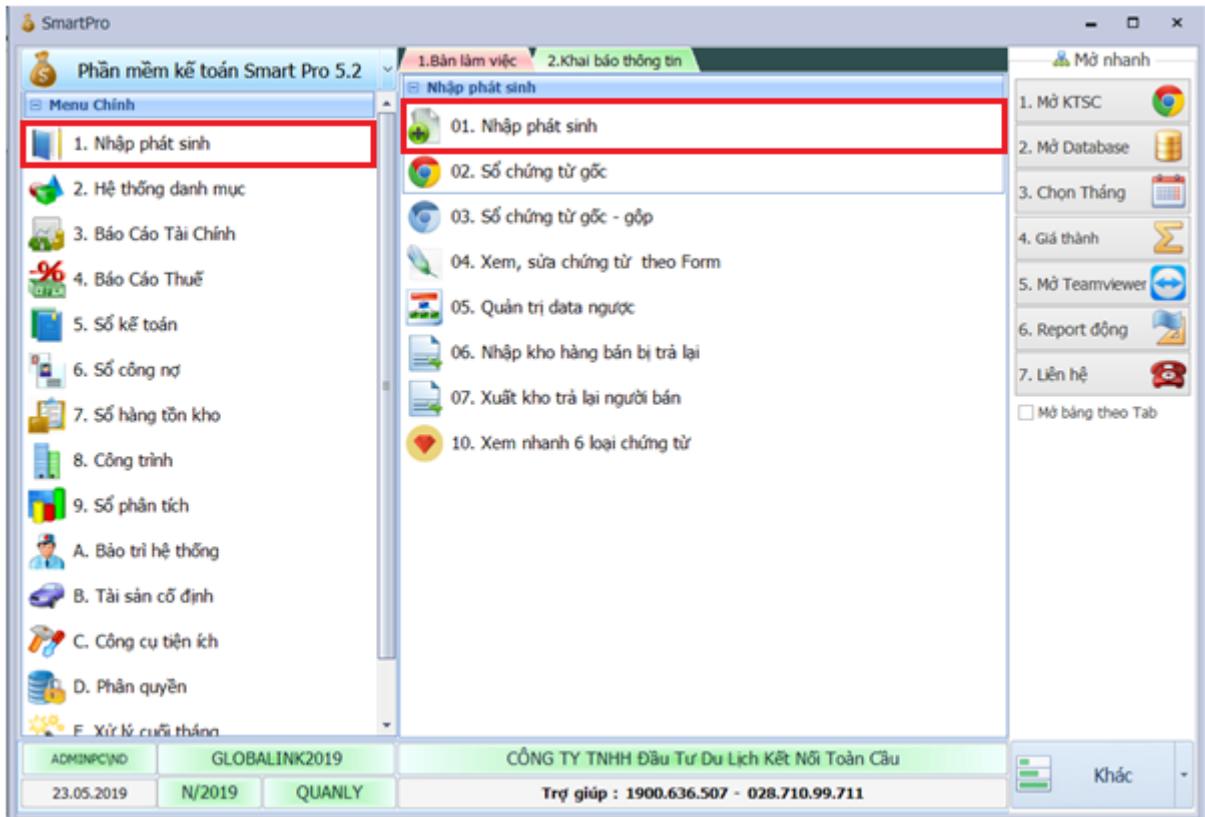
Việc làm này làm cho chứng từ kế toán không còn là căn cứ để ghi sổ kế toán, thời gian phát sinh ở đây chỉ được làm hợp lý hóa và trùng khớp với bản sao kê ngân hàng chứ không phải việc nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi chép theo chứng từ kế toán như luật đã quy định.

Bên cạnh đó, việc để dồn lại rồi hạch toán một lúc sau khoảng thời gian tương đối dài còn gây ra tình trạng loạn trình tự sắp xếp chứng từ theo thời gian do phần mềm đánh số và lưu trữ tự động, vi phạm Điều 18 Mục I Chương 2 Luật kế toán 88/2015/QH13 tại quy định số 2 đã trích bên trên.

Điều này còn gây khó khăn cho nhà quản trị trong việc rà soát lại các khoản tiền đã chi nếu chẳng may xảy ra trường hợp lỗi về hệ thống giao dịch làm mất dữ liệu, hoặc kiểm soát chi phí quản lý kinh doanh không thực sự cần thiết cẩn loại bỏ.

Nhược điểm thứ hai đến từ việc phần mềm kế SmartPro không chia ra các phân hệ kế toán cụ thể. Kế toán viên sẽ hạch toán dựa trên các chứng từ ghi sổ được tạo ra trên phần mềm.

Hình 3.10: Giao diện nhập phát sinh không chia phân hệ của phần mềm Smart Pro:



Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu

Song song với cấu trúc đó, phần mềm không có sẵn các chứng từ nằm ngoài Thông tư 133/2016/TT-BTC mà doanh nghiệp tuân theo, yêu cầu người dùng phải tự thiết kế lại nếu muốn theo quy định tại Điều 2 và 3, Điều 84, Chương IV trong Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 8 năm 2016:

“2. Các loại chứng từ kế toán tại danh mục và biểu mẫu chứng từ kế toán đều thuộc loại hướng dẫn. Doanh nghiệp được chủ động xây dựng, thiết kế biểu mẫu chứng từ kế toán phù hợp với đặc điểm hoạt động và yêu cầu quản lý của mình nhưng phải đáp ứng được các yêu cầu của Luật kế toán và đảm bảo nguyên tắc rõ ràng, minh bạch, kịp thời, dễ kiểm tra, kiểm soát và đối chiếu.

3. Trường hợp không tự xây dựng và thiết kế biểu mẫu chứng từ cho riêng mình, doanh nghiệp có thể áp dụng hệ thống biểu mẫu chứng từ kế toán theo hướng dẫn tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này để ghi chép chứng từ kế toán phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất, kinh doanh và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.”

Đi kèm với sự hạn chế về hiểu biết đối với phần mềm mình sử dụng, kế toán viên tại đơn vị thực tập đã hạch toán cả các bút toán ghi có trên tài khoản 331 – phải trả người bán lên phiếu chi mà không linh hoạt thiết kế biểu mẫu sao cho phù hợp với hoạt động kế toán tại đơn vị.

Trường hợp thực tế cụ thể là kế toán tại doanh nghiệp khi nhận hóa đơn tiền điện cần trả cho Công ty Điện Lực, kế toán lại ghi nhận nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào phiếu chi trong khi nghiệp vụ này vẫn chưa được thực chi, nhưng phần Nợ/Có trên phiếu chi kế toán vẫn định khoản đúng theo yêu cầu nghiệp vụ:

Nợ TK 64218	1.554.278
Nợ TK 1331	155.428
Có TK 331	1.709.706

Nhìn vào phiếu chi em trình bày nhận thấy được sự ý lại vào phần mềm kế toán. Kế toán chỉ nhập nghiệp vụ vào phần mềm cũng không kiểm tra lại hay in giấy tờ ra để phát hiện ra lỗi sai ngay lúc đó. Điều này cho thấy sự kiểm soát nội bộ trong công ty cũng như những nguyên tắc khi làm việc rất lỏng lẻo. Thực trạng khi thực tập tại doanh nghiệp, em trình bày thấy rằng việc chi tiền tại doanh nghiệp rất dễ dàng, nhiều khi không cần phiếu chi trình lên Giám đốc mà chỉ cần lời nói trình bày ra là có thể được chi tiền một cách dễ dàng. Do đó, lỗi sai sót hay sự nhầm lẫn tồn tại trong doanh nghiệp còn rất nhiều.

Tại doanh nghiệp vẫn còn tồn tại các khoản chi phí có thể bị cơ quan thuế đánh giá không thích hợp và dễ dàng bị loại bỏ, đa phần đến từ khoản “Chi phí tiếp khách” được xác định do nội dung ghi trên chứng từ còn mập mờ, không chứng minh được cụ thể khoản chi có thực sự liên quan đến hoạt động kinh doanh tại đơn vị hay không.

Tại Khoản 1 Điều 6 Thông tư 123/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 07 năm 2012 quy định:

“a) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp;

b) Khoản chi có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.”

Cho một trường hợp thực tế cụ thể như sau: chi phí vận chuyển là chi phí thường xuyên phát sinh tại doanh nghiệp, tuy nhiên trên phiếu chi của chi phí taxi phát sinh tại doanh nghiệp chỉ ghi “Cước vận chuyển” mà không có thêm chứng từ, bảng kê chi tiết ghi rõ cước vận chuyển phục vụ cho công tác nào hoặc mục đích nào. Làm cho hóa đơn cùng các chứng từ đi kèm liên quan đến này bị giảm tính trung thực trong việc chi trả. Đôi khi cơ quan thuế lại không chấp nhận khoản chi phí này dẫn đến doanh nghiệp bị mất đi một khoản chi phí được trừ khi quyết toán với cơ quan thuế.

Hình 3.11: Trích mẫu phiếu chi cho khoản "Cước vận chuyển" thuộc Chi phí tiếp khách của đơn vị thực tập:

CÔNG TY TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu
29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh
Mã số thuế : 0313410237

Mẫu số: 02 - TT
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 26 tháng 07 năm 2019

Số: PC.0000287/01
Nợ: 6428, 1331
Có: 141

Họ và tên người nhận tiền: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TAXI THÀNH CÔNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Tô 3, Khu 10B, Phường Quang Hanh, TP Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

Lý do chi: Cước vận chuyển

Số tiền: 2.600.000

Viết bằng chữ: Hai triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn

Kèm theo: Hóa đơn KA/19E số 0001375

Ngày 26 tháng 07 năm 2019

Giám đốc (Ký, họ tên và đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người nộp tiền (Ký, họ tên)	Người lập (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)
---	---------------------------------------	---------------------------------------	----------------------------------	--------------------------------

Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu

3.2.2. Sổ kê toán

Sổ kê toán dùng để ghi chép, hệ thống và lưu giữ toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế, tài chính đã phát sinh theo nội dung kinh tế và theo trình tự thời gian có liên quan đến doanh nghiệp. Mỗi doanh nghiệp nhỏ và vừa chỉ có một hệ thống sổ kê toán cho một kỳ kê toán. Nói tóm lại, sổ kê toán có vai trò rất quan trọng đối với mỗi doanh nghiệp, sau quá trình thực tập tại công ty TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu em trình bày xin rút ra một số nhận xét sau:

3.2.2.1. Ưu điểm

Theo Khoản 2, Điều 88 của Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 quy định:

"Doanh nghiệp được tự xây dựng biểu mẫu sổ kê toán cho riêng mình nhưng phải đảm bảo cung cấp thông tin về giao dịch kinh tế một cách minh bạch, đầy đủ, dễ kiểm tra, dễ kiểm soát và dễ đối chiếu. Trường hợp không tự xây dựng biểu mẫu sổ kê toán, doanh nghiệp có thể áp dụng biểu mẫu sổ kê toán theo hướng dẫn tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này nếu phù hợp với đặc điểm quản lý và hoạt động kinh doanh của mình."

Sau quá trình quan sát hoạt động thực tế tại đơn vị, em đã nhận thấy kê toán công ty đã dùng các biểu mẫu sổ kê toán, lập các sổ theo dõi chi tiết theo như hướng dẫn tại Phụ lục 4 của Thông tư 133/2016/TT- BTC đối với một số tài khoản cần thiết, giúp cho việc kiểm tra, đối chiếu, ghi chép sổ sách với mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh trở nên dễ dàng hơn, có tác dụng rất lớn trong việc giảm thiểu thời gian để tìm nguồn gốc những sai sót.

Nhìn chung, doanh nghiệp đã thực hiện các quy định về lưu trữ, trình bày sổ kế toán theo Luật Kế toán, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế một cách đầy đủ và hoàn thiện.

3.2.2.2. Nhược điểm

Doanh nghiệp tuy đã tiến hành theo dõi các tài khoản chi tiết đúng với quy định tại Khoản 2, Điều 88 của Thông tư 133/2016/TT-BTC ban hành ngày 26/08/2016 đã trích bén trên nhưng thực tế công tác kế toán chi phí kinh doanh vẫn chưa được nghiêm túc trong việc lên các sổ sách theo dõi chi tiết, dù cho những khoản này chiếm tỉ trọng lớn. Việc đó gây bất lợi cho việc quản lý chi phí nói riêng và tạo ra các hạn chế đối với hệ thống kiểm soát nội bộ tại công ty nói chung.

Cụ thể:

- Đối với tài khoản Giá vốn hàng bán 632: Theo như phương pháp định khoản của kế toán tại đơn vị, vì tính chất đặc thù của mặt hàng kinh doanh (vé máy bay và các dịch vụ lữ hành) khi nhập hàng doanh nghiệp không cần phải qua kho mà đưa thẳng vào giá vốn hàng bán. Tuy nhiên, kế toán viên lại không tiến hành nghiêm túc theo dõi cụ thể với tài khoản này mà chỉ trình bày trên các sổ Nhật ký chung và sổ cái.
- Đối với tài khoản Chi phí quản lý kinh doanh 642: mặc dù kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp đã chia các tài khoản cấp 3 để theo dõi các chi phí nhỏ nhưng lại không lập sổ chi tiết của các tài khoản nhỏ đó mà chỉ đưa lên sổ theo dõi chi tiết hai tài khoản cấp 2 là Chi phí bán hàng 6421 và Chi phí quản lý doanh nghiệp 6422. Thêm vào đó, công ty chỉ áp dụng theo mẫu sổ chi tiết chung tại Phụ lục 4 trên Thông tư 133 đã dẫn đến việc khó phân biệt các loại chi phí nhỏ vốn đã được kế toán phân ra từ trước. Việc này gây nhiều bất lợi cho nhân viên kế toán trong quá trình làm việc nếu phát hiện sai sót trên sổ cái, sổ nhật ký chung hoặc các sổ chi tiết liên quan đến chi phí; cũng như không trình bày được các khoản chi phí cụ thể, dẫn đến việc cả kế toán và nhà quản trị không đọc được những khoản chi không cần thiết hoặc khoản chi phí tăng bất thường. Dưới đây là mẫu sổ chi tiết được quý công ty sử dụng để theo dõi tài khoản chi phí cấp 2:

Hình 3.12: Trích mẫu sổ theo dõi chi tiết tài khoản chi phí kinh doanh của đơn vị thực tập:

CÔNG TY TNHH Đầu Tư Lịch Kết Nối Toàn Cầu
29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh
Mã số thuế : 0313410237

Mẫu số S19-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 6421 - Chi phí bán hàng

Năm: 2019

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Chứng từ			Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Phát sinh		Số dư	
Loại	Số	Ngày			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
			Cộng phát sinh					

Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Đầu Tư Lịch Kết Nối Toàn Cầu

Dựa trên quan sát, em sinh viên thực tập nhận thấy rằng mẫu sổ trên không phù hợp để theo dõi chi tiết vì nó không thể hiện được các tài khoản chi tiết ở bên trong cũng như không trình bày được những chi phí nhỏ, không đáng kể, không có chức năng trong việc giúp nhà điều hành loại bỏ các khoản chi không cần thiết, dẫn đến việc công ty có khoản chi vượt mức gây ra tình trạng lỗ như năm tài chính vừa rồi.

3.2.3. Tài khoản kế toán

Tài khoản kế toán là phương tiện để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh giúp doanh nghiệp theo dõi sát sao được tình trạng và sự biến động theo từng đối tượng kế toán riêng biệt. Vì vậy có thể khẳng định rằng hệ thống tài khoản kế toán là công cụ đóng vai trò cốt lõi để một bộ máy kế toán vận hành tốt. Nhận thức được tầm quan trọng của Bảng hệ thống tài khoản, em trình bày đã quan sát và nghiên cứu cẩn trọng trong quá trình thực tập để đưa ra được những nhận xét như sau:

3.2.3.1. Ưu điểm

Việc áp dụng thông tư 133 đã mang lại những lợi ích đáng kể cho doanh nghiệp khi chế độ kế toán theo thông tư này cho phép doanh nghiệp được tự do hạch toán chi tiết hoặc theo dõi các tài khoản ngắn hạn, dài hạn hoặc mở các tài khoản cụ thể theo yêu cầu quản lý của công ty miễn đáp ứng luật kế toán hiện hành.

Theo Khoản 1, Điều 10 của Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 quy định:
“Đối với hệ thống tài khoản kế toán

(a) Trường hợp doanh nghiệp cần bổ sung tài khoản cấp 1, cấp 2 hoặc sửa đổi tài khoản cấp 1, cấp 2 về tên, ký hiệu, nội dung và phương pháp hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đặc thù phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Bộ Tài chính trước khi thực hiện.

(b) Doanh nghiệp có thể mở thêm các tài khoản cấp 2 và các tài khoản cấp 3 đối với những tài khoản không có qui định tài khoản cấp 2, tài khoản cấp 3 tại danh mục Hệ thống tài khoản kế toán doanh nghiệp quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này nhằm phục vụ yêu cầu quản lý của doanh nghiệp mà không phải đề nghị Bộ Tài chính chấp thuận."

Điều này đã hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng lại Danh mục hệ thống tài khoản kế toán phù hợp, mang tính khả thi hơn khi hoạt động thực tiễn.

Nhìn chung, Hệ thống tài khoản kế toán của doanh nghiệp đã khá hoàn thiện, phù hợp với yêu cầu nghiệp vụ kinh tế phát sinh, cơ sở pháp lý của nghiệp vụ nói riêng và mô hình doanh nghiệp vừa và nhỏ của công ty nói chung.

3.2.3.2. Nhược điểm

Hệ thống tài khoản kế toán doanh nghiệp đã tuy đã được điều chỉnh theo nhu cầu nhưng vẫn còn tồn tại những bất cập:

Trong Bảng hệ thống tài khoản của doanh nghiệp, tài khoản chi phí quản lý kinh doanh - tài khoản 642 đã được bổ sung hai tài khoản cấp 2, cụ thể là mở rộng thêm hai tài khoản 6427 và tài khoản 6428 so với Hệ thống danh mục tài khoản kế toán được ban hành kèm theo Phụ lục 1 của Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016.

Bảng 3.3: Bảng tài khoản kế toán chi phí kinh doanh đơn vị thực tập đang sử dụng:

Số hiệu tài khoản			Tên tài khoản
Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	
642			Chi phí quản lý kinh doanh
	6421		Chi phí bán hàng
		64211	Chi phí lương nhân viên
		64213	Chi phí thuê mặt bằng
		64218	Chi phí bán hàng - khác
	6422		Chi phí quản lý doanh nghiệp
		64225	Thuế, phí và lệ phí
		64228	Chi phí quản lý - khác, công tác
	6427		Chi phí dịch vụ mua ngoài, quà biếu tặng
	6428		Chi phí tiếp khách

Nguồn: Phòng Kế toán Công ty TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu.

Bảng 3.4: Bảng tài khoản kế toán chi phí kinh doanh theo Phụ lục 1, Thông tư 133:

Số hiệu tài khoản			Tên tài khoản
Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	
642			Chi phí quản lý kinh doanh
	6421		Chi phí bán hàng
	6422		Chi phí quản lý doanh nghiệp

Việc sửa đổi như trên đã tuân thủ theo quy định về mở thêm tài khoản cấp 2 trên bảng tài khoản của Thông tư 133 để tiện theo dõi và đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp song nó cũng đồng thời làm Danh mục hệ thống tài khoản không còn khớp với Thông tư. Điều này gây khó khăn trong việc cập nhật lên báo cáo kế toán cũng như liên kết với Hỗ trợ kê khai. Cụ thể, khi phần mềm kế toán Smart Pro tự đăng tải dữ liệu lên Hệ thống kê khai đã xảy ra sai số khá lớn. Tuy nhiên sai sót này cũng có một phần lỗi không nhỏ đến từ khả năng cập nhật tương đối chậm của phần mềm khi hỗ trợ kê khai.

3.2.4. Phương pháp định khoản

Hạch toán là nhiệm vụ chính của bộ phận kế toán, chiếm hầu hết thời gian trong công tác kế toán, điều đó cho thấy mức độ ảnh hưởng của hạch toán đến năng suất hoạt động của bộ máy kế toán không hề nhỏ. Do đó việc lựa chọn phương pháp phù hợp với doanh nghiệp đóng vai trò vô cùng quan trọng. Thấu hiểu được ý nghĩa của phương pháp hạch toán, em trình bày xin đóng góp một số nhận xét về ưu nhược điểm tồn tại song song trong quá trình ghi nhận bút toán của doanh nghiệp như sau:

3.2.4.1. Ưu điểm

Hiện nay, công ty đang hạch toán theo phương pháp chứng từ kế toán. Đây là phương pháp dùng để phản ánh, xác minh những nghiệp vụ kinh tế diễn ra hàng ngày trong một đơn vị kế toán. Điểm mạnh của phương pháp này là mọi nghiệp vụ kinh tế tài chính đã phát sinh và thực sự hoàn thành đều phải được phản ánh bằng các chứng từ kế toán theo thời gian và địa điểm phát sinh của nghiệp vụ đó. Đây là những căn cứ pháp lý hỗ trợ doanh nghiệp theo dõi sát sao được các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thời gian, giảm nguy cơ gian lận và kiểm soát, bảo vệ tài sản hiệu quả hơn. Ngoài ra, chứng từ kế toán còn là những bằng chứng cung cấp kịp thời thông

tin cho các cấp quản lý và xác minh tính hợp pháp trong việc giải quyết các mối quan hệ kinh tế pháp lý.

Hơn nữa, việc áp dụng thông tư 133 vào phương pháp hạch toán đã mang lại những lợi ích đáng kể đối với doanh nghiệp trong quá trình ghi nhận các bút toán. Thông tư 133 đề cao tính khả thi khi áp dụng vào thực tiễn hoạt động vì vậy các doanh nghiệp vừa và nhỏ được tự do hạch toán miễn đáp ứng yêu cầu Luật kế toán hiện hành. Điều này hỗ trợ việc hạch toán của doanh nghiệp linh hoạt hơn. Cụ thể, công ty với mô hình thương mại dịch vụ (bán vé máy bay, dịch vụ bảo hiểm, đặt phòng khách sạn...) có đặc điểm hàng không qua kho và thường do khách hàng đặt trước rồi doanh nghiệp mới yêu cầu nhà cung cấp chuyển hóa đơn đầu vào, hàng hóa được hạch toán trực tiếp hàng hóa lên tài khoản 632 - Chi phí giá vốn hàng bán.

Ví dụ:

Kế toán căn cứ trên hoá đơn GTGT số 0013112 ngày 25 tháng 06 năm 2019, ký hiệu HM/18E của nhà cung cấp bảo hiểm du lịch Công Ty TNHH Bảo Hiểm AIG Việt Nam - Chi Nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh và phiếu chi PC.0000260/01 để định khoản trên phần mềm như sau:

Nợ TK 632	1.814.000
Có TK 1111	1.814.000

Nhìn chung, các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán và các bút toán được ghi nhận phù hợp với yêu cầu nghiệp vụ kinh tế phát sinh và cơ sở pháp lý của nghiệp vụ.

3.2.4.2. Nhược điểm

Bên cạnh những ưu điểm trên, doanh nghiệp vẫn còn những tồn tại chưa thể khắc phục:

Đối với các hóa đơn mua vào – bán ra không cùng tháng, thay vì ghi nhận chi phí giá vốn hàng bán vào tài khoản 154 – Chi phí sản xuất dở dang, thì kế toán vẫn hạch toán lên tài khoản 632 – Chi phí giá vốn hàng bán. Bút toán này chỉ được thực hiện đối với các hóa đơn mua vào – bán ra trong cùng tháng theo như hướng dẫn của Thông tư 133.

Nghiệp vụ dẫn chứng:

Ngày 26 tháng 06 năm 2019, căn cứ vào yêu cầu đặt hàng của khách hàng, kế toán tiến hành lập hoá đơn GTGT số 0000268, ký hiệu TC/19E của vé máy bay bán ra cùng ngày và ghi nhận trên sổ kế toán doanh thu:

Nợ TK 131	6.505.200
Có TK 5111	6.505.200

Tuy nhiên, đến ngày 03 tháng 07 năm 2019, tức đã qua tháng tiếp theo, khi nhận được hoá đơn số 0001375 hàng mua của nhà cung cấp, bộ phận kế toán mới tiến hành hạch toán bút toán

ghi nhận giá vốn của vé đã bán ngày 26 tháng 06 lên phần mềm tại mục Nhập phát sinh – Phiếu chi, số phiếu PC.0000270/01:

Nợ TK 632	5.920.000
Có TK 331	5.920.000

Điều này đã vi phạm quy tắc phù hợp trong chuẩn mực kế toán. Theo Chuẩn mực kế toán số 01 của Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam mà quý công ty đang áp dụng:

“Việc ghi nhận doanh thu và chi phí phải phù hợp với nhau. Khi ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng với doanh thu gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.”

Ngoài ra, kế toán hạch toán chi phí chưa chính xác. Cụ thể, đối với những hóa đơn đầu vào hạch toán có thuế suất 5% nhưng kế toán lại không khấu trừ thuế mà ghi nhận trực tiếp vào tài khoản đầu 6. Việc này đã vi phạm vào Điều 12, Chương III của Luật Thuế GTGT. Các khoản này được xác định được đến từ chi phí quản lý kinh doanh như hóa đơn tiền điện thoại, tiền nước...

Thực tế như sau: ngày 21 tháng 06 năm 2019, căn cứ theo phiếu chi tiền tạm ứng PC.0000237/01 và hóa đơn GTGT số 0800625, ký hiệu GD/19E của Công Ty Cổ Phần Cáp Nước Gia Định, kế toán tiến hành ghi nhận chi phí tiền nước sử dụng cho bộ phận văn phòng kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 64228	257.000
Có TK 1111	257.000

Những sai sót này khiến cho khoản chi này trở thành một khoản chi phí được trừ không được ghi nhận và mất tính chính xác của báo cáo tài chính, tạo ảnh hưởng liên đới lên Tờ khai thuế GTGT.

3.2.5. Trình bày trên báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính là sản phẩm của công tác kế toán, là đầu ra của hệ thống thông tin kế toán. Nhận xét của em trình bày về cách lập và trình bày báo cáo tài chính của doanh nghiệp là:

3.2.5.1. Ưu điểm

Điều 29 Mục 3 Chương 2 Luật Kế toán 88/2015/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2015 quy định về Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán như sau:

“ 1. Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán dùng để tổng hợp và thuyết minh về tình hình tài chính và kết quả hoạt động của đơn vị kế toán. Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán gồm:

- a) Báo cáo tình hình tài chính;
- b) Báo cáo kết quả hoạt động;
- c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- d) Thuyết minh báo cáo tài chính;
- đ) Báo cáo khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc lập báo cáo tài chính của đơn vị kế toán được thực hiện như sau:

- a) Đơn vị kế toán phải lập báo cáo tài chính vào cuối kỳ kế toán năm; trường hợp pháp luật có quy định lập báo cáo tài chính theo kỳ kế toán khác thì đơn vị kế toán phải lập theo kỳ kế toán đó;
- b) Việc lập báo cáo tài chính phải căn cứ vào sổ liệu sau khi khóa sổ kế toán. Đơn vị kế toán cấp trên phải lập báo cáo tài chính tổng hợp hoặc báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên báo cáo tài chính của các đơn vị kế toán trong cùng đơn vị kế toán cấp trên;
- c) Báo cáo tài chính phải được lập đúng nội dung, phương pháp và trình bày nhất quán giữa các kỳ kế toán; trường hợp báo cáo tài chính trình bày khác nhau giữa các kỳ kế toán thì phải thuyết minh rõ lý do;
- d) Báo cáo tài chính phải có chữ ký của người lập, kế toán trưởng và người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán. Người ký báo cáo tài chính phải chịu trách nhiệm về nội dung của báo cáo.

3. Báo cáo tài chính năm của đơn vị kế toán phải được nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo quy định của pháp luật.

4. Bộ Tài chính quy định chi tiết về báo cáo tài chính cho từng lĩnh vực hoạt động; trách nhiệm, đối tượng, kỳ lập, phương pháp lập, thời hạn nộp, nơi nhận báo cáo và công khai báo cáo tài chính.”

Theo quan sát và nhận xét của em thực tập, kế toán viên tại doanh nghiệp đã đảm bảo thực hiện đúng theo quy định trên của Luật Kế toán.

3.2.5.2. Nhược điểm

Trong quá trình thực tập tại doanh nghiệp, em trinh bày được làm việc với phần mềm kế toán Smart Pro. Do một phần hạn chế đến từ phần mềm SmartPro 5.2 đã cũ mà công ty sử dụng, các mẫu báo cáo tài chính được lập tự động không khớp hoàn toàn với mẫu báo cáo hiện hành của Bộ tài chính dẫn đến những sai sót do chênh lệch, cụ thể là thực trạng tại doanh nghiệp đăng ký sử dụng Báo cáo tài chính theo Thông tư 133 nhưng trên thực tế lại sử dụng mẫu giống Thông tư 200. Dưới đây là mẫu báo cáo mà công ty đang sử dụng:

Hình 3.13: Mẫu Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh đơn vị thực tập đang sử dụng:

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ DU LỊCH KẾT NỐI TOÀN CẦU
29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh
Mã số thuế : 0313410237

Mẫu số B02 – DNN
Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của bộ trưởng BTC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Từ ngày ... đến ngày ...

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01			
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10			
4. Giá vốn hàng bán	11			
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20			
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21			
7. Chi phí tài chính	22			
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25			
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30			
11. Thu nhập khác	31			
12. Chi phí khác	32			
13. Lợi nhuận khác	40			
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50			
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51			
16. Chi phí thuế TNDN hoàn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60			
18.Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

Người lập

Kế toán trưởng

Ngày ... tháng ... năm

Giám đốc

Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu

Quan sát mẫu trên cho thấy, hai mục “Chi phí bán hàng” và “Chi phí quản lý doanh nghiệp” đáng lẽ phải được gộp thành một là “Chi phí quản lý kinh doanh” nếu báo cáo tuân thủ theo biểu mẫu của Thông tư 133/2016/TT-BTC do Bộ Tài Chính quy định.

3.3. NGUYÊN NHÂN DẪN ĐẾN HẠN CHẾ CỦA CÔNG TÁC KẾ TOÁN

Dẫn đến sự biến động này do các thành phần trong tổng chi phí: giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính và chi phí khác. Cụ thể như sau:

- Do quy mô của công ty còn nhỏ dẫn đến việc nhà quản lý không nghiêm túc vận dụng các biện pháp kiểm soát nội bộ, dẫn đến những bất cập liên đới đến công tác kế toán tại đơn vị.
- Hệ thống lưu trữ và vận hành chứng từ tại doanh nghiệp còn tương đối lỏng lẻo: chẳng hạn như với các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến tiền gửi ngân hàng, công việc ghi sổ chủ yếu chỉ dựa trên sao kê ngân hàng nên khó chứng thực nghiệp vụ đã phát sinh, đặc biệt đối với các khoản thu chi có số tiền lớn đều phải qua hệ thống ngân hàng nên cần phải được chú trọng hơn.
- Công ty sử dụng phần mềm kế toán Smart Pro phiên bản 5.2 được đánh giá là đã lỗi thời, một phần đến từ những bất cập do không có nhân viên hỗ trợ kỹ thuật riêng biệt khiến những lần cập nhật gấp trở ngại mất data trước đó khiến bộ phận kế toán hiện tại vẫn chưa thay mới phiên bản của phần mềm. Việc này dẫn đến những lỗi sai không đáng có khi kế toán hạch toán lên chứng từ, lỗi sai đối với biểu mẫu của báo cáo tài chính...
- Song song với việc sử dụng phần mềm kế toán, em trình bày sau quá trình quan sát và thực nghiệm tại quý công ty đã nhận thấy, hiểu biết của kế toán viên đối với phần mềm còn chưa sâu sắc, gây ra các bất cập nhất định trong công tác kế toán như: ghi sai loại chứng từ, sai biểu mẫu báo cáo, các mẫu sổ chưa thực sự phù hợp với nhu cầu quản lý chi tiết của kế toán...
- Tối giản bộ máy kế toán vừa là ưu điểm cũng vừa là hạn chế của doanh nghiệp. Vì khi nhân lực không cung ứng đủ nhu cầu, một kế toán viên phải đảm nhiệm nhiều phân hệ kế toán dẫn đến việc vi phạm quy tắc bất kiêm nhiệm. Cụ thể là kế toán tổng hợp đảm nhận quá nhiều công việc: từ việc phát hành hóa đơn, ghi chép sổ sách đến việc lưu trữ, kiểm kê, giữ quỹ. Điều này không chỉ khiến giảm hiệu quả và năng suất hoạt động của bộ phận kế toán mà sự tập trung quyền hạn này còn dễ xảy ra tình trạng gian lận, thất thoát nếu kế toán tổng hợp cố ý khi không có sự theo dõi sát sao của các bên liên quan.
- Bên cạnh đó, việc hệ thống kiểm soát nội bộ của công ty còn tương đối kém tạo bất cập cho kế toán trong công tác theo dõi, kiểm soát chi phí một cách phù hợp dẫn đến tồn tại nhiều khoản chi không hợp lý, dư thừa.

CHƯƠNG 4: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN

4.1. CHỨNG TÙ SỬ DỤNG

Để quản lý các chi phí quản lý kinh doanh kịp thời và hiệu quả, em trinh có một số kiến nghị cần đưa ra như sau:

Đối với chứng từ kế toán được sử dụng để làm căn cứ ghi sổ kế toán. Kế toán tại doanh nghiệp nên đến ngân hàng thường xuyên để lập giấy Ủy nhiệm chi cho các nghiệp vụ kinh tế mới phát sinh tại doanh nghiệp và lấy các Giấy báo nợ chư kế toán không nên để quá lâu. Có như vậy, nhà quản trị mới nắm bắt được hết các hoạt động chi tiêu của doanh nghiệp, từ đó nhà quản trị sẽ đưa ra được các chiến lược kinh tế phù hợp nhằm giảm chi phí và tăng lợi nhuận.

Về việc kế toán tại doanh nghiệp xảy ra sự việc ghi nhận nhầm lẫn chứng từ kế toán (Phiếu chi), dựa vào quy định tại Điều 2, Điều 84, Chương IV trong Thông tư 133/2016/TT-BTC cho phép doanh nghiệp được tự xây dựng biểu mẫu, cùng tiện ích tự do thiết kế các mẫu chứng từ của phần mềm kế toán, em trinh bày xin có kiến nghị là thiết kế mẫu Phiếu kế toán để ghi nhận các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến khoản Phải trả chi nhà cung cấp.

Phiếu kế toán này sẽ được thiết kế như số Nhật ký chung, vừa giúp cho người đọc số dễ hiểu và tránh gây nhầm lẫn vì mỗi phát sinh kinh tế sẽ có phiếu kế toán riêng.

- Trên góc trái của chứng từ là Tên công ty, Địa chỉ công ty và Mã số thuế;
- Ngày, tháng, năm là ngày mà nghiệp vụ kinh tế phát sinh;
- Số của phiếu kế toán sẽ được phần mềm đánh số tự động theo trình tự ngày lập;
- Đối tượng là tên nhà cung cấp hoặc đối tác của nghiệp vụ phát sinh này;
- Địa chỉ này là địa chỉ của nhà cung cấp/đối tác;
- Số thứ tự của dòng diễn giải;
- Diễn giải là phần ghi chi tiết nội dung của nghiệp vụ kinh tế phát sinh;
- Tài khoản bên Nợ, tài khoản bên Có của nghiệp vụ này
- Số tiền là giá trị của nghiệp vụ kinh tế này;
- Mục “Kèm theo” là các hóa đơn GTGT hoặc chứng từ đính kèm với nghiệp vụ này;
- Người lập sẽ ký tên và sau đó trình lên Kế toán trưởng và Giám đốc để ký và đóng dấu.

Hình 4.1: Mẫu Phiếu kê toán do em sinh viên thiết kế và đề xuất:

TÊN CÔNG TY

Địa chỉ

Mã số thuế

PHIẾU KÊ TOÁN

Ngày ... tháng ... năm ...

Số:

Đối tượng:

Địa chỉ:

STT dòng	Diễn giải	Số hiệu tài khoản		Số tiền
		Nợ	Có	
A	B	C	D	1
	Cộng	X	X	

Kèm theo:

Giám đốc
(Ký, họ tên và đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...
Người lập
(Ký, họ tên)

Ví dụ đối với nghiệp vụ kinh tế phát sinh mà em trình bày đã nêu tại mục Nhược điểm của Chứng từ kê toán sử dụng ở chương 3. Đối với trường hợp thực tế nhận hóa đơn tiền điện cần trả cho Công ty Điện Lực, kê toán sẽ định khoản trên phần mềm tại mục Phiếu kê toán đã tạo, lúc đó, chứng từ sẽ được trình bày như sau:

Hình 4.2: Trích mẫu Phiếu kê toán đối với nghiệp vụ thực tế phát sinh:

CÔNG TY TNHH Đầu Tư Lịch Kết Nối Toàn Cầu
29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh
Mã số thuế : 0313410237

PHIẾU KÊ TOÁN

Ngày 25 tháng 06 năm 2019

Số: 0000010/01

Đối tượng: Công ty Điện Lực Gia Định

Địa chỉ: 81 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 04, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

STT dòng	Diễn giải	Số hiệu tài khoản		Số tiền
		Nợ	Có	
A	B	C	D	1
1	Phi tiền điện T06/2019	64218	331	1,554,278
2	Phi tiền điện T06/2019	1331	331	155,428
	Cộng	X	X	1,709,706

Kèm theo: Hóa đơn AB/19E số 3433170

Giám đốc
(Ký, họ tên và đóng dấu)

Ngày 25 tháng 06 năm 2019
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập
(Ký, họ tên)

Các khoản “Chi phí tiếp khách” như “Cước vận chuyển” đã nêu ở bên trên cần được tăng tính thuyết phục và độ tin cậy để đích trình diện với các cơ quan chức năng. Với hạn chế này, em xin được đề xuất giải pháp kế toán cần lập thêm “Bảng kê chi tiền” nhằm tăng tính thuyết phục, cung cấp các thông tin rành mạch về số đã chi. Dưới đây là biểu mẫu Bảng kê chi tiền em trình bày đề xuất:

Hình 4.3: Mẫu Bảng kê chi tiền do em sinh viên thiết kế và đề xuất:

Đơn vị:.....
Bộ phận

BẢNG KÊ CHI TIỀN
Ngày..... tháng..... năm....

Họ và tên người chi:
 Bộ phận (hoặc địa chỉ):
 Chi cho công việc:

STT	Chứng từ		Nội dung chi	Số tiền
	Số hiệu	Ngày, tháng		
A	B	C	D	1
			Công	

Số tiền bằng chữ:
 (Kèm theo.... chứng từ gốc).

Người lập bảng kê
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người duyệt
(Ký, họ tên)

Trong đó, “Nội dung chi” phải được ghi rõ ràng, chi tiết chi cho việc nào? Có như vậy các khoản “Chi phí tiếp khách” này mới được xem là khoản được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế.

4.2. SỐ KẾ TOÁN

Đối với khoản Giá vốn hàng bán mua vào, kế toán tại công ty chỉ tập hợp các chi phí vào sổ cái mà không tổng hợp trên sổ chi tiết tài khoản khiến cho việc tập hợp theo dõi các số liệu chung rất khó khăn, phức tạp.

Bên cạnh đó, với tính chất không qua kho của loại hình mặt hàng công ty kinh doanh, để theo dõi một cách hợp lý lưu lượng hàng hoá, dựa trên quy định tại Khoản 2, Điều 88 của Thông tư 133/2016/TT-BTC cho phép tự do thiết kế mẫu sổ kê toán, em trình bày xin đề xuất kiến nghị thiết kế “Bảng kê theo dõi chi tiết hàng mua vào” tương thích và tiến hành theo dõi từng mặt hàng, giúp cho kế toán cũng như phòng kinh doanh và ban quản trị có thể nhận biết được đâu là mặt hàng chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu Giá vốn hàng bán, từ đó có thể đề ra những chiến lược kinh doanh hiệu quả.

Dưới đây là mẫu Bảng kê theo dõi chi tiết em đã thiết kế:

Hình 4.4: Mẫu Bảng kê theo dõi chi tiết hàng mua vào do em sinh viên thiết kế và đề xuất:

BẢNG KÊ THEO DÕI CHI TIẾT HÀNG MUA VÀO

Tên hàng hoá:

Từ ngày ... đến ngày ...

Trong đó:

- Tên hàng hoá: là các mặt hàng công ty đang kinh doanh như Vé máy bay quốc nội, Vé máy bay quốc tế, Bảo hiểm du lịch, Dịch vụ Vissa/Passport, Dịch vụ khách sạn.
 - Mã hàng: là số vé được cấp, mã dịch vụ.
 - Hàng hàng không/Hãng cung cấp dịch vụ: tên nhà cung cấp chính thức của vé máy bay hoặc các dịch vụ khác.
 - Nhà cung cấp: đại lý cấp một, bên thứ ba cung cấp vé, dịch vụ (nếu có).
 - Giá gốc: là giá trị thuần của vé/dịch vụ mua vào.
 - Lệ phí sân bay: là khoản xác định thu hộ cho cơ quan nhà nước, không tính thuế. Khoản này tùy thuộc vào quy định của nhà nước đối với từng sân bay khác nhau trên từng mặt vé. Các dịch vụ khác như dịch vụ bảo hiểm, du lịch, visa không tồn tại trên cột này.

- Thuế GTGT: Thuế khấu trừ được ghi trên hóa đơn đối với mặt hàng.
- Phí khác: là các loại phí phụ thu như phí hành lý, phí đổi vé, phí hoàn vé...
- Tổng tiền: Là tổng số tiền hàng phải trả cho bên cung cấp.
- Hóa đơn đính kèm: hóa đơn GTGT đầu vào công ty nhận từ nhà cung cấp.
- Tình trạng thanh toán: kế toán có thể theo dõi khoản thanh toán của mình đã thực hiện hay chưa tại mục này.

Đối với việc kê toán áp dụng theo mẫu sổ chi tiết của Phụ lục 4 quy định trong Thông tư 133/2016/TT-BTC tạo nên khuôn mẫu thiêu linh hoạt trong công tác theo dõi chi phí, từ đó dẫn đến những bất cập cho quá trình làm việc phát hiện sai sót trên sổ cái, sổ nhật kí chung khi đối chiếu với các sổ chi tiết liên quan đến chi phí, không trình bày được các khoản chi phí cụ thể để giúp cho nhà quản trị phát hiện những khoản chi không cần thiết hoặc khoản chi phí tăng bất thường.

Với sự bất tiện trên trong việc theo dõi chi tiết tại hai tài khoản Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp, em xin được đề xuất mẫu sổ đã thiết kế để dễ dàng theo dõi các khoản chi phí nhỏ mà kế toán đã phân hệ cấp 3 trước đó (Lưu ý: sổ chi tiết em thiết kế dựa trên bảng tài khoản chi phí kinh doanh đã được đề xuất chỉnh sửa ở Mục 4.3 của bài luận):

Hình 4.5: Mẫu sổ chi tiết chi phí quản lý kinh doanh - tài khoản Chi phí bán hàng do em sinh viên thiết kế và đề xuất:

TÊN CÔNG TY

Địa chỉ:

Mã số thuế:

SỔ CHI TIẾT CHI PHÍ QUẢN LÝ KINH DOANH

Tài khoản: 6421 - Chi phí bán hàng

Từ ... đến

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Chứng từ			Diễn giải	Số hiệu TK ĐU	Phát sinh			
Loại	Số	Ngày			Tổng số tiền	Tài khoản		
A	B	C	D	E	1	2	3	4
			<i>Số dư đầu kỳ</i>					
			<i>Cộng phát sinh</i>					

Hình 4.6: Mẫu sổ chi tiết chi phí quản lý kinh doanh - tài khoản Chi phí quản lý doanh nghiệp do em sinh viên thiết kế và đề xuất:

TÊN CÔNG TY

Địa chỉ:

Mã số thuế:

SỔ CHI TIẾT CHI PHÍ QUẢN LÝ KINH DOANH

Tài khoản: 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Từ ... đến

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Chứng từ			Diễn giải	Số hiệu TK ĐU'	Phát sinh			
Loại	Số	Ngày			Tổng số tiền	Tài khoản		
A	B	C	D	E	1	2	3	4
			Số dư đầu kỳ					
			Cộng phát sinh					

Căn cứ vào sổ chi tiết chi phí quản lý kinh doanh kỳ trước – phần “Số dư cuối kỳ”, để ghi vào dòng “Số dư đầu kỳ” ở các cột phù hợp (Cột 1 đến cột 4).

Phần “Số phát sinh trong kỳ” căn cứ vào chứng từ kê toán (chứng từ gốc, bảng phân bổ) để ghi vào sổ chi tiết như sau:

- Cột A: Loại chứng từ ghi sổ
- Cột B, C: Ghi số hiệu, ngày, tháng của chứng từ dùng để ghi sổ
- Cột D: Ghi diễn giải nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh
- Cột E: Ghi số hiệu tài khoản đối ứng
- Cột 1: Ghi tổng số tiền của nghiệp vụ kinh tế phát sinh
- Từ cột 2 đến cột 4: Căn cứ vào nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh để ghi vào các cột phù hợp tương ứng với nội dung chi phí đáp ứng yêu cầu quản lý của từng tài khoản của doanh nghiệp

4.3. TÀI KHOẢN SỬ DỤNG

Hiện nay, bảng hệ thống tài khoản kế toán của doanh nghiệp gồm có 49 tài khoản cấp 1 và được chi tiết bởi 81 tài khoản cấp 2.

Công ty đang áp dụng Hệ thống danh mục tài khoản kế toán được ban hành kèm theo phụ lục 1 của Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ tài chính về Hướng dẫn chế độ cho doanh nghiệp vừa và nhỏ nhưng có sự điều chỉnh để đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp. Cụ thể, doanh nghiệp đã mở rộng thêm hai tài khoản cấp hai: Tài khoản chi phí dịch vụ mua ngoài, quà biếu tặng (tài khoản 6427) và tài khoản chi phí tiếp khách (tài khoản 6428).

Nghiệp vụ dẫn chứng:

Ngày 26 tháng 07 năm 2019, kế toán căn cứ theo phiếu chi PC.0000287/01 và hoá đơn GTGT số 0000470, ký hiệu TC/19E của Công Ty TNHH MTV Taxi Thành Công Quảng Ninh để ghi nhận cước phí vận chuyển trên phần mềm Smart Pro. Kế toán định khoản:

Nợ TK 6428 2.363.636

Nợ TK 1331 236.364

Có TK 1111 2.600.000

Tuy nhiên sau khi kết thúc quá trình thực tập và nghiên cứu, em trình bày nhận thấy nhiều bất cập xoay quanh việc sửa đổi này. Sau khi so sánh ưu - nhược (mục 3.4.3), em trình bày xin đưa ra kết luận như sau:

Việc điều chỉnh Bảng hệ thống tài khoản như trên là không cần thiết và không phù hợp. Vì bản chất của hai tài khoản cấp hai này đều thuộc chi phí quản lý doanh nghiệp. Thay vì bổ sung thêm tài khoản cấp ba thì kế toán lại mở rộng tài khoản cấp 2. Điều này không chỉ không đem lại lợi ích rõ ràng cho doanh nghiệp mà còn gây ảnh hưởng trong công tác lập báo cáo tài chính và đăng tải lên hệ thống kê khai. Để giải quyết vấn đề này, em trình bày xin đề ra kiến nghị cho doanh nghiệp như sau: doanh nghiệp nên phân loại lại hai tài khoản chi phí cấp 2.

Cụ thể, tài khoản chi phí dịch vụ mua ngoài, quà biếu tặng (tài khoản 6427) và tài khoản chi phí tiếp khách (tài khoản 6428) là chi phí cấp 3 để tương thích với phần mềm kế toán và phù hợp với bản chất chi phí hơn. Em trình bày xin thiết kế lại Danh mục hệ thống tài khoản chi phí quản lý kinh doanh cho công ty:

Sơ đồ 4.1: Bảng tài khoản kế toán chi phí kinh doanh do em sinh viên thiết kế lại và đề xuất:

Số hiệu tài khoản			Tên tài khoản
Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	
642			Chi phí quản lý kinh doanh
	6421		Chi phí bán hàng
		64211	Chi phí lương nhân viên
		64213	Chi phí thuê mặt bằng
		64218	Chi phí bán hàng - khác
	6422		Chi phí quản lý doanh nghiệp
		64225	Thuế, phí và lệ phí

<i>Số hiệu tài khoản</i>			<i>Tên tài khoản</i>
<i>Cấp 1</i>	<i>Cấp 2</i>	<i>Cấp 3</i>	
		64227	Chi phí dịch vụ mua ngoài, quà biếu tặng
		64228	Chi phí quản lý - khác, công tác và tiếp khách

Giải pháp này không chỉ hỗ trợ doanh nghiệp hạch toán, lập và đăng tải báo cáo tài chính dễ dàng, nhanh chóng mà còn giảm tỷ lệ sai sót. Bên cạnh đó, phương án này vẫn hỗ trợ doanh nghiệp theo dõi chi tiết các tài khoản chi phí, để nhà quản trị có thể cắt giảm chi phí một cách hiệu quả.

4.4. PHƯƠNG PHÁP HẠCH TOÁN

Công ty hiện áp dụng phương pháp chứng từ kế toán và hạch toán trên phần mềm Smart Pro theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ tài chính về Hướng dẫn chế độ cho doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Với đặc điểm của loại hình cung ứng dịch vụ lữ hành bên thứ ba, do không có hàng hóa và tính chất hàng do khách đặt trước nên kế toán không hạch toán xuất nhập kho hàng hóa như thông thường mà đưa trực tiếp vào tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán. Tuy nhiên, như đã nêu ở phần nhược điểm của phương pháp hạch toán (mục 3.4.3.2), cách hạch toán đầu vào của doanh nghiệp đã vi phạm quy tắc phù hợp theo Điều 06, VAS 01 trong Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam trong trường hợp hoá đơn giá vốn về khác tháng với hoá đơn GTGT ghi nhận doanh thu của đơn vị.

Căn cứ vào các quy định tại: Thông tư số 39/2014/TT-BTC hướng dẫn về hóa đơn bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ, Thông tư số 219/2-12/TT-BTC hướng dẫn về thuế GTGT, Công văn số 9074/CT-TTHT của Cục thuế thành phố Hồ Chí Minh; em xin đưa ra phương pháp định khoản cho doanh nghiệp như sau:

- Khi nhận hóa đơn đầu vào của nhà cung cấp:

Nợ TK 154	Bao gồm cả các phần lệ phí sân bay và các phí khác
Nợ TK 133	Thuế GTGT

Có TK 111, 112, 331 ...

- Nếu đơn vị xuất hóa đơn đầu ra cho khách hàng trong cùng tháng đó thì có thể hạch toán thẳng vào tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán.
- Khi doanh nghiệp xuất bán cho khách hàng:

+ Kế toán ghi nhận giá vốn:

Nợ TK 632

Có TK 154

+ Kế toán ghi nhận doanh thu theo giá bán cho khách hàng:

Nợ TK 111, 112, 131...

Có TK 5111

Có TK 3331

Đối với các nghiệp vụ kinh tế đã phát sinh, kế toán cần có sự điều chỉnh lại các bút toán lỗi để tránh ảnh hưởng lên các báo cáo tài chính:

- Trường hợp chưa kết sổ, kế toán viên có thể chỉnh sửa lại trực tiếp các bút toán cũ trên phần mềm kế toán.
- Trường hợp đã khóa sổ thì căn cứ vào việc sai sót có trọng yếu hay không để kế toán viên áp dụng phương pháp hồi tố hay phi hồi tố (căn cứ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 29).

Tương tự, với việc hạch toán sai thuế GTGT đầu vào như đã nêu tại phần nhược điểm của phương pháp định khoản (mục 3.4.3.2), kế toán viên cũng áp dụng phương pháp chỉnh sửa như trên, căn cứ đúng theo quy định của việc khấu trừ thuế GTGT tại Điều 12, Chương III của Luật Thuế GTGT.

Ví dụ đối với hóa đơn chi phí tiền nước, kế toán ghi nhận bút toán đúng là:

Nợ TK 64228 245.830

Nợ TK 1331 11.170

Có TK 1111 257.000

4.5. TRÌNH BÀY THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Nhận thấy được khó khăn trong việc cập nhật lên Báo cáo tài chính cũng như liên kết với phần mềm Hỗ trợ kê khai thuế, em trình bày xin đưa ra kiến nghị bên cạnh đưa hai tài khoản cấp 2 được doanh nghiệp chỉnh sửa (tài khoản 6427 và 6428) vào các tài khoản cấp 3 phù hợp như đã trình bày tại phần giải pháp của tài khoản kế toán nêu trên (mục 4.3) để phần mềm có thể tổng hợp dễ dàng hơn, thêm vào đó, kế toán cần chỉnh sửa lại biểu mẫu Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sao cho đúng với mẫu do Bộ Tài Chính ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC để tránh các sai sót liên đới lên quá trình khai thuế TNDN.

Dưới đây là mẫu báo cáo đúng quy chuẩn theo Thông tư 133/2016/TT-BTC:

**Hình 4.7: Biểu mẫu Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo Thông tư 133/2016/TT-BTC
đem sinh viên để xuất:**

TÊN CÔNG TY

Địa chỉ:

Mã số thuế:

Mẫu số B02 - DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm ...

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

STT	Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01			
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10			
4	Giá vốn hàng bán	11			
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20			
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21			
7	Chi phí tài chính	22			
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8	Chi phí quản lý kinh doanh	24			
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30			
10	Thu nhập khác	31			
11	Chi phí khác	32			
12	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40			
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50			
14	Chi phí thuế TNDN	51			
15	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60			

Ngày ... tháng ... năm ...

Người lập
(Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

KẾT LUẬN

Qua quá trình nghiên cứu về Công ty TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu, em đã tìm hiểu được những tính chất đặc thù của lĩnh vực kinh doanh về vận tải liên quan đến hàng không. Bên cạnh đó, em cũng rút ra được những kinh nghiệm thực tế về công việc kê toán, cách quản lý các khoản thu chi, hệ thống chứng từ, sổ sách, báo cáo và cách lập kê khai thuế.

Đồng thời, em cũng đút kết được những nhận xét về cả những mặt ưu nhược tồn tại song song tại công ty, từng bước biết cách tổng hợp chọn lọc để đưa ra giải pháp phù hợp cho những hạn chế tồn tại, từ đó tạo thêm kinh nghiệm và những bài học thực tế để nâng cao kiến thức kế toán của bản thân.

Như vậy, hiện nay Công ty TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu vẫn tồn tại những khoản lỗ tương đối lớn do các bất cập về chính sách giá ưu đãi, chi phí chiết dịch kinh doanh... Để hiệu quả kinh doanh nâng cao và duy trì khả năng hoạt động của doanh nghiệp, cần có sự điều chỉnh về sự quản lý bộ máy kế toán, cách kiểm soát các khoản thu chi, trình bày lưu trữ các chứng từ sổ sách cũng như hệ thống báo cáo tài chính nhằm nâng cao thu nhập đồng thời cắt giảm bớt chi phí một cách hợp lý.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Xuân Nam, 2016. “*Kế toán tài chính Tập I*”, Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Tài chính.
2. Thông tư 200/2014 TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.
3. Bộ Tài Chính, 2013. 26 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Lao động.
4. Tài liệu của Công Ty TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu
5. Các trang web: - <http://www.danketoan.com>
 - <http://www.webketoan.vn>
 - <http://www.tapchiketoan.com>
 - <http://www.doc.vn>
 - <http://www.luanvan.net>
 - <http://tintucketotoan.com/thue-gtgt>

PHỤ LỤC

Phụ lục 1 :Hóa đơn GTGT của công ty Khanh Travel, ký hiệu KA/19E, mẫu số 01GKKT0/002, số HD là 0000604.

CÔNG TY TNHH DU LỊCH KHANH								
Mã số thuế: 0 3 1 2 2 4 4 0 3 3								
Địa chỉ: 631 Nguyễn Kiệm, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam								
Điện thoại: (028)38456425 / (028)38456427 - Fax: (028)38421425								
Email: info@khanhtravel.com - Website: www.khanhtravel.com								
Số tài khoản: 0721000060677 - Vietcombank Chi nhánh Kỳ Đồng								
HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG								
Ký hiệu : KA/19E								
Mẫu số : 01GKKT0/002								
Ngày 04 tháng 06 năm 2019								
Số : 0000604								
Họ tên người mua hàng:								
Tên đơn vị: Công ty TNHH Đầu tư du lịch Kết Nối Toàn Cầu								
Địa chỉ: 29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh								
Mã số thuế: 0313410237								
Hình thức thanh toán: TM/CK								
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	DVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế suất GTGT %	Tiền thuế GTGT	Số tiền thanh toán
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4x5)	(7)	(8)=(6x7)	(9)=(6+8)
1	Lé phí sân bay	Vé	1	120.000	120.000	X		120.000
2	Vé máy bay quốc nội 7382426156787 HANVCA	Vé	1	1,991.818	1,991.818	10%	199.182	2,191.000
3	Lé phí sân bay	Vé	1	120.000	120.000	X		120.000
4	Vé máy bay quốc nội 84624823 SGNHAN	Vé	1	1.274.545	1.274.545	10%	127.455	1.402.000
5	Lé phí sân bay	Vé	1	120.000	120.000	X		120.000
6	Vé máy bay quốc nội 84641507 VCAHAN	Vé	1	933.545	933.545	10%	93.355	1.026.900
7	Lé phí sân bay	Vé	1	120.000	120.000	X		120.000
8	Vé máy bay quốc nội 7382426229460 SGNHAN	Vé	1	1.690.000	1.690.000	10%	169.000	1.859.000
9	Lé phí sân bay	Vé	1	120.000	120.000	X		120.000
10	Vé máy bay quốc nội 7382426229470 HANSGN	Vé	1	1.600.000	1.600.000	10%	160.000	1.760.000
11	Lé phí sân bay	Vé	1	120.000	120.000	X		120.000
12	Vé máy bay quốc nội 84718047 SGNHAN	Vé	1	1.604.545	1.604.545	10%	160.455	1.765.000
13	Lé phí sân bay	Vé	1	240.000	240.000	X		240.000
14	Vé máy bay quốc nội 84718393 SGNHANSGN	Vé	1	2.899.091	2.899.091	10%	289.909	3.189.000
15	Lé phí sân bay	Vé	1	240.000	240.000	X		240.000
16	Vé máy bay quốc nội 84720102 SGNHANSGN	Vé	1	3.059.091	3.059.091	10%	305.909	3.365.000
Mã tra cứu hóa đơn: 87FPSM7404 Tra cứu tại Website: http://www.melinvoice.vn/tra-cuu/								
1/2								
Tổng cộng: 16.252.635 1.505.265 17.757.900								
Số tiền viết bằng chữ <i>Mười bảy triệu bảy trăm năm mươi bảy ngàn chín trăm đồng chẵn.</i>								
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)			Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)			Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)		
Ký bởi: Công Ty TNHH Du Lịch Khanh Ký ngày: 04/06/2019								
(Cần kiểm tra, đối chiếu trước khi lập, giao, nhận hóa đơn)								
Mã tra cứu hóa đơn: 87FPSM7404 Tra cứu tại Website: http://www.melinvoice.vn/tra-cuu/								
2/2								

Phụ lục 2: Hóa đơn GTGT của công ty Cổ phần Xây dựng Kiến trúc AA, ký hiệu TC/19E, mẫu số 01GTKT0/002, số HD là 0000224.

	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ DU LỊCH KẾT NỐI TOÀN CẦU Mã số thuế : 0313410237 Địa chỉ : 29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 01, Quận Phú Nhuận, TP. HCM Điện thoại : 028.399 00 567 - 028.399 00 365 Số tài khoản : 0721 000 575759 tại NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam, CN Kỳ Đồng						
HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)							
				Mẫu số (Form No.): 01GTKT0/002 Ký hiệu (Serial No.): TC/19E Số (Invoice No.): 0000224			
Ngày (day) 04 tháng (month) 06 năm (year) 2019							
Họ tên người mua hàng (Buyer's full name): Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG KIẾN TRÚC AA Địa chỉ (Address): Tòa nhà Bitexco Financial Tower, tầng 43A, 02 Hải Triều, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Mã số thuế (Tax code): 0302166869 Hình thức thanh toán (Payment method): Tiền mặt/Chuyển khoản Số tài khoản (AVC):							
STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)	Thuế suất (Tax Rate)	Tiền thuế (Tax Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5	7	8 = 6 x 7
1	Vé Máy Bay Quốc Nội: 7382426428058	Vé	1	4.481.818	4.481.818	10%	448.182
2	Thuế phi, lệ phí sân bay (Thu hộ cơ quan nhà nước)				240.000	\	\
Cộng tiền hàng (Sub total): 4.721.818 Tiền thuế GTGT (VAT Amount): 448.182 Tổng cộng tiền thanh toán (Grand payment): 5.170.000							
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Năm triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn J.							
Người mua hàng (Buyer)				Người bán hàng (Seller) <div style="background-color: #e0f2e0; padding: 5px; border-radius: 10px; text-align: center;"> Đã được ký điện tử bởi (Signed digitally by) CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ DU LỊCH KẾT NỐI TOÀN CẦU </div>			
<small>(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</small>							
<small>Giải pháp Hóa đơn Điện tử được cung cấp bởi Công ty Cổ phần Bkav - MST 0101360697 -ĐT 1900 545414 - http://ehoadon.vn Hóa đơn Điện tử (HDDT) được tra cứu trực tuyến tại http://tracuu.ehoadon.vn. Mã tra cứu HDDT này: QEIBHIBQO9</small>							

Phụ lục 3: Hóa đơn GTGT của Hàng hàng không BAMBOO , kí hiệu AC/19E, mẫu số 01GKKT0/002, số HD là 0008157.

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG <i>(VAT INVOICE/RECEIPT)</i>								
Ngày (Date) 13 Tháng (Month) 06 Năm (Year) 2019					Mẫu số (Form) : 01GKKT0/002 Kí hiệu (Series) : AC/19E Số (No.) : 0008157			
CÔNG TY TNHH HÀNG KHÔNG TRE VIỆT (BAMBOO AIRWAYS COMPANY LIMITED) Mã số thuế (Tax code): 0107867370 Địa chỉ: Khu số 4, Khu du lịch biển Nhơn Lý - Cát Tiên, Xã Nhơn Lý, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam Address: Section 4, Nhơn Lý - Cat Tiên Tourist Area - Nhơn Lý Commune - Quy Nhơn City - Bình Định Province - Viet Nam			Tên người mua (Customer) : CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ DULỊCH KẾT NỐI TỔN CẨU Mã số thuế (Tax code) : 0313410237 Địa chỉ (Address) : 2938 Đoàn Thị Điểm, Phường 01, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam Số hàng_kè: (Reference No) _____ Ngày (Date): _____ Loại tiền/Currency) VND					
STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description of Goods, Services)	Số lượng vé (Bán/huân/điều chỉnh) (Sales/Refund/Adjustment)	Giá vé (Fare)	Phi (Charge)	Thuế suất GTGT (VAT rate)	Thuế GTGT (VAT payable (4+5)x6)	Thu hộ cơ quan nhà nước (Authorized collection)	Tổng tiền thanh toán (Total charges)
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	W22ESD / 8882310991153	1	1.410.000	0	10	141.000	120.000	1.671.000
2	VJ22F6 / 8884550188176	1	0	40.000	10	4.000	0	44.000
3	VJ22F6 / 8882310915868	1	1.955.000	0	10	196.000	120.000	2.271.000
Tổng cộng (Total charge): 3.365.000 40.000 341.000 240.000 3.986.000								
Số tiền viết bằng chữ (Total in words): Ba triệu chín trăm tam mươi sáu nghìn đồng J.								
Hình thức thanh toán/Form of payment: Chuyển khoản hoặc tiền mặt								
Quý khách vui lòng tra cứu hóa đơn tại website: https://bambooirways.vnpt-invoice.com.vn nhập mã BAV1012453 để lấy hóa đơn Please access the website: https://bambooirways.vnpt-invoice.com.vn nhập mã BAV1012453 to review e-invoice (Mọi vấn đề liên quan đến việc phát hành hóa đơn GTGT chỉ được giải quyết trong vòng 7 ngày (kể từ ngày sử dụng dịch vụ) All concerns related to VAT invoice, kindly come back within 7 days (from the date of services consumed))								
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên - Signature, full name)					Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên - Signature, full name)			
					<input checked="" type="checkbox"/> Signature Valid Ký bởi CÔNG TY TNHH HÀNG KHÔNG TRE VIỆT Ký ngày: 13/06/2019			
Đơn vị cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Tổng công ty dịch vụ viễn thông - VNPT Vinaphone, MST 310106869738, Điện thoại 1800129								

Phụ lục 4: Hóa đơn GTGT của Công ty Cổ phần Én Việt, ký hiệu EV/17T, mẫu số 01GTKT2/003, số HD là 0007360.

Phụ lục 5: Hóa đơn GTGT của Khách hàng Lê Phong Đăng Khôi, ký hiệu TC/19E, mẫu số 01GTKT0/002, số HD là 0000249.

	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ DU LỊCH KẾT NỐI TOÀN CẦU Mã số thuế : 0313410237 Địa chỉ : 29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 01, Quận Phú Nhuận, TP. HCM Điện thoại : 028. 399 00 567 - 028. 399 00 365 Số tài khoản : 0721 000 575759 tại NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam, CN Kỳ Đồng																																																																						
HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG <i>(VAT INVOICE)</i>																																																																							
Ngày (day) 17 tháng (month) 06 năm (year) 2019																																																																							
Họ tên người mua hàng (Buyer's full name): LÊ PHONG ĐĂNG KHÔI Tên đơn vị (Company's name): Địa chỉ (Address): Mã số thuế (Tax code): Hình thức thanh toán (Payment method): Tiền mặt/Chuyển khoản Số tài khoản (AVC):																																																																							
Mẫu số (Form No.): 01GTKT0/002 Ký hiệu (Serial No.): TC/19E Số (Invoice No.): 0000249																																																																							
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="text-align: left;">STT (No.)</th> <th style="text-align: left;">Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)</th> <th style="text-align: left;">Đơn vị tính (Unit)</th> <th style="text-align: left;">Số lượng (Quantity)</th> <th style="text-align: left;">Đơn giá (Unit Price)</th> <th style="text-align: left;">Thành tiền (Amount)</th> <th style="text-align: left;">Thuế suất (Tax Rate)</th> <th style="text-align: left;">Tiền thuế (Tax Amount)</th> </tr> <tr> <th style="text-align: center;">1</th> <th style="text-align: center;">2</th> <th style="text-align: center;">3</th> <th style="text-align: center;">4</th> <th style="text-align: center;">5</th> <th style="text-align: center;">6 = 4 x 5</th> <th style="text-align: center;">7</th> <th style="text-align: center;">8 = 6 x 7</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="text-align: center;">1</td> <td>Dịch vụ phòng khách sạn</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td style="text-align: right;">2.081.818</td> <td style="text-align: right;">10%</td> <td style="text-align: right;">208.182</td> </tr> <tr> <td colspan="8" style="text-align: right; padding-top: 10px;"> Cộng tiền hàng (Sub total): 2.081.818 Tiền thuế GTGT (VAT Amount): 208.182 Tổng cộng tiền thanh toán (Grand payment): 2.290.000 </td> </tr> <tr> <td colspan="8" style="text-align: center; padding-top: 10px;"> Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Hai triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng chẵn . </td> </tr> <tr> <td colspan="4" style="text-align: center; padding-top: 10px;"> Người mua hàng (Buyer) </td> <td colspan="4" style="text-align: center; padding-top: 10px;"> Người bán hàng (Seller) </td> </tr> <tr> <td colspan="4"></td> <td colspan="4" style="text-align: center; background-color: #e0f2e0;"> Đã được ký điện tử bởi <i>(Signed digitally by)</i> CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ DU LỊCH KẾT NỐI TOÀN CẦU </td> </tr> <tr> <td colspan="8" style="text-align: center; font-size: small; padding-top: 10px;"> <i>(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i> Giải pháp Hóa đơn Điện tử được cung cấp bởi Công ty Cổ phần Bkav - MST 0101360697 -ĐT 1900 545414 - http://ehoadon.vn Hóa đơn Điện tử (HDDT) được tra cứu trực tuyến tại http://tracuu.ehoadon.vn. Mã tra cứu HDDT này: MFEKGLMWJD </td> </tr> </tbody></table>								STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)	Thuế suất (Tax Rate)	Tiền thuế (Tax Amount)	1	2	3	4	5	6 = 4 x 5	7	8 = 6 x 7	1	Dịch vụ phòng khách sạn				2.081.818	10%	208.182	Cộng tiền hàng (Sub total): 2.081.818 Tiền thuế GTGT (VAT Amount): 208.182 Tổng cộng tiền thanh toán (Grand payment): 2.290.000								Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Hai triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng chẵn .								Người mua hàng (Buyer)				Người bán hàng (Seller)								Đã được ký điện tử bởi <i>(Signed digitally by)</i> CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ DU LỊCH KẾT NỐI TOÀN CẦU				<i>(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i> Giải pháp Hóa đơn Điện tử được cung cấp bởi Công ty Cổ phần Bkav - MST 0101360697 -ĐT 1900 545414 - http://ehoadon.vn Hóa đơn Điện tử (HDDT) được tra cứu trực tuyến tại http://tracuu.ehoadon.vn . Mã tra cứu HDDT này: MFEKGLMWJD							
STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)	Thuế suất (Tax Rate)	Tiền thuế (Tax Amount)																																																																
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5	7	8 = 6 x 7																																																																
1	Dịch vụ phòng khách sạn				2.081.818	10%	208.182																																																																
Cộng tiền hàng (Sub total): 2.081.818 Tiền thuế GTGT (VAT Amount): 208.182 Tổng cộng tiền thanh toán (Grand payment): 2.290.000																																																																							
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Hai triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng chẵn .																																																																							
Người mua hàng (Buyer)				Người bán hàng (Seller)																																																																			
				Đã được ký điện tử bởi <i>(Signed digitally by)</i> CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ DU LỊCH KẾT NỐI TOÀN CẦU																																																																			
<i>(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i> Giải pháp Hóa đơn Điện tử được cung cấp bởi Công ty Cổ phần Bkav - MST 0101360697 -ĐT 1900 545414 - http://ehoadon.vn Hóa đơn Điện tử (HDDT) được tra cứu trực tuyến tại http://tracuu.ehoadon.vn . Mã tra cứu HDDT này: MFEKGLMWJD																																																																							

**GIA DINH WATER**

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC GIA ĐỊNH
Số 2Bis Ng Trang Long, P.14, Q.Bình Thạnh, TP HCM
ĐT: (028) 38412654 Fax: (028) 38418524

MÃ SỐ THUẾ: 0 3 0 4 8 0 6 2 2 5

MÃU SỐ: 01GTKT0/003
KÝ HIỆU: GD/19E
SỐ: 0800625

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(TIỀN NƯỚC)**

Kỳ: 6/2019 Từ ngày: 17/05/2019 đến ngày: 18/06/2019

KHÁCH HÀNG: NGUYEN THI HIEN THAO

ĐỊA CHỈ: 29/38 DOAN THI DIEM, PHUONG 1, QUAN PHU NHUAN, TP.HCM, VIET NAM

DCLD:

SDB: 1201 108 7130

MLT: GD.19.31.380

CHỈ SỐ MỐI: 726

MÃ SỐ THUẾ:

MGB: 11

CHỈ SỐ CŨ: 697

SHD: PN08930

DMKH: 16

MTT: 4

TIỀU THỦ (m³): 29

T I É N N U Ó C	LNTT	Đơn giá	Tiền nước	Thuế suất 5%/ Thuế GTGT	Phí BVMT
		16	5.300	223.400	11.170
		8	10.200		22.340
		5	11.400		
P B V M T		16	530	Tổng cộng tiền thanh toán: 256.910	
		8	1.020	Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm năm mươi sáu nghìn chín trăm mười đồng	
		5	1.140		

Ngày 21 tháng 06 năm 2019

GIÁM ĐỐC

Signature Valid

Ký bởi: Công Ty Cổ PhẦn Cấp Nước Gia Định

Ký Ngày: 21 tháng 06 năm 2019



Mã nhận hóa đơn: 2056C tra cứu tại: <http://giadinhwater.vn> hoặc <http://capnuocgiadinh.vn>
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

Nước là sự sống!

(Xuất bởi phần mềm EInvoice, ThaiSon Co.,ltd - MST: 01013000842 - www.einvoice.vn)



EVN HCMC

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

HÓA ĐƠN GTGT (TIỀN ĐIỆN)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Đợt: 1 Tháng: 6/2019
Kỳ: 7/2019 Từ ngày: 26/05/2019 Đến ngày:
25/06/2019

Mẫu số: 01GTKT0/001

Ký hiệu: AB/19E

Số: 3433170

ID HD: 423372134

CÔNG TY ĐIỆN LỰC GIA ĐỊNH

Địa chỉ: 81 Nguyễn Đình Chiểu, P.04, Q.Phú Nhuận

Điện thoại: **1900545454** MST: 0300951119004 ĐT SC: **1900545454**

Tên khách hàng: CTY TNHH ĐẦU TƯ DU LỊCH KẾT NỐI TOÀN CẦU

Địa chỉ khách hàng: 29/38 ĐOÀN THI ĐIÉM P01_Q.PHÚ NHUÂN

ĐT:	MST:	0313410237	Số công tơ:	07215288	Số hộ:	0
Mã KH:	Mã T Toán:	PE04000121078	Mã NN:	3101	Mã tổ:	D01
Mã trạm:	P GCS:	19G037450	Số GCS:	19G0380-1	Cấp ĐA:	2

Mã giá: KT: 100%*2666-KDDV-A

Bộ chi só	Chi số mới	Chi số cũ	Hệ số nhân	ĐN tiêu thụ	ĐN trực tiếp	ĐN trừ phụ	ĐN tính giá	Đơn giá	Thành tiền
Mã Điểm đo:PE04000121078001 - SLVC/SLHC (0/0) - Hệ số Cosfi 0- Hệ số K % 0									
Địa chỉ dùng điện: 29/38 ĐOÀN THI ĐIÉM P01_Q.PHÚ NHUÂN									
KT	13.157	12.574	1	583	0	0	583		
							583	2.666	1.554.278
Công							583		1.554.278
Thuế suất GTGT: 10% Thuế GTGT									155.428
Tổng tiền thanh toán									1.709.706
Số tiền bằng chữ: Một triệu bảy trăm linh chín nghìn bảy trăm linh sáu đồng.									
Ngày: 26/06/2019									
Người ký: CNTổng Cty Điện Lực TP.HCM TNHH - Cty Điện Lực Gia Định									

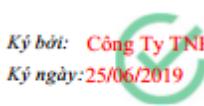
Phụ lục 7: Hóa đơn GTGT của Công ty TNHH Truyền thông và Du lịch Thé Kỷ, ký hiệu TC/19E, mẫu số 01GTKT0/002, số HD là 0000258.

	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ DU LỊCH KẾT NỐI TOÀN CẦU Ma số thuế : 0313410237 Địa chỉ : 29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 01, Quận Phú Nhuận, TP. HCM Điện thoại : 028.399 00 567 - 028.399 00 365 Số tài khoản : 0721 000 575759 tại NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam, CN Ký Đồng						
HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)							
				Mẫu số (Form No.): 01GTKT0/002 Kỳ hiệu (Serial No.): TC/19E Số (Invoice No.): 0000258			
Ngày (day) 21 tháng (month) 06 năm (year) 2019							
Họ tên người mua hàng (Buyer's full name): Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH TRUYỀN THÔNG VÀ DU LỊCH THÉ KỶ Địa chỉ (Address): 42 Trần Cao Vân, Phường 06, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Mã số thuế (Tax code): 0306867865 Hình thức thanh toán (Payment method): Tiền mặt/Chuyển khoản Số tài khoản (AVC):							
STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)	Thuế suất (Tax Rate)	Tiền thuế (Tax Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5	7	8 = 6 x 7
1	Vé Máy Bay Quốc Nội: 7382427362828	Vé	1	3.227.273	3.227.273	10%	322.727
2	Thuê phi, lệ phí sân bay (Thu hộ c quản nhà nước)				120.000	\	\
Cộng tiền hàng (Sub total): 3.347.273 Tiền thuế GTGT (VAT Amount): 322.727 Tổng cộng tiền thanh toán (Grand payment): 3.670.000							
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Ba triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn .							
Người mua hàng (Buyer)				Người bán hàng (Seller)			
<i>(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i> Giải pháp Hóa đơn Điện tử được cung cấp bởi Công ty Cổ phần Bkav - MST 0101360697 - ĐT 1900 545414 - http://ehoadon.vn Hóa đơn Điện tử (HĐĐT) được tra cứu trực tuyến tại http://tracuu.ehoadon.vn . Mã tra cứu HĐĐT này: TFPJFWIZ16							

Phụ lục 8: Hóa đơn GTGT của Công ty TNHH Bảo hiểm AIG Việt Nam , ký hiệu HM/18B, mẫu số 01GTKT0/001, số HD là 0013112.

	CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM AIG VIỆT NAM - CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH AIG Vietnam Insurance Company Limited - Ho Chi Minh City Branch Mã số thuế (Tax code): 0101873353-001 Địa chỉ (Address): Tầng 9, Tòa Nhà 1 Saigon Centre, Số 65 Lê Lợi, Quận 1, TP. HCM, Việt Nam Điện thoại (Tel): (84-28) 3914 0065 Fax: (84-28) 3914 0067 Hotline: +84 1800 6789 Website: www.aig.com.vn																	
HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG VAT INVOICE																		
Ngày (Date) 25 Tháng (Month) 6 Năm (Year) 2019		Mẫu số (Form No.): 01GTKT0/001	Ký hiệu (Serial): HM/18B															
		Số (No): 0013112																
Họ tên người mua hàng (Customer name): Công ty TNHH Đầu Tư Du lịch Kết Nối Toàn Cầu Mã số thuế (Tax code): 0313410237 Địa chỉ (Address): 29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TPHCM Hình thức thanh toán (Payment Term): Tiền mặt/Chuyển khoản																		
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="text-align: left; padding: 5px;">STT (No.)</th> <th style="text-align: left; padding: 5px;">LOẠI DỊCH VỤ (Type of service)</th> <th style="text-align: right; padding: 5px;">SỐ TIỀN (Amount)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="text-align: center; padding: 5px;">1</td> <td style="padding: 5px;">Bảo hiểm Du lịch Toàn cầu Travel Guard® 0298002395 - (Tháng 06/19)</td> <td style="text-align: right; padding: 5px;">1,814,000</td> </tr> <tr> <td colspan="2" style="text-align: right; padding: 5px;">Thành tiền (Total)</td> <td style="text-align: right; padding: 5px;">1,814,000</td> </tr> <tr> <td colspan="2" style="text-align: right; padding: 5px;">Thuế suất (Vat Rate) xxx</td> <td style="text-align: right; padding: 5px;">xxx</td> </tr> <tr> <td colspan="2" style="text-align: right; padding: 5px;">Tổng số tiền thanh toán (Grand total)</td> <td style="text-align: right; padding: 5px;">1,814,000</td> </tr> </tbody> </table>				STT (No.)	LOẠI DỊCH VỤ (Type of service)	SỐ TIỀN (Amount)	1	Bảo hiểm Du lịch Toàn cầu Travel Guard® 0298002395 - (Tháng 06/19)	1,814,000	Thành tiền (Total)		1,814,000	Thuế suất (Vat Rate) xxx		xxx	Tổng số tiền thanh toán (Grand total)		1,814,000
STT (No.)	LOẠI DỊCH VỤ (Type of service)	SỐ TIỀN (Amount)																
1	Bảo hiểm Du lịch Toàn cầu Travel Guard® 0298002395 - (Tháng 06/19)	1,814,000																
Thành tiền (Total)		1,814,000																
Thuế suất (Vat Rate) xxx		xxx																
Tổng số tiền thanh toán (Grand total)		1,814,000																
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một triệu tam trăm mười bốn nghìn đồng chẵn.																		
Người mua hàng (Buyer) Ký, ghi rõ họ tên (Sign, full name)	Người bán hàng (Seller) Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên (Sign, stamp, full name)	Ký bởi: CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM AIG VIỆT NAM - CN TP.HỒ CHÍ MINH Ký ngày: 25/06/2019 09:58:47																
Chi nhánh tại TP.Hồ Chí Minh: Tầng 9, Tòa Nhà 1 Saigon Centre 65 Lê Lợi, Quận 1, TP.HCM, Việt Nam Tel: (84-28) 3914 0065 Fax: (84-28) 3914 0067																		
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)																		

Phụ lục 9: Hóa đơn GTGT của Công ty TNHH Khanh Travel, ký hiệu TC/19E, mẫu số 01GKT0/002, số HD là 0001077.

KHANH <small>travel</small>	CÔNG TY TNHH DU LỊCH KHANH Địa chỉ: 631 Nguyễn Kiệm, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam Điện thoại: (028)38456425 / (028)38456427 - Fax: (028)38421425 Email: info@khanhtravel.com - Website: www.khanhtravel.com Số tài khoản: 0721000060677 - Vietcombank Chi nhánh Kỳ Đồng							
HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Ký hiệu : KA/19E Ngày 25 tháng 06 năm 2019 Mẫu số : 01GKT0/002 Số : 0001077								
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Công ty TNHH Đầu tư du lịch Kết Nối Toàn Cầu Địa chỉ: 29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh Mã số thuế: 0313410237 Hình thức thanh toán: TM/CK								
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	DVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế suất GTGT %	Tiền thuế GTGT	Số tiền thanh toán
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4x5)	(7)	(8)=(6x7)	(9)=(6+8)
1	Lệ phí sân bay	Vé	1	120.000	120.000	X		120.000
2	Vé máy bay quốc nội 7382427024202 SGNHAN	Vé	1	3.109.091	3.109.091	10%	310.909	3.420.000
3	Lệ phí sân bay	Vé	1	120.000	120.000	X		120.000
4	Vé máy bay quốc nội 7382427039145 SGNHAN	Vé	1	1.742.955	1.742.955	10%	174.295	1.917.250
5	Lệ phí sân bay	Vé	1	120.000	120.000	X		120.000
6	Vé máy bay quốc nội 7382427039146 SGNHAN	Vé	1	1.742.955	1.742.955	10%	174.295	1.917.250
7	Lệ phí sân bay	Vé	1	120.000	120.000	X		120.000
8	Vé máy bay quốc nội 7382427043957 HANSGN	Vé	1	3.109.091	3.109.091	10%	310.909	3.420.000
9	Lệ phí sân bay	Vé	1	120.000	120.000	X		120.000
10	Vé máy bay quốc nội 7382427136253 HANSGN	Vé	1	5.561.364	5.561.364	10%	556.136	6.117.500
Tổng cộng:					15.865.456		1.526.544	17.392.000
Số tiền viết bằng chữ <i>Mười bảy triệu ba trăm chín mươi hai ngàn đồng chẵn.</i>								
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)			Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)			Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)		
 <i>Ký bởi: Công Ty TNHH Du Lịch Khanh</i> <i>Ký ngày: 25/06/2019</i>								
<i>(Cần kiểm tra, đổi chiếu trước khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>								
<i>Mã tra cứu hóa đơn: EWF8SLM5KI</i> <i>Tra cứu tại Website: https://www.mectrinvoice.vn/tracuu/</i>								

Phát hành bởi phần mềm MectrInvoice - Công ty Cổ phần MIFIS | www.mifis.com.vn | MST: 0101243150

Phụ lục 10: Phiếu thu của Công ty đối với Khách hàng (Lê Phong Đăng Khôi).

CÔNG TY TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu 29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh Mã số thuế : 0313410237			Mẫu số: 01 - TT (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)	
PHIẾU THU Ngày 17 tháng 06 năm 2019				
Số: 0000108/02 Nợ: 1111 Có: 5111, 33311				
Họ và tên người nộp tiền: LÊ PHONG ĐĂNG KHÔI Địa chỉ: Lý do nộp: Doanh thu dịch vụ phòng khách sạn Số tiền: 2.290.000 Viết bằng chữ: Hai triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng Kèm theo: Hoá đơn số 0000249				
Giám đốc (Ký, họ tên và đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người nộp tiền (Ký, họ tên)	Người lập (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)
Ngày 17 tháng 06 năm 2019				
ĐẶNG VIỆT HÙNG				

Phụ lục 11: Phiếu thu của Công ty đối với Khách hàng (Công ty TNHH Truyền thông và Du lịch Thé Ký).

CÔNG TY TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu 29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh Mã số thuế : 0313410237			Mẫu số: 01 - TT (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)	
PHIẾU THU Ngày 21 tháng 06 năm 2019				
Số: 0000112/01 Nợ: 1111 Có: 5111, 33311				
Họ và tên người nộp tiền: Công Ty TNHH Truyền Thông Và Du Lịch Thé Ký Địa chỉ: 42 Trần Cao Vân, Phường 06, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh Lý do nộp: Doanh thu vé máy bay Số tiền: 3.670.000 Viết bằng chữ: Ba triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng Kèm theo: Hoá đơn số 0000258				
Giám đốc (Ký, họ tên và đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người nộp tiền (Ký, họ tên)	Người lập (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)
Ngày 21 tháng 06 năm 2019				
ĐẶNG VIỆT HÙNG				

Phụ lục 12: Phiếu chi của Công ty đối với Khách hàng (Công ty TNHH Hàng không Tre Việt).

CÔNG TY TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu 29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh Mã số thuế : 0313410237	Mẫu số: 02 - TT (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)			
PHIẾU CHI Ngày 13 tháng 06 năm 2019				
Họ và tên người nhận tiền: Công Ty TNHH Hàng Không Tre Việt Địa chỉ: Khu số 4, Khu du lịch biển Nhơn Lý - Cát Tiên, Xã Nhơn Lý, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định Lý do chi: Lệ phí sân bay, vé máy bay quốc nội Số tiền: 3.986.000 Kèm theo: Hóa đơn AC/19E số 0008157	Số: 0000234/01 Ng: 632, 1331 Có: 1386			
Giám đốc (Ký, họ tên và đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người nộp tiền (Ký, họ tên)	Người lập (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)
Ngày 13 tháng 06 năm 2019				
ĐĂNG VIỆT HÙNG				

Phụ lục 13: Phiếu chi của Công ty đối với Khách hàng(Công ty TNHH Khanh Travel).

CÔNG TY TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu 29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh Mã số thuế : 0313410237	Mẫu số: 02 - TT (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)			
PHIẾU CHI Ngày 14 tháng 06 năm 2019				
Họ và tên người nhận tiền: Công ty TNHH Du Lịch Khanh Địa chỉ: 631 Nguyễn Kiệm, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh Lý do chi: Thanh toán tiền vé máy bay cho đại lý Khanh Số tiền: 17.800.000 Kèm theo: Hóa đơn KA/19E số 0000604	Số: 0000224/01 Ng: 331 Có: 1111			
Giám đốc (Ký, họ tên và đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người nộp tiền (Ký, họ tên)	Người lập (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)
Ngày 14 tháng 06 năm 2019				
ĐĂNG VIỆT HÙNG				

Phụ lục 14: Phiếu chi của Công ty đối với Khách hàng(Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định).

CÔNG TY TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu 29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh Mã số thuế : 0313410237	Mẫu số: 02 - TT (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)			
PHIẾU CHI Ngày 20 tháng 06 năm 2019				
Họ và tên người nhận tiền: Công Ty Cổ Phần Cấp Nước Gia Định Địa chỉ: Số 2Bis Nơ Trang Long, Phường 14, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh Lý do chi: Tiền nước T06/2019 Số tiền: 256.910 Kèm theo: Hoá đơn GD/19E số 0800625	Số: 0000237/01 Ng: 64228, 1331 Có: 141			
Giám đốc (Ký, họ tên và đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người nộp tiền (Ký, họ tên)	Người lập (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)
Ngày 20 tháng 06 năm 2019				
ĐẶNG VIỆT HÙNG				

Phụ lục 15: Phiếu chi của Công ty đối với Khách hàng(Công ty Bảo hiểm AIG Việt Nam).

CÔNG TY TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu 29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh Mã số thuế : 0313410237	Mẫu số: 02 - TT (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)			
PHIẾU CHI Ngày 25 tháng 06 năm 2019				
Họ và tên người nhận tiền: Công Ty TNHH Bảo Hiểm AIG Việt Nam - Chi Nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh Địa chỉ: Tầng 9, Tòa Nhà 1 Saigon Centre, Số 65 Lê Lợi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh Lý do chi: Bảo hiểm du lịch Số tiền: 1.814.000 Kèm theo: Hoá đơn HM/18E số 0013112	Số: 0000260/01 Ng: 632 Có: 1111			
Giám đốc (Ký, họ tên và đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người nộp tiền (Ký, họ tên)	Người lập (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)
Ngày 25 tháng 06 năm 2019				
ĐẶNG VIỆT HÙNG				

Phụ lục 16: Phiếu chi của Công ty đối với Khách hàng(Công ty TNHH Khanh Travel).

CÔNG TY TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu 29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh Mã số thuế : 0313410237		Mẫu số: 02 - TT (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)		
PHIẾU CHI Ngày 25 tháng 06 năm 2019				
		Số: 0000260/02 Ng: 632, 1331 Có: 1111		
Họ và tên người nhận tiền: Công ty TNHH Du Lịch Khanh Địa chỉ: 631 Nguyễn Kiệm, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh Lý do chi: Lệ phí sân bay, vé máy bay quốc nội Số tiền: 17.392.000 Viết bằng chữ: Mười bảy triệu ba trăm chín mươi hai nghìn đồng Kèm theo: Hóa đơn KA/19E số 0001077				
Giám đốc (Ký, họ tên và đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người nộp tiền (Ký, họ tên)	Người lập (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)
Ngày 25 tháng 06 năm 2019				
ĐẶNG VIỆT HÙNG				

Phụ lục 17: Chứng từ Ngân hàng (Ngân hàng Vietcombank).

CÔNG TY TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu 29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh Mã số thuế : 0313410237		Số: 000236/01 Ng: 11213 Có: 515		
CHỨNG TỪ NGÂN HÀNG Ngày 17 tháng 06 năm 2019				
Đối tượng: Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi Nhánh Kỳ Đồng Địa chỉ: 13 Bis Kỳ Đồng, Phường 09, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh Lý do: Tiền lãi ngân hàng Vietcombank T06/2019 Số tiền: 204.611 Viết bằng chữ: Hai trăm lẻ bốn nghìn sáu trăm mươi một đồng Kèm theo:				
Giám đốc (Ký, họ tên và đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người nộp tiền (Ký, họ tên)	Người lập (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)
Ngày 17 tháng 06 năm 2019				
ĐẶNG VIỆT HÙNG				

Phụ lục 18: Chứng từ Ngân hàng (Ngân hàng Agribank).

CÔNG TY TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu
29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh
Mã số thuế : 0313410237

CHỨNG TỪ NGÂN HÀNG

Ngày 20 tháng 06 năm 2019

Số: 000238/01

Ng: 64225, 1331

Có: 11212

Đối tượng: Ngân hàng Nông Nghiệp VÀ Phát Triển Nông Thôn Việt Nam - Chi Nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Số 02A Phó Đức Chính, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Lý do: Phí quản lý tài khoản ngân hàng Agribank

Số tiền: **11.000**

Viết bằng chữ: Mười một nghìn đồng

Kèm theo:

Ngày 20 tháng 06 năm 2019

Giám đốc
(Ký, họ tên và đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người nộp tiền
(Ký, họ tên)

Người lập
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

ĐẶNG VIỆT HÙNG

Phụ lục 19: Chứng từ Ngân hàng (Kho bạc Nhà nước).

CÔNG TY TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu
29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh
Mã số thuế : 0313410237

CHỨNG TỪ NGÂN HÀNG

Ngày 23 tháng 07 năm 2019

Số: 000258/01

Ng: 33311

Có: 11211

Đối tượng: Kho Bạc Nhà Nước Quận Phú Nhuận

Địa chỉ: 145 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Lý do: Nộp thuế GTGT Quý 02/2019

Số tiền: **5.243.866**

Viết bằng chữ: Năm triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm sáu mươi sáu đồng

Kèm theo:

Ngày 23 tháng 07 năm 2019

Giám đốc
(Ký, họ tên và đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người nộp tiền
(Ký, họ tên)

Người lập
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

ĐẶNG VIỆT HÙNG

Phụ lục 20: Phiếu Kế toán đối với Chi cục Thuế quận Phú Nhuận.

CÔNG TY TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu
29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh
Mã số thuế : 0313410237

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 04 tháng 06 năm 2019

Số: 000010/01

Đối tượng: Chi cục thuế Quận Phú Nhuận

Địa chỉ: 145/9 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Lý do: Điều chỉnh tăng thuế GTGT quyết toán năm 2015-2017 theo quyết định số 912/QĐ-CCTPN

STT dòng	Tên tài khoản	Số hiệu tài khoản		Số tiền
		Nợ	Có	
A	B	C	D	1
1	Thuế GTGT được khấu trừ	1331		2,042,807
2	Thu nhập khác		711	2,042,807
	Cộng	X	X	

Kèm theo:

Giám đốc
(Ký, họ tên và đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập
(Ký, họ tên)

Ngày 04 tháng 06 năm 2019

ĐẶNG VIỆT HÙNG

Phụ lục 21: Chứng từ Ngân hàng (sao kê Ngân hàng Vietcombank).

SAO KÊ TÀI KHOẢN				
Ngày thực hiện: 01/08/2019				
Chủ tài khoản:	CT TNHH DAU TU DU LICH KET NOI TOAN CAU			
Số tài khoản:	721000575759			
Địa chỉ:	29/38 DOAN THI DIEM P1 Q.PHU NHUAN HCM			
CIF:	10159606			
Loại tiền:	VND			
Từ:	01/07/2019 Đến: 31/07/2019			
Số dư đầu kỳ	1,053,652,821.00	Số dư cuối kỳ	931,210,330.00	Mô tả
Ngày giao dịch	Số tham chiếu	Số tiền ghi nợ	Số tiền ghi có	
Tổng số				
23/07/2019	VNTN - 0031360	5,243,866.00		NTDT+KB:0119-KBNN Quan Phu Nhuan - TP Ho Chi Minh+NgayNT:23072019+MST:0313410237+DBHC:768HH+TKN S:7111+CQT:1056442+LThue:01(C:754-TM:1701-KT:00/Q2/2019-ST:5243866-GChu:Thue GTGT Quy 2/2019)

Trân trọng cảm ơn quý khách đã sử dụng dịch vụ của Vietcombank!

=====

VIETCOMBANK - Chung niềm tin vững tương lai

Ghi chú: Sao kê này không thay cho các cam kết của Ngân hàng TMCP Ngoại thương về các nghĩa vụ của khách hàng được xác nhận với

Postal address:
198 TRAN QUANG KHAI AVENUE
HANOI - VIETNAM

Telex: (0805) 411504 VCB - VT
Swift: BFTV VNFX
Website: www.vietcombank.com.vn
Contact center: 1900.54.54.13

Ngan Hang Nong nghiep va Phat trien Nong thon Viet Nam - He thong Internet Banking
 Tai Khoan: 1700201196572 Tu ngay: 01/06/2019 Den ngay: 30/06/2019

Ngay Giao dich	Ngay Hach тоан	Tu tai khoan	Den tai khoan	So Du truoc	+/-	So Tien Giao dich	So Du	Loai Tien	Dien Giai	Chi nhanh	Trang thai
20/06/2019	20/06/2019	1700201196572		71623460	-	11000	71612460	VND	Thu phi quan ly tai khoan KH to chuc	1700	Thành công

Phụ lục 22: Chứng từ Ngân hàng (sao kê Ngân hàng Vietcombank).

Vietcombank Chung niem tin vung tuong lai		SAO KÊ TÀI KHOẢN		
		Ngày thực hiện: 01/07/2019		
Chủ tài khoản:	CT TNHH DAU TU DU LICH KET NOI TOAN CAU			
Số tài khoản:	725005607010			
Địa chỉ:	29/38 DOAN THI DIEM P1 Q.PHU NHUAN HCM			
CIF:	10159606			
Loại tiền:	VND			
Từ: 01/06/2019 Đến: 30/06/2019				
Số dư đầu kỳ		Số dư cuối kỳ		
Ngày giao dịch	Số tham chiếu	Số tiền ghi nợ	Số tiền ghi có	Mô tả
17/06/2019	19629		204,611.00	
Tổng số		0	204,611.00	

Phụ lục 23: Sô nhật ký chung.

CÔNG TY TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu

Mẫu số: S03A-DNN

29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

Mã số thuế : 0313410237

ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỐ NHẬT KÝ CHUNG

Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	Đã Ghi Số Cái	STT Dòng	Số hiệu TK ĐU'	Phát sinh trong kỳ (Vnd)	
	Số hiệu	Ngày					Nợ	Có
			- Số trang trước chuyển sang:	X	X	X		
31/03/2019	KC.01	31/03/19	Kết chuyển số dư tài khoản 511				2,542,471,540	2,542,471,540
			Doanh thu bán hàng hóa	X	1	511	2,542,471,540	
			Xác định kết quả kinh doanh	X	2	911		2,542,471,540
31/03/2019	KC.02	31/03/19	Kết chuyển số dư tài khoản 515				1,231,976	1,231,976
			Doanh thu hoạt động tài chính	X	3	515	1,231,976	
			Xác định kết quả kinh doanh	X	4	911		1,231,976
31/03/2019	KC.03	31/03/19	Kết chuyển số dư tài khoản 632				2,249,659,130	2,249,659,130
			Xác định kết quả kinh doanh	X	5	911	2,249,659,130	
			Giá vốn hàng bán	X	6	632		2,249,659,130
31/03/2019	KC.04	31/03/19	Kết chuyển số dư tài khoản 642				380,844,400	380,844,400
			Xác định kết quả kinh doanh	X	7	911	380,844,400	
			Chi phí quản lý kinh doanh	X	8	642		380,844,400
31/03/2019	KC.05	31/03/19	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 421				86,800,014	86,800,014
			Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	X	9	421	86,800,014	
			Xác định kết quả kinh doanh	X	10	911		86,800,014
04/06/2019	KA/19E.0000604	04/06/19	Lệ phí sân bay, vé máy bay quốc nội				17,757,900	17,757,900
			Giá vốn hàng bán	X	11	632	16,252,635	
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	X	12	1331	1,505,265	
			Phải trả cho người bán	X	13	331		17,757,900
04/06/2019	PKT.000010/01	04/06/19	Điều chỉnh tăng thuế GTGT quyết toán năm 2015-2017 theo quyết định số 912/QĐ-CCTPN				2,042,807	2,042,807
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	X	14	1331	2,042,807	
			Thu nhập khác	X	15	711		2,042,807
04/06/2019	HDBR.00224	04/06/19	Doanh thu vé máy bay				5,170,000	5,170,000
			Phải thu của khách hàng	X	16	131	5,170,000	

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	Đã Ghi Số Cái	STT Dòng	Số hiệu TK ĐƯ	Phát sinh trong kỳ (Vnd)	
	Số hiệu	Ngày					Nợ	Có
			Doanh thu bán hàng hóa	X	17	5111		4,721,818
			Thuế GTGT đầu ra	X	18	33311		448,182
			- Cộng chuyển sang trang sau	X	X	X	5,285,977,767	5,285,977,767

- Sổ này có 03 trang, được đánh số từ trang 01 đến trang 01

- Ngày mở sổ: 01/01/2019

			- Số trang trước chuyển sang:	X	X	X	5,285,977,767	5,285,977,767
13/06/2019	PC.0000234/01	13/06/19	Lệ phí sân bay, vé máy bay quốc nội				3,986,000	3,986,000
			Giá vốn hàng bán	X	1	632	3,645,000	
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	X	2	1331	341,000	
			Ký quỹ, ký cược dài hạn (BAMBOO)	X	3	1386		3,986,000
14/06/2019	EV/17T.0007360	14/06/19	Hoàn vé máy bay quốc tế				(85,198,000)	(85,198,000)
			Giá vốn hàng bán	X	4	632	(85,198,000)	
			Phải trả cho người bán	X	5	331		(85,198,000)
14/06/2019	PC.0000224/01	14/06/19	Thanh toán tiền vé máy bay cho đại lý Khanh				17,800,000	17,800,000
			Phải trả cho người bán	X	6	331	17,800,000	
			Tiền Việt Nam	X	7	1111		17,800,000
17/06/2019	HDBR.00249	17/06/19	Doanh thu dịch vụ phòng khách sạn				2,290,000	2,290,000
			Tiền Việt Nam	X	8	1111	2,290,000	
			Doanh thu bán hàng hóa	X	9	5111		2,081,818
			Thuế GTGT đầu ra	X	10	33311		208,182
17/06/2019	CTNH.000236/01	17/06/19	Tiền lãi ngân hàng Vietcombank T06/2019				204,611	204,611
			Tiền gửi ngân hàng (Thẻ tín dụng Vietcombank)	X	11	11213	204,611	
			Doanh thu hoạt động tài chính	X	12	515		204,611
20/06/2019	PC.0000239/01	20/06/19	Tiền nước T06/2019				256,910	256,910
			Chi phí quản lý - khác, công tác	X	13	64228	244,676	
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	X	14	1331	12,234	
			Tạm ứng	X	15	141		256,910
20/06/2019	CTNH.000238/01	20/06/19	Phí quản lý tài khoản ngân hàng Agribank				11,000	11,000

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	Đã Ghi Số Cái	STT Dòng	Số hiệu TK ĐU	Phát sinh trong kỳ (Vnd)	
	Số hiệu	Ngày					Nợ	Có
			Thuế, phí và lệ phí	X	16	64225	10,000	
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	X	17	1331	1,000	
			Tiền gửi ngân hàng (Agribank)	X	18	11212		11,000
			- Cộng chuyển sang trang sau	X	X	X	5,225,328,288	5,225,328,288

- Sổ này có 03 trang, được đánh số từ trang 01 đến trang 02

- Ngày mở sổ: 01/01/2019

			- Số trang trước chuyển sang:	X	X	X	5,225,328,288	5,225,328,288
21/06/2019	HDBR.00258	21/06/19	Doanh thu vé máy bay				3,670,000	3,670,000
			Tiền Việt Nam	X	1	1111	3,670,000	
			Doanh thu bán hàng hóa	X	2	5111		3,347,273
			Thuế GTGT đầu ra	X	3	33311		322,727
25/06/2019	PC.0000260/01	25/06/19	Bảo hiểm du lịch				1,814,000	1,814,000
			Giá vốn hàng bán	X	4	632	1,814,000	
			Tiền Việt Nam	X	5	1111		1,814,000
25/06/2019	AB/19E.3433170	25/06/19	Phí tiền điện T06/2019				1,709,706	1,709,706
			Chi phí bán hàng - khác	X	6	64218	1,554,278	
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	X	7	1331	155,428	
			Phải trả cho người bán	X	8	331		1,709,706
25/06/2019	PC.0000260/02	25/06/19	Lệ phí sân bay, vé máy bay quốc nội				17,392,000	17,392,000
			Giá vốn hàng bán	X	9	632	15,865,456	
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	X	10	1331	1,526,544	
			Tiền Việt Nam	X	11	1111		17,392,000
23/07/2019	CTNH.000258/01	23/07/19	Nộp thuế GTGT Quý 02/2019				5,243,866	5,243,866
			Thuế GTGT đầu ra	X	12	33311	5,243,866	
			Tiền gửi ngân hàng (Vietcombank)	X	13	11211		5,243,866
			TỔNG CỘNG	X	X	X	5,255,157,860	5,255,157,860

- Sổ này có 03 trang, được đánh số từ trang 01 đến trang 03

Phụ lục 24: Sô cái (tài khoản 111).

CÔNG TY TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu
29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh
Mã số thuế : 0313410237

Mẫu số: S03A-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỐ CÁI

Năm: 2019

Tên tài khoản: Tiền mặt

Số hiệu: 111

Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK ĐU'	Phát sinh trong kỳ (Vnd)	
	Số hiệu	Ngày		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			- Số dư đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ:				646,776,609	
14/06/2019	PC.0000224/01	14/06/19	Thanh toán tiền vé máy bay cho đại lý Khanh	2	7	331		17,800,000
17/06/2019	HDBR.00249	17/06/19	Doanh thu dịch vụ phòng khách sạn	2	8	5111	2,081,818	
17/06/2019	HDBR.00249	17/06/19	Doanh thu dịch vụ phòng khách sạn	2	8	33311	208,182	
21/06/2019	HDBR.00258	21/06/19	Doanh thu vé máy bay	3	1	5111	3,347,273	
21/06/2019	HDBR.00258	21/06/19	Doanh thu vé máy bay	3	1	33311	322,727	
25/06/2019	PC.0000260/01	25/06/19	Bảo hiểm du lịch	3	5	632		1,814,000
25/06/2019	PC.0000260/02	25/06/19	Lệ phí sân bay, vé máy bay quốc nội	3	11	632		15,865,456
25/06/2019	PC.0000260/02	25/06/19	Lệ phí sân bay, vé máy bay quốc nội	3	11	1331		1,526,544
			- Cộng số phát sinh trong kỳ	X	X	X	5,960,000	37,006,000
			- Số dư cuối kỳ	X	X	X	615,730,609	

Phụ lục 25: Sô cái (tài khoản 112).

CÔNG TY TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu 29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh Mã số thuế : 0313410237						Mẫu số: S03A-DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)	
SỐ CÁI Năm: 2019 Tên tài khoản: Tiền gửi ngân hàng Số hiệu: 112							
Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK ĐU'	Phát sinh trong kỳ (Vnd)
	Số hiệu	Ngày		Trang số	STT dòng		Nợ
			- Số dư đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ:				523,419,791
17/06/2019	CTNH.000236/01	17/06/19	Tiền lãi ngân hàng Vietcombank T06/2019	2	11	515	204,611
20/06/2019	CTNH.000238/01	20/06/19	Phí quản lý tài khoản ngân hàng Agribank	2	18	64225	10,000
20/06/2019	CTNH.000238/01	20/06/19	Phí quản lý tài khoản ngân hàng Agribank	2	18	1331	1,000
23/07/2019	CTNH.000258/01	23/07/19	Nộp thuế GTGT Quý 02/2019	3	13	33311	5,243,866
			- Cộng số phát sinh trong kỳ	X	X	X	204,611
			- Số dư cuối kỳ	X	X	X	518,369,536

Phụ lục 26: Sô cái (tài khoản 131).

CÔNG TY TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu 29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh Mã số thuế : 0313410237						Mẫu số: S03A-DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)	
SỐ CÁI Năm: 2019 Tên tài khoản: Phí thu khách hàng Số hiệu: 131							
Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK ĐU'	Phát sinh trong kỳ (Vnd)
	Số hiệu	Ngày		Trang số	STT dòng		Nợ
			- Số dư đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ:				395,457,905
04/06/2019	HDBR.00224	04/06/19	Doanh thu vé máy bay	1	16	5111	4,721,818
04/06/2019	HDBR.00224	04/06/19	Doanh thu vé máy bay	1	16	33311	448,182
			- Cộng số phát sinh trong kỳ	X	X	X	5,170,000
			- Số dư cuối kỳ	X	X	X	400,627,905

Phụ lục 27: Sổ cái (tài khoản 1331).

CÔNG TY TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu 29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh Mã số thuế : 0313410237				Mẫu số: S03A-DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)				
SỔ CÁI Năm: 2019 Tên tài khoản: Thuế GTGT được khấu trừ Số hiệu: 1331								
Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK ĐU	Phát sinh trong kỳ (Vnd)	
	Số hiệu	Ngày		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			- Số dư đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ:					
04/06/2019	KA/19E.0000604	04/06/19	Lệ phí sân bay, vé máy bay quốc nội	1	12	331	1,505,265	
04/06/2019	PKT.000010/01	04/06/19	Điều chỉnh tăng thuế GTGT quyết toán năm 2015-2017 theo quyết định số 912/QĐ-CCTPN	1	14	711	2,042,807	
13/06/2019	PC.0000234/01	13/06/19	Lệ phí sân bay, vé máy bay quốc nội	2	2	1386	341,000	
20/06/2019	PC.0000239/01	20/06/19	Tiền nước T06/2019	2	14	141	12,234	
20/06/2019	CTNH.000238/01	20/06/19	Phi quản lý tài khoản ngân hàng Agribank	2	17	11212	1,000	
25/06/2019	AB/19E.3433170	25/06/19	Phi tiền điện T06/2019	3	7	331	155,428	
25/06/2019	PC.0000260/02	25/06/19	Lệ phí sân bay, vé máy bay quốc nội	3	10	1111	1,526,544	
			- Cộng số phát sinh trong kỳ	X	X	X	5,584,278	
			- Số dư cuối kỳ	X	X	X	5,584,278	

Phụ lục 28: Sổ cái (tài khoản 138).

CÔNG TY TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu 29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh Mã số thuế : 0313410237						Mẫu số: S03A-DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)		
SỔ CÁI								
Năm: 2019								
Tên tài khoản: Phải thu khác								
Số hiệu: 138								
Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK ĐU'	Phát sinh trong kỳ (Vnd)	
	Số hiệu	Ngày		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			- Số dư đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ:				8,930,000	
13/06/2019	PC.0000234/01	13/06/19	Lệ phí sân bay, vé máy bay quốc nội	2	3	632		3,645,000
13/06/2019	PC.0000234/01	13/06/19	Lệ phí sân bay, vé máy bay quốc nội	2	3	1331		341,000
			- Cộng số phát sinh trong kỳ	X	X	X		3,986,000
			- Số dư cuối kỳ	X	X	X	4,944,000	

Phụ lục 29: Sổ cái (tài khoản 141).

CÔNG TY TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu 29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh Mã số thuế : 0313410237						Mẫu số: S03A-DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)		
SỔ CÁI								
Năm: 2019								
Tên tài khoản: Tạm ứng								
Số hiệu: 141								
Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK ĐU'	Phát sinh trong kỳ (Vnd)	
	Số hiệu	Ngày		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			- Số dư đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ:					
20/06/2019	PC.0000239/01	20/06/19	Tiền nước T06/2019	2	15	64228		244,676
20/06/2019	PC.0000239/01	20/06/19	Tiền nước T06/2019	2	15	1331		12,234
			- Cộng số phát sinh trong kỳ	X	X	X		256,910
			- Số dư cuối kỳ	X	X	X		256,910

Phụ lục 30: Sô cái (tài khoản 331).

CÔNG TY TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu 29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh Mã số thuế : 0313410237			Mẫu số: S03A-DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)					
Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK ĐU'	Phát sinh trong kỳ (Vnd)	
	Số hiệu	Ngày		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			- Số dư đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ:					113,474,757
04/06/2019	KA/19E.0000604	04/06/19	Lệ phí sân bay, vé máy bay quốc nội	1	13	632		16,252,635
04/06/2019	KA/19E.0000604	04/06/19	Lệ phí sân bay, vé máy bay quốc nội	1	13	1331		1,505,265
14/06/2019	EV/17T.0007360	14/06/19	Hoàn vé máy bay quốc tế	2	5	632		(85,198,000)
14/06/2019	PC.0000224/01	14/06/19	Thanh toán tiền vé máy bay cho đại lý Khanh	2	6	1111	17,800,000	
25/06/2019	AB/19E.3433170	25/06/19	Phí tiền điện T06/2019	3	8	64218		1,554,278
25/06/2019	AB/19E.3433170	25/06/19	Phí tiền điện T06/2019	3	8	1331		155,428
			- Cộng số phát sinh trong kỳ	X	X	X	17,800,000	(65,730,394)
			- Số dư cuối kỳ	X	X	X		29,944,363

Phụ lục 31: Sô cái (tài khoản 333).

CÔNG TY TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu 29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh Mã số thuế : 0313410237			Mẫu số: S03A-DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)					
Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK ĐU'	Phát sinh trong kỳ (Vnd)	
	Số hiệu	Ngày		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			- Số dư đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ:					
04/06/2019	HDBR.00224	04/06/19	Doanh thu vé máy bay	1	18	131		448,182
17/06/2019	HDBR.00249	17/06/19	Doanh thu dịch vụ phòng khách sạn	2	10	1111		208,182
21/06/2019	HDBR.00258	21/06/19	Doanh thu vé máy bay	3	3	1111		322,727
23/07/2019	CTNH.000258/01	23/07/19	Nộp thuế GTGT Quý 02/2019	3	12	11211	5,243,866	
			- Cộng số phát sinh trong kỳ	X	X	X	5,243,866	979,091
			- Số dư cuối kỳ	X	X	X		(4,264,775)

Phụ lục 32: Sô cái (tài khoản 421).

CÔNG TY TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu 29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh Mã số thuế : 0313410237						Mẫu số: S03A-DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)		
SỐ CÁI								
Năm: 2019								
Tên tài khoản: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối								
Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK ĐÚ	Phát sinh trong kỳ (Vnd)	
	Số hiệu	Ngày		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			- Số dư đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ:					
31/03/2019	KC.05	31/03/19	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212	1	9	911	86,800,014	
			- Cộng số phát sinh trong kỳ	X	X	X	86,800,014	
			- Số dư cuối kỳ	X	X	X		(86,800,014)

Phụ lục 33: Sô cái (tài khoản 511).

CÔNG TY TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu 29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh Mã số thuế : 0313410237						Mẫu số: S03A-DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)		
SỐ CÁI								
Năm: 2019								
Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ								
Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK ĐÚ	Phát sinh trong kỳ (Vnd)	
	Số hiệu	Ngày		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			- Số dư đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ:					
31/03/2019	KC.01	31/03/19	Kết chuyển số dư tài khoản 511	1	1	911	2,542,471,540	
04/06/2019	HDBR.00224	04/06/19	Doanh thu vé máy bay	1	17	131		4,721,818
17/06/2019	HDBR.00249	17/06/19	Doanh thu dịch vụ phòng khách sạn	2	9	1111		2,081,818
21/06/2019	HDBR.00258	21/06/19	Doanh thu vé máy bay	3	2	1111		3,347,273
			- Cộng số phát sinh trong kỳ	X	X	X	X	X
			- Số dư cuối kỳ	X	X	X	X	X

Phụ lục 34: Sổ cái (tài khoản 515).

CÔNG TY TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu 29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh Mã số thuế : 0313410237					Mẫu số: S03A-DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)		
SỔ CÁI					Năm: 2019		
Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính					Số hiệu: 515		
Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu	Phát sinh trong kỳ (Vnd)
	Số hiệu	Ngày		Trang số	STT dòng	TK ĐU'	Nợ Có
			- Số dư đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ:				
31/03/2019	KC.02	31/03/19	Kết chuyển số dư tài khoản 515	1	3	911	1,231,976
17/06/2019	CTNH.000236/01	17/06/19	Tiền lãi ngân hàng Vietcombank T06/2019	2	12	11213	204,611
			- Cộng số phát sinh trong kỳ	X	X	X	X
			- Số dư cuối kỳ	X	X	X	X

Phụ lục 35: Sổ cái (tài khoản 632).

CÔNG TY TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu 29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh Mã số thuế : 0313410237					Mẫu số: S03A-DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)		
SỔ CÁI					Năm: 2019		
Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán					Số hiệu: 632		
Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu	Phát sinh trong kỳ (Vnd)
	Số hiệu	Ngày		Trang số	STT dòng	TK ĐU'	Nợ Có
			- Số dư đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ:				
31/03/2019	KC.03	31/03/19	Kết chuyển số dư tài khoản 632	1	6	911	2,249,659,130
04/06/2019	KA/19E.0000604	04/06/19	Lệ phí sân bay, vé máy bay quốc nội	1	11	331	16,252,635
13/06/2019	PC.0000234/01	13/06/19	Lệ phí sân bay, vé máy bay quốc nội	2	1	1386	3,645,000
14/06/2019	EV/17T.0007360	14/06/19	Hoàn vé máy bay quốc tế	2	4	331	(85,198,000)
25/06/2019	PC.0000260/01	25/06/19	Bảo hiểm du lịch	3	4	1111	1,814,000
25/06/2019	PC.0000260/02	25/06/19	Lệ phí sân bay, vé máy bay quốc nội	3	9	1111	15,865,456
			- Cộng số phát sinh trong kỳ	X	X	X	X
			- Số dư cuối kỳ	X	X	X	X

Phụ lục 36: Sô cái (tài khoản 642).

CÔNG TY TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu 29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh Mã số thuế : 0313410237			Mẫu số: S03A-DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)				
SỐ CÁI			Năm: 2019				
Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh			Số hiệu: 642				
Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK ĐƯ	Phát sinh trong kỳ (Vnd)
	Số hiệu	Ngày		Trang số	STT dòng		
		- Số dư đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ:					
31/03/2019	KC.04	31/03/19	Kết chuyển số dư tài khoản 642	1	8	911	380,844,400
20/06/2019	PC.0000239/01	20/06/19	Tiền nước T06/2019	2	13	141	244,676
20/06/2019	CTNH.000238/01	20/06/19	Phí quản lý tài khoản ngân hàng Agribank	2	16	11212	10,000
25/06/2019	AB/19E.3433170	25/06/19	Phi tiền điện T06/2019	3	6	331	1,554,278
		- Cộng số phát sinh trong kỳ	X	X	X	X	X
		- Số dư cuối kỳ	X	X	X	X	X

Phụ lục 37: Sô cái (tài khoản 711).

CÔNG TY TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu 29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh Mã số thuế : 0313410237			Mẫu số: S03A-DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)				
SỐ CÁI			Năm: 2019				
Tên tài khoản: Thu nhập khác			Số hiệu: 711				
Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK ĐƯ	Phát sinh trong kỳ (Vnd)
	Số hiệu	Ngày		Trang số	STT dòng		
		- Số dư đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ:					
04/06/2019	PKT.000010/01	04/06/19	Điều chỉnh tăng thuế GTGT quyết toán năm 2015-2017 theo quyết định số 912/QĐ-CCTPN	1	15	1331	2,042,807
		- Cộng số phát sinh trong kỳ	X	X	X	X	X
		- Số dư cuối kỳ	X	X	X	X	X

Phụ lục 38: Số cái (tài khoản 911).

CÔNG TY TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu		Mẫu số: S03A-DNN
29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh		(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
Mã số thuế : 0313410237		ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)
SỐ CÁI		Năm: 2019
Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh		
Số hiệu: 911		

Phụ lục 39: Sổ chi tiết (tài khoản 1111).

Phụ lục 40: Sổ chi tiết (tài khoản 1121).

CÔNG TY TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu 29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh Mã số thuế : 0313410237						Mẫu số S05-DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)																																								
SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG																																														
Tài khoản: 11211 (Vietcombank) <i>Năm 2019</i>																																														
<i>Đơn vị tính: Việt Nam đồng</i>																																														
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th colspan="3" style="text-align: left; padding: 5px;">Chứng từ</th> <th rowspan="2" style="text-align: center; vertical-align: middle; padding: 5px;">Diễn giải</th> <th rowspan="2" style="text-align: center; vertical-align: middle; padding: 5px;">Số hiệu TK ĐU'</th> <th colspan="2" style="text-align: center; padding: 5px;">Số tiền</th> </tr> <tr> <th style="text-align: center; width: 10%;">Loại</th> <th style="text-align: center; width: 10%;">Số</th> <th style="text-align: center; width: 10%;">Ngày</th> <th style="text-align: center; width: 10%;">Gửi vào</th> <th style="text-align: center; width: 10%;">Rút ra</th> <th style="text-align: center; width: 10%;">Còn lại</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td></td><td></td><td></td><td style="text-align: center;"><i>Số dư đầu kỳ</i></td><td></td><td></td><td style="text-align: right;">468,854,826</td></tr> <tr> <td>CTNH</td><td>000258/01</td><td>23/07/19</td><td>Nộp thuế GTGT Quý 02/2019</td><td style="text-align: center;">33311</td><td style="text-align: center;">5,243,866</td><td style="text-align: right;">463,610,960</td></tr> <tr> <td></td><td></td><td></td><td style="text-align: center;"><i>Công phát sinh</i></td><td></td><td></td><td style="text-align: right;">5,243,866</td></tr> <tr> <td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td style="text-align: right;">463,610,960</td></tr> </tbody> </table>						Chứng từ			Diễn giải	Số hiệu TK ĐU'	Số tiền		Loại	Số	Ngày	Gửi vào	Rút ra	Còn lại				<i>Số dư đầu kỳ</i>			468,854,826	CTNH	000258/01	23/07/19	Nộp thuế GTGT Quý 02/2019	33311	5,243,866	463,610,960				<i>Công phát sinh</i>			5,243,866							463,610,960
Chứng từ			Diễn giải	Số hiệu TK ĐU'	Số tiền																																									
Loại	Số	Ngày			Gửi vào	Rút ra	Còn lại																																							
			<i>Số dư đầu kỳ</i>			468,854,826																																								
CTNH	000258/01	23/07/19	Nộp thuế GTGT Quý 02/2019	33311	5,243,866	463,610,960																																								
			<i>Công phát sinh</i>			5,243,866																																								
						463,610,960																																								

CÔNG TY TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu 29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh Mã số thuế : 0313410237						Mẫu số S05-DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)																																															
SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG																																																					
Tài khoản: 11212 (Agribank) <i>Năm 2019</i>																																																					
<i>Đơn vị tính: Việt Nam đồng</i>																																																					
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th colspan="3" style="text-align: left; padding: 5px;">Chứng từ</th> <th rowspan="2" style="text-align: center; vertical-align: middle; padding: 5px;">Diễn giải</th> <th rowspan="2" style="text-align: center; vertical-align: middle; padding: 5px;">Số hiệu TK ĐU'</th> <th colspan="2" style="text-align: center; padding: 5px;">Số tiền</th> </tr> <tr> <th style="text-align: center; width: 10%;">Loại</th> <th style="text-align: center; width: 10%;">Số</th> <th style="text-align: center; width: 10%;">Ngày</th> <th style="text-align: center; width: 10%;">Gửi vào</th> <th style="text-align: center; width: 10%;">Rút ra</th> <th style="text-align: center; width: 10%;">Còn lại</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td></td><td></td><td></td><td style="text-align: center;"><i>Số dư đầu kỳ</i></td><td></td><td></td><td style="text-align: right;">3,732,140</td></tr> <tr> <td>CTNH</td><td>000238/01</td><td>20/06/19</td><td>Phi quản lý tài khoản ngân hàng Agribank</td><td style="text-align: center;">64225</td><td style="text-align: center;">10,000</td><td style="text-align: right;">3,722,140</td></tr> <tr> <td>CTNH</td><td>000238/01</td><td>20/06/19</td><td>Phi quản lý tài khoản ngân hàng Agribank</td><td style="text-align: center;">1331</td><td style="text-align: center;">1,000</td><td style="text-align: right;">3,721,140</td></tr> <tr> <td></td><td></td><td></td><td style="text-align: center;"><i>Công phát sinh</i></td><td></td><td></td><td style="text-align: right;">10,000</td></tr> <tr> <td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td style="text-align: right;">3,722,140</td></tr> </tbody> </table>						Chứng từ			Diễn giải	Số hiệu TK ĐU'	Số tiền		Loại	Số	Ngày	Gửi vào	Rút ra	Còn lại				<i>Số dư đầu kỳ</i>			3,732,140	CTNH	000238/01	20/06/19	Phi quản lý tài khoản ngân hàng Agribank	64225	10,000	3,722,140	CTNH	000238/01	20/06/19	Phi quản lý tài khoản ngân hàng Agribank	1331	1,000	3,721,140				<i>Công phát sinh</i>			10,000							3,722,140
Chứng từ			Diễn giải	Số hiệu TK ĐU'	Số tiền																																																
Loại	Số	Ngày			Gửi vào	Rút ra	Còn lại																																														
			<i>Số dư đầu kỳ</i>			3,732,140																																															
CTNH	000238/01	20/06/19	Phi quản lý tài khoản ngân hàng Agribank	64225	10,000	3,722,140																																															
CTNH	000238/01	20/06/19	Phi quản lý tài khoản ngân hàng Agribank	1331	1,000	3,721,140																																															
			<i>Công phát sinh</i>			10,000																																															
						3,722,140																																															

CÔNG TY TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu
29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh
Mã số thuế : 0313410237

Mẫu số S05-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG
Tài khoản: 11213 (Thẻ tín dụng Vietcombank)
Năm 2019

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Chứng từ			Diễn giải	Số hiệu TK ĐU	Số tiền		
Loại	Số	Ngày			Gửi vào	Rút ra	Còn lại
			Số dư đầu kỳ				50,914,611
CTNH	000236/01	17/06/19	Tiền lãi ngân hàng Vietcombank T06/2019	515	204,611		51,119,222
			Cộng phát sinh		204,611		51,119,222

Phụ lục 41: Sô chi tiết (tài khoản 131).

CÔNG TY TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu
29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh
Mã số thuế : 0313410237

Mẫu số S12-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THEO DỒI CÔNG NỢ PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Tài khoản: 131
Đối tượng: Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Kiến Trúc AA
Năm: 2019

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Chứng từ			Diễn giải	Số hiệu TK ĐU	Phát sinh		Số dư	
Loại	Số	Ngày			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				52,336,700	
04/06/2019	HDBR.00224	04/06/19	Doanh thu vé máy bay	5111	4,721,818		57,058,518	
04/06/2019	HDBR.00224	04/06/19	Thuế GTGT đầu ra HD: 00224, 04/06/2019	33311	448,182		57,506,700	
			Cộng phát sinh		5,170,000		57,506,700	

Phụ lục 42: Sổ chi tiết (tài khoản 1331).

CÔNG TY TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu 29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh Mã số thuế : 0313410237			Mẫu số S19-DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)									
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN												
Tài khoản: 1331 - Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hoá, dịch vụ												
Năm: 2019												
			<i>Đơn vị tính: Việt Nam đồng</i>									
Chứng từ			Diễn giải	Số hiệu TK Dư	Phát sinh		Số dư					
Loại	Số	Ngày			Nợ	Có	Nợ					
Số dư đầu kỳ												
04/06/2019	KA/19E.0000604	04/06/19	Thuế GTGT mua vào HD số: 0000604, 04/06/19	331	1,505,265		1,505,265					
04/06/2019	PKT.000010/01	04/06/19	Điều chỉnh tăng thuế GTGT quyết toán năm 2015-2017 theo quyết định số 912/QĐ-CCTPN	711	2,042,807		3,548,072					
13/06/2019	PC.0000234/01	13/06/19	Thuế GTGT mua vào HD số: 0008157, 13/06/19	1386	341,000		3,889,072					
20/06/2019	PC.0000239/01	20/06/19	Thuế GTGT mua vào HD số: 0800625, 20/06/19	141	12,234		3,901,306					
20/06/2019	CTNH.000238/01	20/06/19	Phi quản lý tài khoản ngân hàng Agribank	11212	1,000		3,902,306					
25/06/2019	AB/19E.3433170	25/06/19	Thuế GTGT mua vào HD số: 3433170, 25/06/19	331	155,428		4,057,734					
25/06/2019	PC.0000260/02	25/06/19	Thuế GTGT mua vào HD số: 0001077, 25/06/19	1111	1,526,544		5,584,278					
Cộng phát sinh					5,584,278		5,584,278					

Phụ lục 43: Sổ chi tiết (tài khoản 1386).

CÔNG TY TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu 29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh Mã số thuế : 0313410237			Mẫu số S19-DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)									
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN												
Tài khoản: 1386 - Ký quỹ, ký cược dài hạn												
Năm: 2019												
			<i>Đơn vị tính: Việt Nam đồng</i>									
Chứng từ			Diễn giải	Số hiệu TK Dư	Phát sinh		Số dư					
Loại	Số	Ngày			Nợ	Có	Nợ					
Số dư đầu kỳ							8,930,000					
13/06/19	PC.0000234/01	13/06/19	Lệ phí sân bay, vé máy bay quốc nội	632		240,000	8,690,000					
13/06/19	PC.0000234/01	13/06/19	Lệ phí sân bay, vé máy bay quốc nội	632		3,405,000	5,285,000					
13/06/19	PC.0000234/01	13/06/19	Thuế GTGT mua vào HD số: 0008157, 13/06/19	1331		341,000	4,944,000					
Cộng phát sinh						3,986,000	4,944,000					

Phụ lục 44: Sổ chi tiết (tài khoản 141).

CÔNG TY TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu 29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh Mã số thuế : 0313410237			Mẫu số S19-DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)									
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN												
Tài khoản: 141 - Tạm ứng												
Đối tượng: Nguyễn Thị Hiền Thảo												
Năm: 2019												
<i>Đơn vị tính: Việt Nam đồng</i>												
Chứng từ			Diễn giải	Số hiệu TK DÙ	Phát sinh		Số dư					
Loại	Số	Ngày			Nợ	Có	Nợ	Có				
			<i>Số dư đầu kỳ</i>									
20/06/2019	PC.0000239/01	20/06/19	Tiền nước T06/2019	64228		240,000	(240,000)					
20/06/2019	PC.0000239/01	20/06/19	Thuế GTGT mua vào HD số: 0800625, 20/06/19	1331		3,405,000	(3,645,000)					
			<i>Cộng phát sinh</i>			3,645,000	(3,645,000)					

Phụ lục 45: Sổ chi tiết (tài khoản 331).

CÔNG TY TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu 29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh Mã số thuế : 0313410237			Mẫu số S12-DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)									
SỔ CHI TIẾT THEO ĐỐI CÔNG NỢ PHẢI TRẢ ĐÓI TÁC												
Tài khoản: 331												
Đối tượng: Công ty TNHH Du Lịch Khanh												
Năm: 2019												
<i>Đơn vị tính: Việt Nam đồng</i>												
Chứng từ			Diễn giải	Số hiệu TK DÙ	Phát sinh		Số dư					
Loại	Số	Ngày			Nợ	Có	Nợ	Có				
			<i>Số dư đầu kỳ</i>									
04/06/2019	KA/19E.0000604	04/06/19	Lệ phí sân bay, vé máy bay quốc nội	632		1,200,000	25,735,600					
04/06/2019	KA/19E.0000604	04/06/19	Lệ phí sân bay, vé máy bay quốc nội	632		15,052,635	40,788,235					
04/06/2019	KA/19E.0000604	04/06/19	Thuế GTGT mua vào HD số: 0000604, 04/06/19	1331		1,505,265	42,293,500					
14/06/2019	PC.0000224/01	14/06/19	Thanh toán tiền vé máy bay cho đại lý Khanh	1111		17,800,000	60,093,500					
			<i>Cộng phát sinh</i>			35,557,900	60,093,500					

CÔNG TY TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu
29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh
Mã số thuế : 0313410237

Mẫu số S12-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỐ CHI TIẾT THEO ĐỐI CÔNG NỢ PHẢI TRẢ ĐỐI TÁC

Tài khoản: 331
Đối tượng: Công ty Cổ phần Én Việt
Năm: 2019

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Chứng từ			Diễn giải	Số hiệu TK Dư	Phát sinh		Số dư	
Loại	Số	Ngày			Nợ	Có	Nợ	Có
			<i>Số dư đầu kỳ</i>					82,320,600
14/06/2019	EV/17T.0007360	14/06/19	Hoàn vé máy bay quốc tế	632		(85,198,000)		(2,877,400)
			<i>Công phát sinh</i>			(85,198,000)		(2,877,400)

CÔNG TY TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu
29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh
Mã số thuế : 0313410237

Mẫu số S12-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỐ CHI TIẾT THEO ĐỐI CÔNG NỢ PHẢI TRẢ ĐỐI TÁC

Tài khoản: 331
Đối tượng: Công ty Điện Lực Gia Định
Năm: 2019

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Chứng từ			Diễn giải	Số hiệu TK Dư	Phát sinh		Số dư	
Loại	Số	Ngày			Nợ	Có	Nợ	Có
			<i>Số dư đầu kỳ</i>					
25/06/2019	AB/19E.3433170	25/06/19	Phi tiền điện T06/2019	64218		1,554,278		1,554,278
25/06/2019	AB/19E.3433170	25/06/19	Thuế GTGT mua vào HD số: 3433170, 25/06/19	1331		155,428		1,709,706
			<i>Công phát sinh</i>			1,709,706		1,709,706

Phụ lục 46: Sổ chi tiết (tài khoản 33311).

CÔNG TY TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu 29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh Mã số thuế : 0313410237			Mẫu số S19-DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)									
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN												
Tài khoản: 33311 - Thuế GTGT đầu ra												
Năm: 2019												
<i>Đơn vị tính: Việt Nam đồng</i>												
Chứng từ			Diễn giải	Số hiệu TK ĐU	Phát sinh		Số dư					
Loại	Số	Ngày			Nợ	Có	Nợ	Có				
			Số dư đầu kỳ									
04/06/2019	HDBR.00224	04/06/19	Thuế GTGT đầu ra HD : 00224, 04/06/2019	131		448,182						
17/06/2019	HDBR.00244	17/06/19	Thuế GTGT đầu ra HD: 00249, 17/06/19	1111		208,182						
21/06/2019	HDBR.00258	21/06/19	Thuế GTGT đầu ra HD : 00258, 21/06/19	1111		322,727						
23/07/2019	CTNH.000258/01	23/07/19	Nộp thuế GTGT Quý 02/2019	11211	5,243,866		(4,264,775)					
			Cộng phát sinh		5,243,866	979,091	(4,264,775)					

Phụ lục 47: Sổ chi tiết (tài khoản 5111).

CÔNG TY TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu 29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh Mã số thuế : 0313410237			Mẫu số S19-DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)									
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN												
Tài khoản: 5111 - Doanh thu bán hàng hoá												
Năm: 2019												
<i>Đơn vị tính: Việt Nam đồng</i>												
Chứng từ			Diễn giải	Số hiệu TK ĐU	Phát sinh		Số dư					
Loại	Số	Ngày			Nợ	Có	Nợ	Có				
			Số dư đầu kỳ									
04/06/2019	HDBR.00224	04/06/19	Doanh thu vé máy bay	131		4,721,818						
17/06/2019	HDBR.00244	17/06/19	Doanh thu dịch vụ phòng khách sạn	1111		2,081,818						
21/06/2019	HDBR.00258	21/06/19	Doanh thu vé máy bay	1111		3,347,273						
			Cộng phát sinh			10,150,909						

Phụ lục 48: Sổ chi tiết (tài khoản 64218).

CÔNG TY TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu 29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh Mã số thuế : 0313410237			Mẫu số S19-DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)									
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN												
Tài khoản: 64218 - Chi phí bán hàng - khác												
Năm: 2019												
<i>Đơn vị tính: Việt Nam đồng</i>												
Chứng từ			Diễn giải	Số hiệu TK ĐU	Phát sinh		Số dư					
Loại	Số	Ngày			Nợ	Có	Nợ	Có				
			<i>Số dư đầu kỳ</i>									
25/06/2019	AB/19E.3433170	25/06/19	Phi tiền điện T06/2019	331	1,554,278		1,554,278					
			<i>Cộng phát sinh</i>		1,554,278							

CÔNG TY TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu 29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh Mã số thuế : 0313410237			Mẫu số S19-DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)									
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN												
Tài khoản: 64218 - Chi phí bán hàng - khác												
Năm: 2019												
Chứng từ			Diễn giải	Số hiệu TK ĐU	Phát sinh		Số dư					
Loại	Số	Ngày			Nợ	Có	Nợ	Có				
			<i>Số dư đầu kỳ</i>									
25/06/2019	AB/19E.3433170	25/06/19	Phi tiền điện T06/2019	331	1,554,278		1,554,278					
			<i>Cộng phát sinh</i>		1,554,278							

Phụ lục 49: Sô chi tiết (tài khoản 64225).

CÔNG TY TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu 29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh Mã số thuế : 0313410237			Mẫu số S19-DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)									
SỐ CHI TIẾT TÀI KHOẢN												
Tài khoản: 64225 - Thuế, phí và lệ phí												
<i>Năm: 2019</i>												
<i>Đơn vị tính: Việt Nam đồng</i>												
Chứng từ			Diễn giải	Số hiệu TK ĐU	Phát sinh		Số dư					
Loại	Số	Ngày			Nợ	Có	Nợ					
			Số dư đầu kỳ									
20/06/2019	CTNH.000238/01	20/06/19	Phi quản lý tài khoản ngân hàng Agribank	11212	10,000		10,000					
			Cộng phát sinh		10,000							

Phụ lục 50: Sô chi tiết (tài khoản 64228).

CÔNG TY TNHH Đầu Tư Du Lịch Kết Nối Toàn Cầu 29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh Mã số thuế : 0313410237			Mẫu số S19-DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)									
SỐ CHI TIẾT TÀI KHOẢN												
Tài khoản: 64228 - Chi phí quản lý - khác, công tác												
<i>Năm: 2019</i>												
<i>Đơn vị tính: Việt Nam đồng</i>												
Chứng từ			Diễn giải	Số hiệu TK ĐU	Phát sinh		Số dư					
Loại	Số	Ngày			Nợ	Có	Nợ					
			Số dư đầu kỳ									
20/06/2019	PC.0000239/01	20/06/19	Tiền nước T06/2019	141	244,676		244,676					
			Cộng phát sinh		244,676							

Phụ lục 51: Bảng cân đối phát sinh tài khoản

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ DỰ LỊCH KẾT NỐI TOÀN CẦU
29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh
Mã số thuế : 0313410237

1/2

Mẫu số B01 – DN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG CÂN ĐÓI PHÁT SINH TÀI KHOẢN
Từ ngày 01/01/18 đến ngày 31/12/18

Mã hiệu	Tên tài khoản	Số dư đầu kỳ (Vnd)		Phát sinh trong kỳ (Vnd)		Số dư cuối kỳ (Vnd)	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
111	Tiền mặt	1.101.472.379		5.667.461.688	6.122.157.458	646.776.609	
1111	Tiền mặt	1.101.472.379		5.667.461.688	6.122.157.458	646.776.609	
112	Tiền gửi ngân hàng	309.918.470		5.096.311.703	4.882.810.382	523.419.791	
1121		309.918.470		5.096.311.703	4.882.810.382	523.419.791	
131	Phai thu của khách hàng	348.455.975		4.715.122.354	4.668.120.424	395.457.905	
133	Thuế GTGT được khấu trừ	5.108.619		495.761.028	500.869.647		
1331	- Thuế GTGT được khấu trừ của HHDV mua vào	5.108.619		495.761.028	500.869.647		
138	Phai thu khác			8.930.000	8.930.000		
1388	- Phai thu khác			8.930.000	8.930.000		
156	Hàng hóa			4.254.545	4.254.545		
242	Chi phí trả trước	22.727.499		57.190.000	79.917.499		
331	Phai trả cho người bán	34.394.913		4.683.737.520	113.474.757		
333	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước			510.524.649	511.943.382	1.418.733	
3331	- Thuế giá trị gia tăng			506.723.341	508.142.074	1.418.733	
3339	- Phí, lệ phí, các khoản nộp khác			3.801.308	3.801.308		
334	Phai trả công nhân viên	68.516.250		394.358.750	325.822.500		
335	Chi phí trả				8.734.000	8.734.000	
338	Phai trả, phải nộp khác		355.700	53.578.100	53.222.400		
3382	- Kinh phí công đoàn		355.700	355.700			
3383	- Bảo hiểm xã hội			42.411.600	42.411.600		
3384	- Bảo hiểm y tế			7.484.400	7.484.400		
3385	Bảo hiểm thất nghiệp			3.326.400	3.326.400		

Mã hiệu	Tên tài khoản	Số dư đầu kỳ (Vnd)		Phát sinh trong kỳ (Vnd)		Số dư cuối kỳ (Vnd)	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
353	Quỹ khen thưởng, phúc lợi			13,900,000	13,900,000		
3532	Quỹ phúc lợi			13,900,000	13,900,000		
411	Nguồn vốn kinh doanh			1,800,000,000			1,800,000,000
4111	Vốn góp của chủ sở hữu			1,800,000,000			1,800,000,000
421	Lợi nhuận chưa phân phối	115,583,921		493,130,392	250,741,128	357,973,185	
4211	- Lợi nhuận năm trước	53,654,313		(19,599,516)		34,054,797	
4212	- Lợi nhuận năm nay	61,929,608		512,729,908	250,741,128	323,918,388	
511	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			9,510,067,269	9,510,067,269		
5111	- Doanh thu bán hàng hóa			9,510,067,269	9,510,067,269		
515	Doanh thu hoạt động tài chính			2,301,847	2,301,847		
632	Giá vốn hàng bán			8,920,523,288	8,920,523,288		
642	Chi phí quản lý doanh nghiệp			813,372,062	813,372,062		
6421	- Chi phí nhân viên quản lý			510,735,294	510,735,294		
6422	- Chi phí vật liệu quản lý			302,636,768	302,636,768		
811	Chi phí khác			20,863,030	20,863,030		
911	Xác định kết quả			10,025,099,024	10,025,099,024		
	Tổng cộng	1,903,266,863	1,903,266,863	51,407,387,405	51,407,387,405	1,923,627,490	1,923,627,490

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập

LÊ NGỌC MAI TRINH

ĐĂNG VIỆT HÙNG

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ DU LỊCH KẾT NỐI TOÀN CẦU

29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh

Mã số thuế : 0313410237

Mẫu số B 01 – DNN
 Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
 Ngày 26/8/2016 của bộ trưởng BTC

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN

Tại ngày : 31/12/2018

Đơn vị tính : Đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 - 110+120+130+140+150)	100		1.565.654.305	1.787.682.942
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.170.196.400	1.411.390.849
1. Tiền		V.01	1.170.196.400	1.411.390.849
2. Các khoản tương đương tiền	112	V.02		
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	129			
III. Các khoản phải thu	130		395.457.905	348.455.975
1. Phải thu khách hàng	131		395.457.905	348.455.975
2. Trả trước cho người bán	132			
3. Phải thu nội bộ	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
- Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc				
- Phải thu nội bộ khác				
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03		
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi(*)	139			
IV. Hàng tồn kho	140			
1. Hàng tồn kho	141	V.04		
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150			27.836.118
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			22.727.499
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			5.108.619
2. Các khoản thuế phải thu	154	V.05		
3. Tài sản ngắn hạn khác	158			
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 - 210+220+240+250+260)	200			
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Phải thu nội bộ dài hạn	212	V.06		
3. Phải thu dài hạn khác	218	V.07		
4. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220			

1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08		
- Nguyên giá	222			
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	223			
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09		
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10		
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	229			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11		
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12		
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
Nợ - Có : 222				
Nợ - Có : 223				
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13		
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260			
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	261	V.14		
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21		
3. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 - 100+200)	270		1.565.654.305	1.787.682.942

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 - 310+320)	300		123.627.490	103.266.863
I. Nợ ngắn hạn	310		123.627.490	103.266.863
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15		
2. Phải trả người bán	312		113.474.757	34.394.913
3. Người mua trả tiền trước	313			
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	1.418.733	
5. Phải trả công nhân viên người lao động	315			68.516.250
6. Chi phí phải trả	316	V.17	8.734.000	355.700
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.18		
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			

II. Nợ dài hạn	330			
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20		
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21		
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 - 410+420)	400		1.442.026.815	1.684.416.079
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	1.442.026.815	1.684.416.079
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.800.000.000	1.800.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
3. Cổ phiếu ngân quỹ (*)	414			
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
6. Quỹ đầu tư phát triển	417			
7. Quỹ dự phòng tài chính	418			
8. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
9. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(357.973.185)	(115.583.921)
10. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Quỹ khen thưởng phúc lợi	431			
2. Nguồn kinh phí	432	V.23		
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430- 300+400)	440		1.565.654.305	1.787.682.942

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

LÊ NGỌC MAI TRINH

ĐẶNG VIỆT HÙNG

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ DU LỊCH KẾT NỐI TOÀN CẦU

29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh
Mã số thuế : 0313410237

Mẫu số B02 – DNN
Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của bộ trưởng BTC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01/01/18 đến ngày 31/12/18

DVT : Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL25	9.510.067.269	6.766.366.230
2. Các khoản giảm trừ	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10-01-03)	10		9.510.067.269	6.766.366.230
4. Giá vốn hàng bán	11	VL27	8.920.523.288	6.049.588.756
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20-10-11)	20		589.543.981	716.777.474
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL26	2.301.847	664.478
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VL28		
- Trong đó lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		813.372.062	699.855.106
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		(221.526.234)	17.586.846
11. Thu nhập khác	31			1
12. Chi phí khác	32		20.863.030	33.000
13. Lợi nhuận khác (40-31-32)	40		(20.863.030)	(32.999)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50-30+40)	50		(242.389.264)	17.553.847
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VL30		
16. Chi phí thuế TNDN hoàn lại	52	VL30		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60-50-51)	60		(242.389.264)	17.553.847
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

LÊ NGỌC MAI TRINH

ĐẶNG VIỆT HÙNG

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ DU LỊCH KẾT NỐI TOÀN CẦU
 29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh
 Mã số thuế : 0313410237

Mẫu số B 03 – DNN

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
 Ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO LUU CHUYÊN TIỀN TỆ

Từ ngày 01/01/18 đến ngày 31/12/18

Đơn vị tính : Đồng

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay Kỳ này	Năm trước Kỳ này
L LUU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu bán hàng,cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		10.104.028.980	542.834.900
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(4.608.912.221)	(6.451.443.747)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(376.875.150)	(314.675.465)
4. Tiền lãi vay đã trả	04			
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05			
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		143.508.564	6.414.287.027
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(5.505.246.469)	(551.920.238)
LUU CHUYÊN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	20		(243.496.296)	(360.917.523)
II. LUU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCD, BDSĐT và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCD, BDSĐT và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	24			
5. Tiền thu lãi cho vay ,cỗ tức và lợi nhuận được chia	25		2.301.847	664.478
LUU CHUYÊN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	30		2.301.847	664.478
III. LUU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu ,nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33			
4. Tiền trả nợ gốc vay và nợ thuê tài chính	34			
6. Cỗ tức,lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	35			
LUU CHUYÊN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	40			
LUU CHUYÊN TIỀN THUẦN TRONG KỲ(50-20+30+40)	50		(241.194.449)	(360.253.045)
- TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60		1.411.390.849	1.771.643.894
- Ánh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
- TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ (70-50+60+61)	70		1.170.196.400	1.441.390.849

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

LÊ NGỌC MAI TRINH

ĐẶNG VIỆT HÙNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số: 01/GTGT
(Đây là khái theo Thông tư
số 26/2015/TT-BTC ngày
27/02/2015 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (MẪU SỐ 01/GTGT)

(Dành cho người nộp thuế khai thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ)

[01] Kỳ tính thuế: Quý 2 năm 2019

[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ: []

[04] Tên người nộp thuế: CTY TNHH ĐẦU TƯ DU LỊCH KẾT NỐI TOÀN CẦU

[05] Mã số thuế: 0313410237

[06] Địa chỉ: 29/38 Đoàn Thị Điểm, Phường 01

[07] Quận/Huyện: Phú Nhuận

[08] Tỉnh/Thành phố: Hồ Chí Minh

[09] Điện thoại:

[10] Fax: [11] E-mail:

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):

[13] Mã số thuế:

[14] Địa chỉ:

[15] Quận/Huyện:

[16] Tỉnh/Thành phố:

[17] Điện thoại:

[18] Fax: [19] E-mail:

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số

Ngày:

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Giá trị HHDV (chưa có thuế GTGT)	Thuế GTGT
A	Không phát sinh hoạt động mua, bán trong kỳ (danh dấu "X")	[21]	[]
B	Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang		[22] 0
C	Kê khai thuế GTGT phải nộp Ngân sách nhà nước		
I	Hàng hóa, dịch vụ (HHDV) mua vào trong kỳ		
1	Giá trị và thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào	[23]	1.494.284.459 [24] 66.932.345
2	Tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này		[25] 66.932.345
II	Hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ		
1	Hàng hóa, dịch vụ bán ra không chịu thuế GTGT	[26]	0
2	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT ($[27]=[29]+[30]+[32]+[32a]; [28]=[31]+[33]$)	[27]	1.664.832.352 [28] 74.219.018
a	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 0%	[29]	885.011.870
b	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 5%	[30]	1.764.762 [31] 88.238
c	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10%	[32]	741.307.720 [33] 74.130.780
d	Hàng hóa, dịch vụ bán ra không tính thuế	[32a]	36.748.000
3	Tổng doanh thu và thuế GTGT của HHDV bán ra ($[34]=[26]+[27]; [35]=[28]$)	[34]	1.664.832.352 [35] 74.219.018
III	Thuế GTGT phát sinh trong kỳ ($[36]=[35]-[25]$)		[36] 7.286.673
IV	Điều chỉnh tăng, giảm thuế GTGT còn được khấu trừ của các kỳ trước		
1	Điều chỉnh giảm	[37]	0
2	Điều chỉnh tăng	[38]	2.042.807
V	Thuế GTGT đã nộp ở địa phương khác của hoạt động kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng, bất động sản ngoại tỉnh		[39] 0
VI	Xác định nghĩa vụ thuế GTGT phải nộp trong kỳ:		
1	Thuế GTGT phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ ($[40a]=[36]-[22]+[37]-[38]-[39] \geq 0$)	[40a]	5.243.866
2	Thuế GTGT mua vào của dự án đầu tư được bù trừ với thuế GTGT còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ tính thuế	[40b]	0
3	Thuế GTGT còn phải nộp trong kỳ ($[41]=[40a]-[40b]$)	[40]	5.243.866
4	Thuế GTGT chưa khấu trừ hết kỳ này (nếu $[41]=[36]-[22]+[37]-[38]-[39] < 0$)	[41]	0

4.1	Tổng số thuế GTGT để nghị hoàn	[42]	0
4.2	Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau ($ 43 = 41 - 42 $)	[43]	0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày 30 tháng 06 năm 2019

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP
THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Đặng Việt Hùng

Ghi chú:

- GTGT: Giá trị Gia tăng
- HHDV: Hàng hóa dịch vụ

Hỗ trợ hạch toán MLNSNN

Hạch toán chi tiêu [40] vào tiêu mục 1701



Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ DU LỊCH KẾT NỐI TOÀN CẦU.



Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ DU LỊCH KẾT NỐI TOÀN CẦU.



Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ DU LỊCH KẾT NỐI TOÀN CẦU.

